

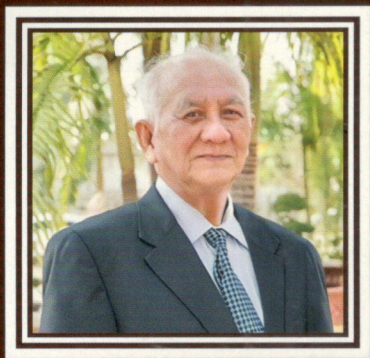
VIỆT NAM ĐỒNG ỨNG LIỆU PHÁP

(VIETNAM LY'S CORRESPONDING RESPONSE THERAPY)



LÝ PHƯỚC LỘC

Sơ Lược về Tiểu Sử Tác Giả



Lương y Lý Phước Lộc sinh năm Giáp Thân tại làng Phước Hải, tỉnh Phước Tuy (Bà Rịa)

1965 – 1966 : Sinh viên Đại Học Khoa Học Sài Gòn

1966 – 1975 : Sĩ quan Không Quân Việt Nam Cộng Hòa

1981 – 1995 : Thành viên nhóm Nghiên Cứu Điện Chẩn

Điều Khiển Liệu Pháp Bùi Quốc Châu

1995 : Định cư tại tiểu bang California Hoa Kỳ

Lương y Lý Phước Lộc nguyên là đệ tử của lương y Bùi Quốc Châu và cũng là thành viên của nhóm Nghiên Cứu & Phát Triển Điện Chẩn Điều Khiển Liệu Pháp (DCĐKLP) Bùi Quốc Châu trong thập niên 80.

Qua nhiều năm nghiên cứu LÝ ĐỒNG ỨNG dựa theo Học Thuyết Âm Dương, lương y Lý Phước Lộc đã xây dựng và phát triển Việt Nam Đồng Ứng Liệu Pháp (VNĐƯLP), một phương pháp tìm sinh huyết khắp toàn thân rất đơn giản và hiệu quả trong việc chẩn trị những rối loạn chức năng của cơ thể mà không cần dùng thuốc, cao dán, kim châm, hay dụng cụ, v.v.



Sức Khỏe là Tài Sản
Trí Tuệ là Thần Thông
Biết Đủ là Hạnh Phúc
Cho Đi là Không Mất
Đồng Ứng Bất Cường Cầu



Lời Nói Đầu

Qua bao năm ấp ủ hôm nay Việt-Nam Đồng Ưng Liệu Pháp (VNĐULP) Toàn Tập được hân hạnh ra mắt Quý Vị trong hoàn cảnh rất đặc biệt của nhân loại, Dịch Wuhan (CoVid-19). Kinh qua cơn đại Dịch này chúng ta càng sáng tỏ câu nói của tiên nhân:

Cứu Bệnh như Cứu Lửa

Chúng tôi hy vọng quyển sách nhỏ này là:

- ❖ Người bạn đồng hành với những độc giả có tâm hướng về Y Đạo Việt-Nam
- ❖ Người bạn chí tình của anh chị em học viên khi không Thầy xa Bạn
- ❖ Một chút Thiện Duyên cho những bệnh nhân đang khốn khó vì không Thầy, không Thuốc.

VNĐULP Toàn Tập là tổng hợp những thành quả của Thầy và Trò, Người Chữa Bệnh và Bệnh Nhân, của Lý Thuyết và Thực Hành qua thời gian dài học tập, nghiên cứu, áp dụng, và phát triển phương pháp. Thông qua sự chuyên tâm thực hành phương pháp hằng ngày, mỗi bệnh nhân sẽ là một người thầy chữa bệnh cho chính mình.

Vì khuôn khổ sách có giới hạn và việc ứng dụng phương pháp là cần thiết, chúng tôi cố gắng minh họa các **Sinh-Huyết** chủ yếu trong thực tế điều trị. Do vậy phần lý thuyết chỉ được trình bày cô đọng theo **Lý Đồng Ưng**. Ước mong Quý Vị sẽ tâm đắc sau khi chuyên cần thực hành phương pháp.

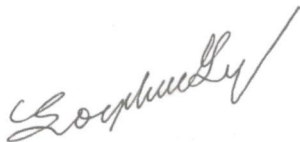
Hoàn thành VNĐULP Toàn Tập chúng tôi xin trân trọng tri ân:

- ❖ Các bậc Việt Y Sư Cổ Đức
- ❖ Ông Bùi Quốc Châu - người sáng lập Diện Chẩn Điều Khiển Liệu Pháp. Hiện là Giáo Sư, Tiến sĩ Khoa học Danh dự, Giám đốc Viện Nghiên cứu và Đào tạo Công tác Xã hội, Tổng Giám đốc Trung tâm Việt Y Đạo Quốc Tế tại thành phố HCM-Việt Nam
- ❖ Ông Huỳnh Hiếu Hữu - Nguyên Lương Y và Trưởng Phòng Đông Y quận 3 thành phố Sài gòn, sau 1975. Hiện đang cư ngụ tại Nam California, USA
- ❖ Ông Đinh Sĩ Năng-Cố Dược sĩ

Sau cùng chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả bệnh nhân và anh chị em học viên khắp nơi trên thế giới đã tận tâm, hết sức giúp đỡ phổ biến VNĐULP qua nhiều hình thức và cụ thể nhất là việc tổ chức các khóa học trong những năm tháng vừa qua.

Rừng Y Biển Đạo - Bể Học Mênh Mông, những điều trình bày trong quyển sách nhỏ này chỉ là những gợi ý cô đọng theo kinh nghiệm lâm sàng, nên không tránh khỏi thiếu sót. Ngưỡng mong Quý Vị lượng tình chỉ giáo.

Anaheim, ngày 10 tháng 06 năm 2020



Lý Phước Lộc

MỤC LỤC

PHẦN I: TỔNG QUÁT	10
A. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ VIỆT-NAM ĐỒNG ỨNG LIỆU PHÁP	10
1. Nguồn Gốc.....	10
2. Liên Lạc Và Trang Mạn Chính	10
B. KIẾN THỨC ĐÔNG Y CƠ BẢN	11
1. Khí Huyết Tạng Phủ	11
2. Kinh Mạch.....	11
3. Ngũ Bệnh	12
4. Ngũ Thương.....	12
5. Thập Hội Huyết.....	12
6. Lục Tổng Huyết.....	12
7. Thập Tam Quỷ Huyết.....	13
8. Giờ Vận Hành Tạng Phủ	13
9. Thập Nhị Cân Kinh	14
C. HÌNH CƠ THỂ HỌC.....	26
D. ĐỒ HÌNH ĐỒNG ỨNG	30
PHẦN II: ĐỒNG ỨNG TRỊ LIỆU PHÁP	55
A. SINH-HUYẾT LÀ GÌ?.....	55
B. TÌM SINH-HUYẾT THEO LÝ ĐỒNG ỨNG	55
C. LÝ ĐỒNG ỨNG	56
D. QUAN ĐIỂM.....	56
E. TÍNH NĂNG	56
F. PHƯƠNG CHÂM	56
G. KỸ THUẬT THAO TÁC	57
PHẦN III: PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU.....	58
A. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG	58
1. Nhức Đỉnh Đầu (Headache on top of head).....	58
2. Thiên Đầu Thống (Migraine Headache)	58
3. Nhức Đầu Ở Trán (Headache in the forehead)	59
4. Nhức Đầu Hai Thái Dương (Temple Headache)	59

5.	Nhức Đầu Chấm Gáy (Back Headache)	60
6.	Chóng Mặt (Dizziness)	60
7.	Cảm Cúm (Cold, Influenza)	61
8.	Dị Ứng Ngoài Da (Skin Allergy)	62
9.	Dị Ứng Phấn Hoa / Mùi (Pollen/Smell Allergy)	62
10.	Mất Ngủ (Insomnia)	63
11.	Cảm Nặng, Sốt (Fever)	63
12.	Nấc Cụt (Hiccough or Hiccup)	63
13.	Vọp Bề (Cramps)	64
B.	CÁC BỆNH LIÊN QUAN NÃO VÀ HỆ THỐNG THẦN KINH	65
1.	Động Kinh (Epilepsy)	65
2.	Liệt Mặt (Bell's Palsy or Facial Paralysis)	65
3.	Thần Kinh Tam Thoa (Trigeminal Neuralgia)	65
C.	CÁC BỆNH CƠ VÀ KHỚP	66
1.	Cứng Gáy (Stiff Neck), Vẹo Cổ (Torticollis/Wryneck)	66
2.	Cụp Lưng (Lumbago)	66
3.	Đau Lưng (Back Pain)	67
4.	Thần Kinh Tọa (Sciatica)	67
5.	Đau Cùi Chỏ (Tennis Elbow)	68
6.	Tê Cánh Tay, Tê Ngón Tay (Raynaud's or Numbness in Arms/Fingers)	68
7.	Kẹt/Đau Khớp Vai (Shoulder Arthralgia)	69
8.	Viêm Bao Gân Cổ Tay (Carpal Tunnel Syndrome)	70
9.	Đau Các Khớp Ngón Tay (Finger Joint Pain)	70
10.	Ngón Tay Cò Súng (Trigger Finger)	71
11.	Viêm Khớp Gối (Knee Arthritis)	71
12.	Gối Không Khép Được (Jumper's Knee or Patellar Tendonitis)	72
13.	Thốn Gót, Thốn Bàn Chân (Heels/Soles Pain)	72
14.	Lật Cổ Chân (Twisted Ankle)	73
D.	CÁC BỆNH LIÊN QUAN HÔ HẤP VÀ TUẦN HOÀN	74
1.	Tim Đập Nhanh (Throbbing)	74
2.	Ho (Common Cough)	74
3.	Suyễn (Asthma)	75
4.	Ngủ Bỏ Thở (Sleep Apnea)	75

5.	Tức Nặng Ngực (Chest Pain).....	76
6.	Huyết Áp Cao (High Blood Pressure).....	76
7.	Huyết Áp Thấp (Low Blood Pressure).....	77
E.	CÁC BỆNH TIÊU HÓA	78
1.	Lưỡi Mất Vị Giác (Hemiageusia).....	78
2.	Ăn Không Tiêu, Đầy Bụng, Sinh Bụng,Ợ Hơi (Indigestion)	78
3.	Thương Thực, Trúng thực (Food Poisoning)	79
4.	Trào Ngược (Acid Reflux)	79
5.	Tiêu chảy (Diarrhea) / Dịch Tả, Thổ Tả (Cholera)	80
6.	Táo Bón (Constipation).....	80
F.	CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG VỀ MẮT.....	81
1.	Nhức Hốc Mắt (Orbital Pain).....	81
2.	Mắt Không Đảo Nhãn (Oculomotor Paralysis)	81
3.	Mắt Quáng Gà (Hemeralopia).....	81
4.	Cận Thị (Near Sighted).....	82
5.	Chảy Nước Mắt Sống (Watery Eyes)	82
6.	Khô Nước Mắt (Dry Eyes).....	82
7.	Mắt Thấy Ruồi Bay (Floaters)	83
8.	Đỏ Mắt (Pink eyes), Viêm Giác Mạc (Keratitis)	83
9.	Lẹo Mắt (Stye)	83
10.	Cao Nhãn Áp (Glaucoma)	84
11.	Mắt Bị Sụp Mí (Ptosis, Drooping Eyes)	84
G.	CÁC BỆNH TAI, MŨI, HỌNG	85
1.	Tai ù (Tinnitus), Lãng Tai (Difficulty of Hearing), Điếc Tai (Deaf).....	85
2.	Tai Ngứa và có Mủ Hôi Thối (Ear Infection)	85
3.	Nghẹt Mũi (Nasal Congestion, Stuffy Nose).....	86
4.	Sổ Mũi (Rhinorrhea, Runny Nose).....	86
5.	Mũi Viêm Xoan (Rhinitis, Sinus problems)	87
6.	Chảy Máu Cam (Nosebleeds)	87
7.	Mũi Mất Khứ Giác (Anosmia).....	87
8.	Viêm Họng (Sore throat, Pharyngitis)	88
9.	Khô Cổ (Dry Throat), Ngứa Cổ (Itchy Throat)	88
H.	CÁC BỆNH RĂNG MIỆNG	89

1.	Nhức Răng (Tooth Aches).....	89
2.	Viêm Nướu Răng (Gingivitis).....	89
3.	Cứng Hàm (TMJ, TemporoMandibular Joint).....	89
I.	CÁC BỆNH DA.....	90
1.	Vẩy Nến (Psoriasis).....	90
2.	Mẩn Ngứa, Chàm Lác (Eczema).....	90
J.	CÁC BỆNH TIẾT NIỆU.....	91
1.	Tiểu Đường (Diabetes).....	91
2.	Tiểu Đêm (Nocturia).....	91
3.	Tiền Liệt Tuyến (Prostate).....	92
4.	Bí Tiểu do Sạn Thận (Urinary Retention), Tiểu Vắt (Difficulty Urinating).....	93
5.	Tiểu Không Tự Chủ, Tiểu Láu, Tiểu Són (Urinary Incontinence).....	93
K.	CÁC BỆNH PHỤ KHOA.....	94
1.	Đau Bụng Kinh (Menstrual Pain).....	94
2.	Rối Loạn Thời Kỳ Tiền Mãn Kinh (Menopause).....	94
3.	Kinh Nguyệt Không Điều (Irregular Menstruation).....	95
4.	Rong Kinh (Menorrhagia).....	95
5.	Nhiễm Trùng Âm Đạo (Vaginal Infections).....	96
6.	Tắt Tia Sữa (Clogged Milk Duct, Mammary Duct Ectasia).....	96
L.	CÁC BỆNH ĐẶC BIỆT.....	97
1.	Tai Biến Mạch Máu Não / Đột Quy (Stroke).....	97
2.	Bệnh Trầm Cảm (Depression).....	98
3.	Hội Chứng Run Tay (Parkinson).....	99
4.	Vẹo/Cong Cột Sống (Scoliosis).....	99
5.	Teo Cơ (Retarding Muscular Atrophy, RMA).....	100
6.	Viêm Đa Khớp (Polyarthritis).....	100
7.	Bướu Cổ (Goiter, Enlarged Thyroid).....	101
8.	Bướu Ngực (Lumps in Breast).....	101
9.	Bướu Dạ Con/Bướu Tử Cung (Uterine Tumor, Fibroid Tumor).....	102
10.	Sạn Thận (Kidney Stone).....	102
11.	Vô Sinh (Infertility).....	103
12.	Sa Tử Cung (Metroptosis, Uterine Prolapse).....	103
13.	Sa Bìu (Orchiocele, Sagging Scrotum).....	104

14.	Trĩ (Hemorrhoids)	104
15.	Hạch Chuỗi (Lymph Nodes, Lymphadenopathy)	104
PHẦN IV: VẬN ĐỘNG DƯỠNG SINH		105
A.	VÙNG ĐẦU VÀ MẶT	105
B.	VÙNG CỔ, GÁY, VÀ VAI	108
C.	VÙNG CÁNH TAY, CỔ TAY, VÀ BÀN TAY	108
D.	VÙNG CẰNG CHÂN	110
E.	VẬN ĐỘNG KHÍ CÔNG	111
PHẦN V: KINH NGHIỆM LÂM SÀNG		112
A.	CÁC BỆNH VỀ ĐẦU	112
1.	Đau Đầu, không ăn uống được, buồn nôn	112
2.	Thiên Đầu Thống (Migraine)	112
3.	Tụ máu não do bị xe đụng	112
4.	Khối u não ác tính	112
B.	CÁC BỆNH CƠ VÀ KHỚP	113
1.	Thoái hóa cột sống (Spinal Degeneration)	113
2.	Đau thắt lưng (Lumbago)	113
3.	Giãn cơ Lưng (Back Muscle Strain)	113
4.	Cánh Tay tê và không dơ lên được	114
5.	Dính khớp háng (Hip Impingement)	114
6.	Đau khớp gối & đau lưng (Knee Joint & Lower Back Pain)	114
7.	Đầu Gối Sưng (Swollen Knee)	114
8.	Bệnh đi nhón gót (Toe Walking)	115
9.	Trượt chân làm đau gót chân	115
10.	Nhượng chân bị té (Achilles Tendon Rupture)	115
11.	Đau mông khi ngồi đọc kinh hay thiền	115
12.	Bị lạnh và đau nhức người	115
13.	Toàn thân bị đau giống như kim châm hay kiến cắn	116
14.	Bong Gân Cổ Tay (Wrist Sprain)	116
15.	Ngón tay khó co duỗi	116
16.	Đau thần kinh liên sườn (Intercostal Neuralgia)	116
17.	Chân bị liệt sau lúc mổ khi sanh	117
18.	Hai chân bị Hoại Tử do bị tiểu đường lâu năm	117

19.	Bàn tay tê buốt không co duỗi được.....	117
20.	Cánh tay phải bị mất cảm giác.....	117
21.	Tê tuyến ngón cái	118
22.	Teo cơ 37 năm	118
23.	Rách Sụn Khớp Gối (Torn meniscus).....	118
C.	CÁC BỆNH LIÊN QUAN HỒ HẤP VÀ TUẦN HOÀN	119
1.	Suyễn (Asthma)	119
2.	Bệnh mệt thiếu thở (Fatigue and Dyspnea).....	119
3.	Tim đập nhanh (Throbbing)	119
4.	Cứu cấp bệnh Nghẽn Động Mạch Tim (Clogged Heart Arteries or Atherosclerosis)...	119
D.	CÁC BỆNH TIÊU HÓA	120
1.	Đau bụng trên (Upper Abdomen Pain)	120
2.	Đau Bao tử (Stomachache)	120
3.	Viêm loét dạ dày (Stomach Ulcer).....	120
4.	Trẻ sơ sinh trướng bụng (Baby Abdominal Distension).....	121
5.	Thương Thực (Food Poison).....	121
E.	CÁC BỆNH MẮT	121
1.	Mắt Nháy (Eye Twitching)	121
2.	Mọng thịt trong mắt (Pterygium).....	122
F.	CÁC BỆNH TAI, MŨI, HỌNG	122
1.	Viêm Họng (Pharyngitis).....	122
2.	Viêm Xoang Hàm (Jaw sinusitis).....	122
3.	Viêm Xoang Mũi (Rhinitis).....	122
4.	Sổ Mũi, Viêm Họng, Viêm Phế Quản mãn tính, Ho.....	122
G.	CÁC BỆNH DA	123
1.	Bị Eczema 10 năm	123
H.	CÁC BỆNH TIẾT NIỆU	123
1.	Da dương vật căng	123
2.	Bệnh đường tiết niệu, Tiểu đêm (Nocturia).....	123
3.	Viêm Tuyến Tiền Liệt (Prostatitis)	124
I.	CÁC BỆNH PHỤ KHOA.....	124
1.	Viêm Tuyến Vú (Mastitis)	124
2.	Rong Kinh (Menorrhagia)	124

J.	CÁC BỆNH ĐẶC BIỆT	125
1.	Nổi Hạch lao (Lymph nodes)	125
2.	Chữa Bướu (Tumor)	125
3.	Chứng Lạc Nội Mạc Tử Cung (Endometriosis, khó đậu thai)	125
4.	Khó đậu thai vì kinh nguyệt không đều, hay rong kinh (Menorrhagia) và đau bụng kinh (Dysmenorrhea).....	126
5.	Tê chân tay do chấn thương cột sống.....	126
6.	Trị dị ứng khi không có máy sấy.....	127
K.	TẬP BỆNH	127
1.	Mụn Ghẻ ở Cùi Chỏ.....	127
2.	Ho Khan (Dry Cough), Nấc Cụt (Hiccup)	127
3.	Chảy Máu Cam (Nosebleed).....	127
4.	Kết quả không ngờ từ các bài vận động dưỡng sinh	128
PHẦN VI: TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		129

PHẦN I: TỔNG QUÁT

A. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ VIỆT-NAM ĐỒNG ỨNG LIỆU PHÁP

1. Nguồn Gốc

VNĐƯ'LP đã được hình thành theo các học thuyết Đông Phương (Lão, Khổng, Phật) và dựa trên ba nguồn y-học chính:

- Dân gian: Cạo gió, Giác Hơi, Chích Lễ
- Cổ truyền: Châm Cứu, Bấm Huyệt
- Hiện đại: Cơ Thể Học

2. Liên Lạc và Trang Mạn Chính

Lương y Lý Phước Lộc email: lyphuocloc4067@gmail.com

VNĐƯ'LP blog: <http://vndongunglieuphap.blogspot.com>

B. KIẾN THỨC ĐÔNG Y CƠ BẢN

1. Khí Huyết Tạng Phủ

Theo học thuyết Âm Dương

- ❖ Vạn Hữu hay Vũ Trụ không ngoài Âm Dương
- ❖ Con người là Vũ Trụ thu nhỏ

Vũ Trụ có ngũ (năm) Hành: Kim - Thủy (nước) - Mộc (gỗ) - Hỏa (lửa) - Thổ (đất)

Người có ngũ Tạng chính - mỗi Tạng có một Phủ kết hợp thành cặp Âm Dương.

Ngũ Tạng (Âm, hữu hình)

- ❖ Tâm (Tim)
- ❖ Can (Gan)
- ❖ Tỳ (Lá Lách)
- ❖ Phế (Phổi)
- ❖ Thận (Cật)

Ngũ Phủ (Dương, hữu hình)

- ❖ Tiểu Trường (Ruột non)
- ❖ Đởm (Mật)
- ❖ Vị (Bao Tử)
- ❖ Đại Trường (Ruột già)
- ❖ Bàng Quang (Bọng đái)

Năm cặp Tạng Phủ chính nói trên vận hành, liên kết với nhau một cách mật thiết qua công năng của cặp Tạng Phủ vô hình

- ❖ Tâm Bào
- ❖ Tam Tiêu

Sự kết hợp này tạo ra Lục (sáu) Tạng Lục Phủ chứ không phải Lục Phủ Ngũ Tạng như ta thường gọi. Do vậy cặp Tạng Phủ vô hình Tâm Bào và Tam Tiêu là Kết Hợp tuyệt vời của Âm Dương, là Khí Huyết của cơ thể; sự vận hành của Khí Huyết khắp châu thân thông qua Thập Nhị (mười hai) Cân Kinh biểu hiện sự sống con người.

2. Kinh Mạch

Mạch Nhâm-Đốc là hai mạch chính.

Thập Nhị Cân Kinh (xem đồ hình trong mục 9 cho rõ chi tiết)

- ❖ Kinh Thủ Thái-Âm Phế
- ❖ Kinh Thủ Dương-Minh Đại Trường
- ❖ Kinh Túc Dương-Minh Vị
- ❖ Kinh Thủ Thái-Âm Tỳ
- ❖ Kinh Thủ Thiếu-Âm Tâm
- ❖ Kinh Thủ Thái-Dương Tiểu Trường
- ❖ Kinh Túc Thái-Dương Bàng Quang
- ❖ Kinh Túc Thiếu-Âm Thận
- ❖ Kinh Thủ Quyết-Âm Tâm Bào
- ❖ Kinh Thủ Thiếu-Dương Tam Tiêu
- ❖ Kinh Túc Thiếu-Dương Đởm
- ❖ Kinh Túc Quyết-Âm Can

3. Ngũ Bệnh

Năm loại Bệnh do tình chí

- ❖ Ưu thương Phế (Lo Âu quá hại Phổi)
- ❖ Tư thương Tỳ (Suy tư quá hại Tỳ Vị)
- ❖ Bi thương Tâm (Bi lụy quá hại Tim)
- ❖ Khủng thương Thận (Sợ hãi quá hại Thận)
- ❖ Nộ thương Can (Giận thái quá hại Gan)

4. Ngũ Thương

Năm loại Bệnh do thói quen sinh hoạt hay nghề nghiệp

- ❖ Thị đa thương Huyết (Làm việc bằng mắt lâu quá hại máu huyết)
- ❖ Hành đa thương Can (Đi nhiều quá hại Gan)
- ❖ Lập đa thương Cốt (Đứng lâu quá hại Xương)
- ❖ Ngoạ đa thương Khí (Nằm lâu quá suy Thận)
- ❖ Tọa đa thương Nhục (Ngồi lâu quá hại Cơ nhục tiểu tiện khó)

5. Thập Hội Huyết

Mười Hội huyết chính được người xưa tham khảo khi chữa bệnh những cơ quan Tạng Phủ

- ❖ Hội của Tạng : Chương Môn (L-13)
- ❖ Hội của Phủ : Trung Quản (CV-12)

- ❖ Hội của Khí : Chiên Trung / Đản Trung (CV-17)
- ❖ Hội của Huyết : Cách Du (B-17)

- ❖ Hội của Cốt : Đại Trử (B-11)
- ❖ Hội của Tuỷ : Huyền Chung / Tuyệt Cốt (GB-39)

- ❖ Hội của Can : Dương Lăng (GB-34)
- ❖ Hội của Mạch : Thái Uyên (LU-9)

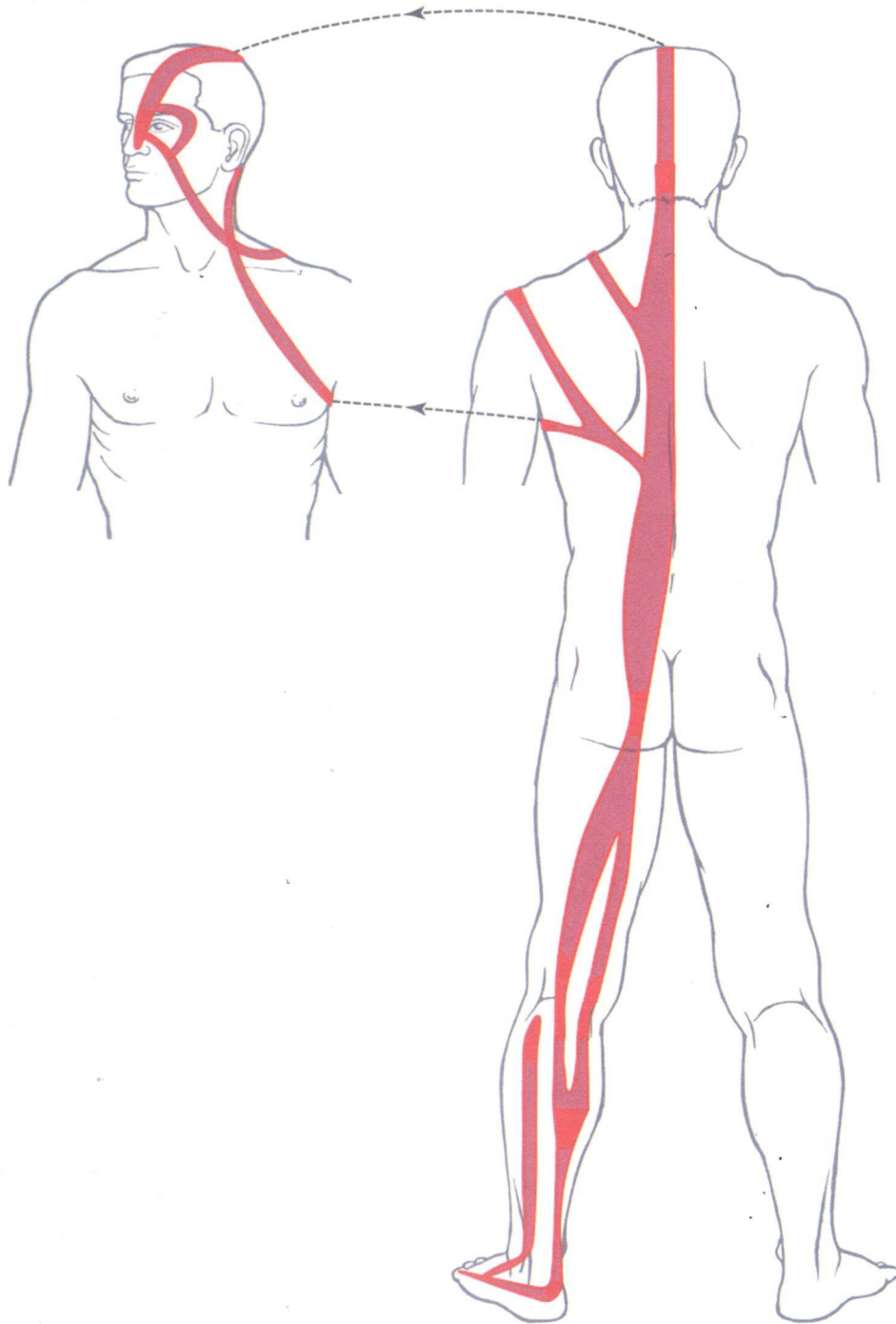
- ❖ Hội của Nhâm mạch : Thừa Tương (CV-24) có tài liệu ghi là Thừa Khấp (ST-1)
- ❖ Hội của Đốc mạch : Nhân Trung (GV-26) có tài liệu ghi là Phong Môn (B-12)

6. Lục Tổng Huyết

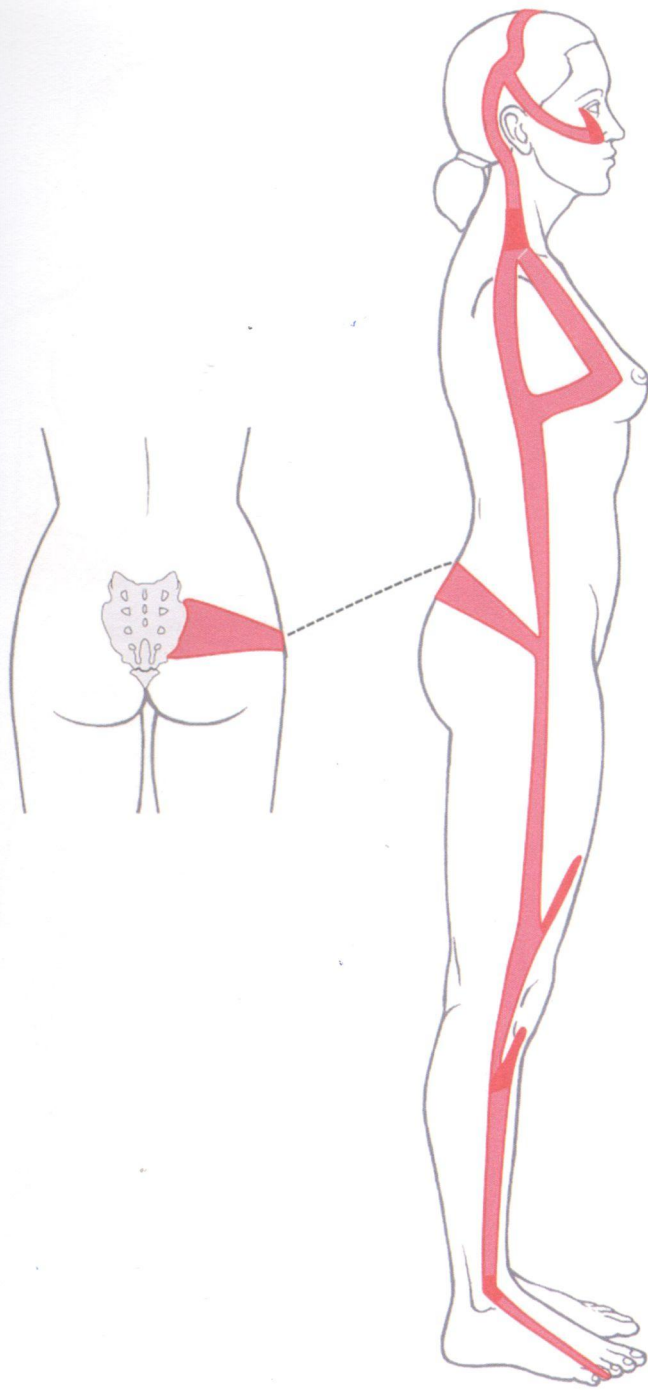
(Túc Tam Lý - Ủy Trung - Liệt Khuyết - Hợp Cốc - Nội Quan - Tam Âm Giao)

- ❖ Đổ Phúc Tam Lý lưu
- ❖ Yêu Bối Ủy Trung cầu
- ❖ Đầu hạn tầm Liệt Khuyết
- ❖ Diện Khẩu Hợp Cốc thâu
- ❖ Tâm hung thủ Nội Quan
- ❖ Tiểu Phúc Tam Âm mưu

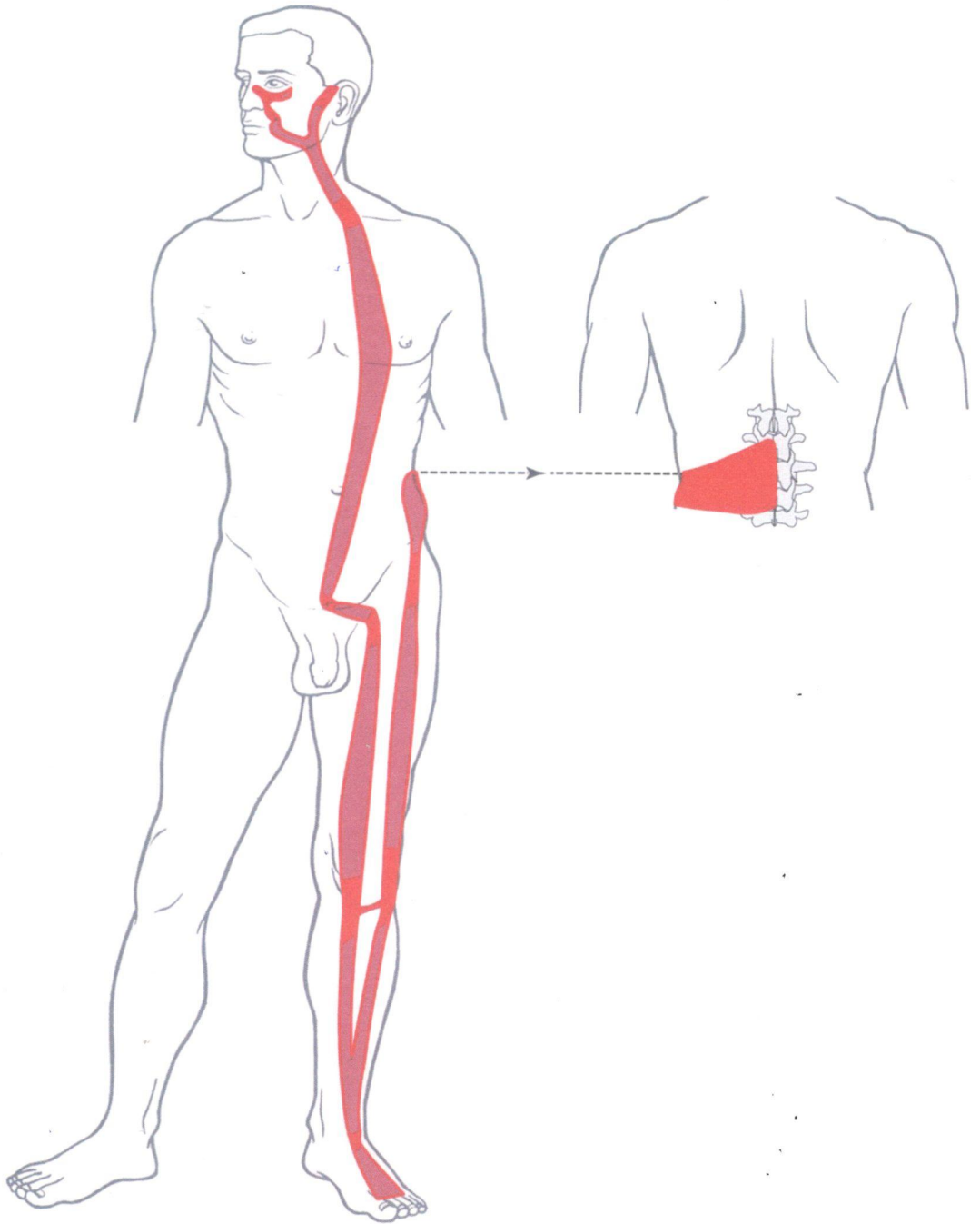
9. Thập Nhị Cân Kinh



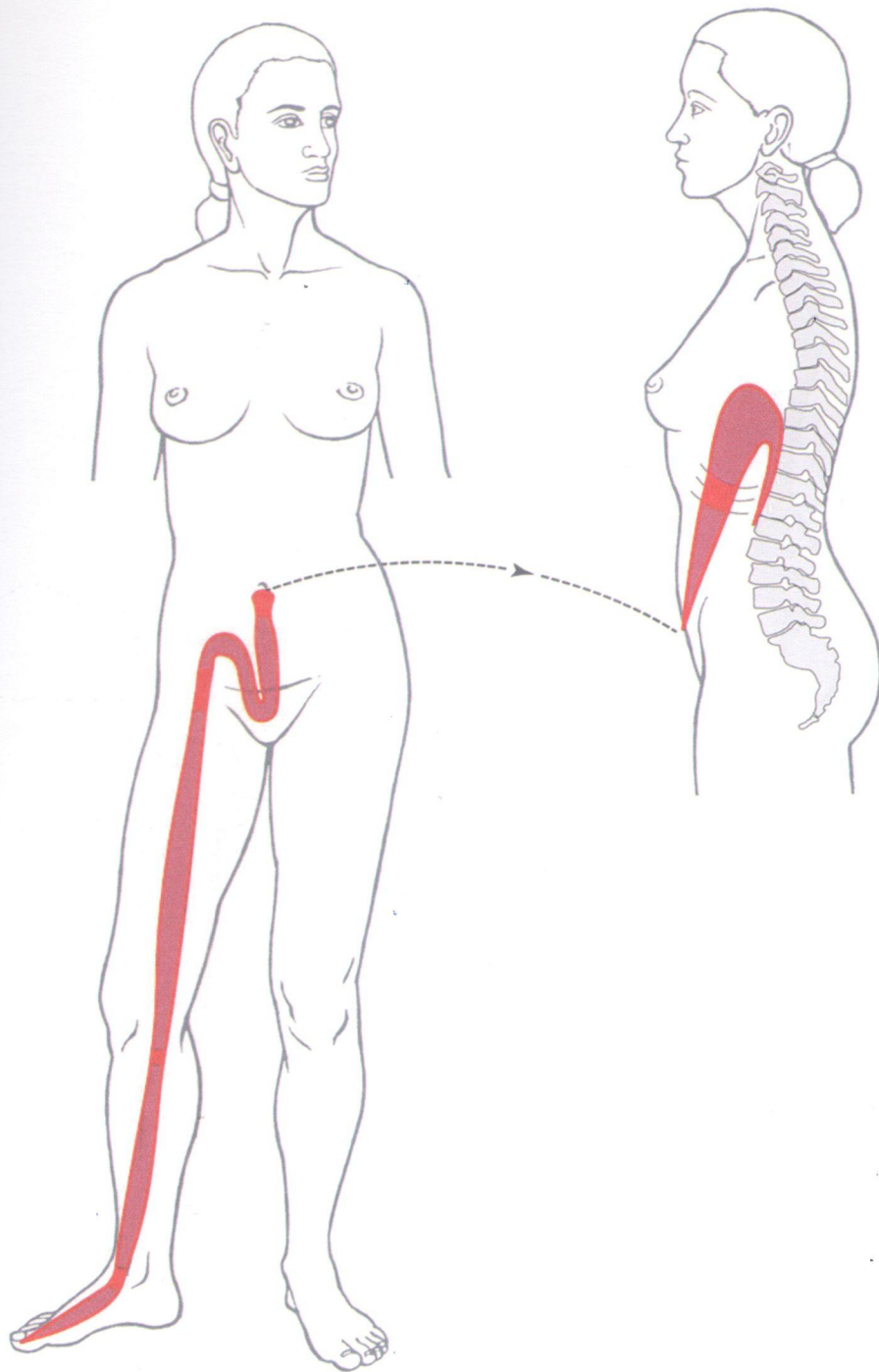
Kinh Cân Túc Thái-Dương Bàng Quang



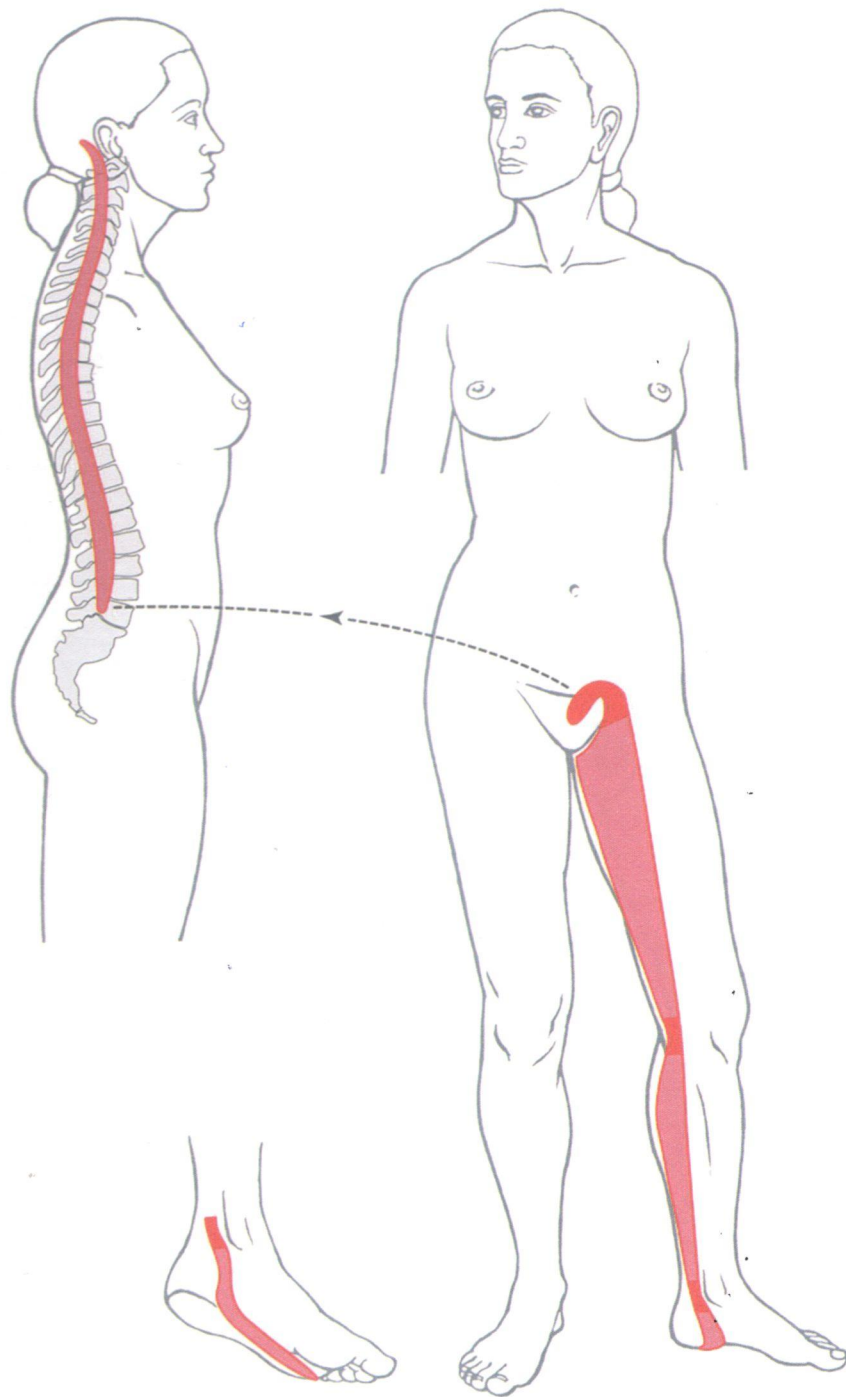
Kinh Cân Túc Thiếu-Dương Đờm



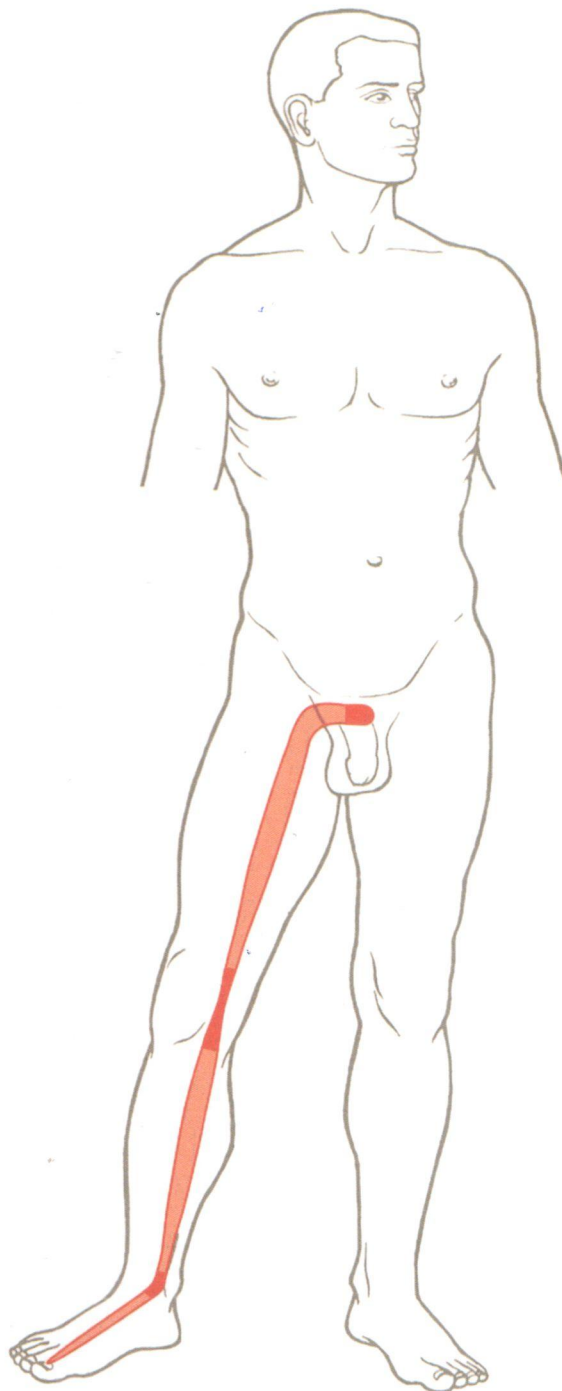
Kinh Cân Túc Dương-Minh Vị



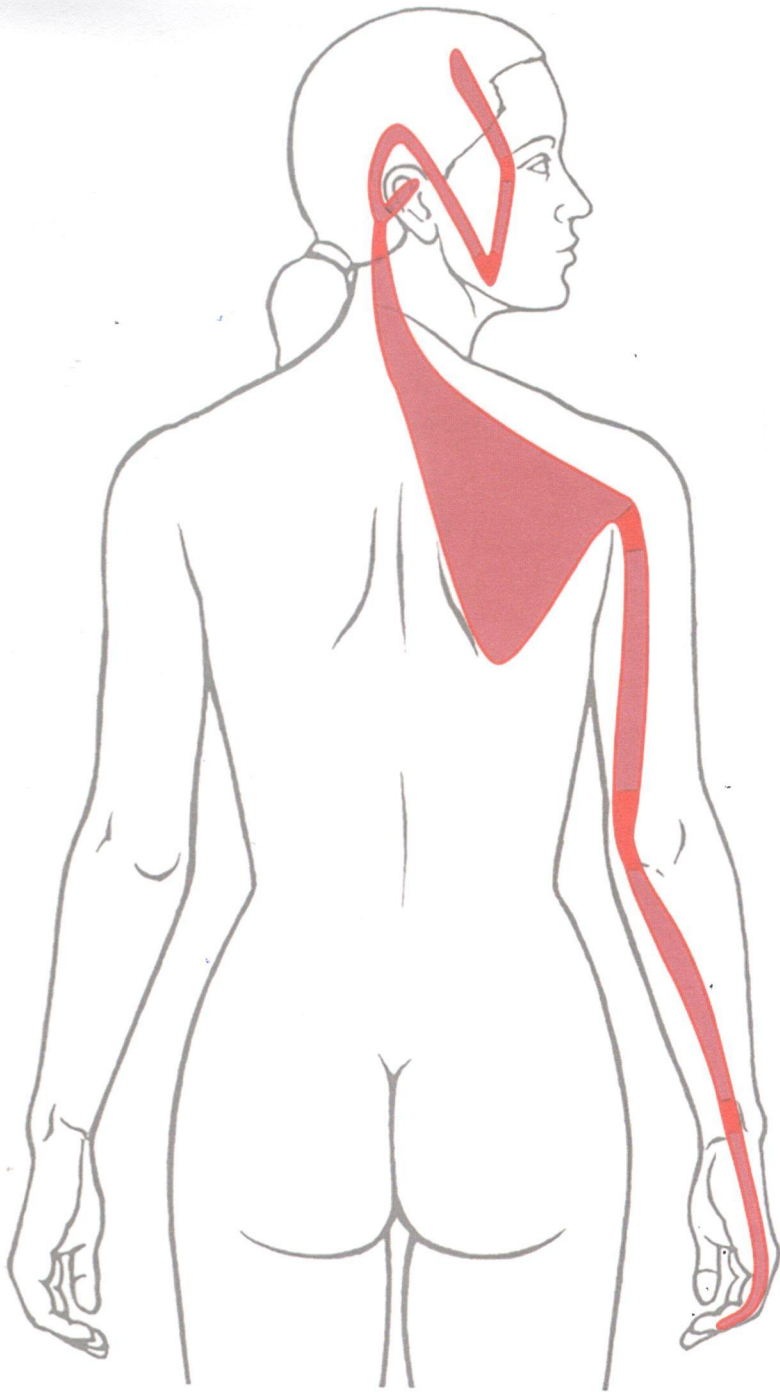
Kinh Cân Túc Thái-Âm Tỳ



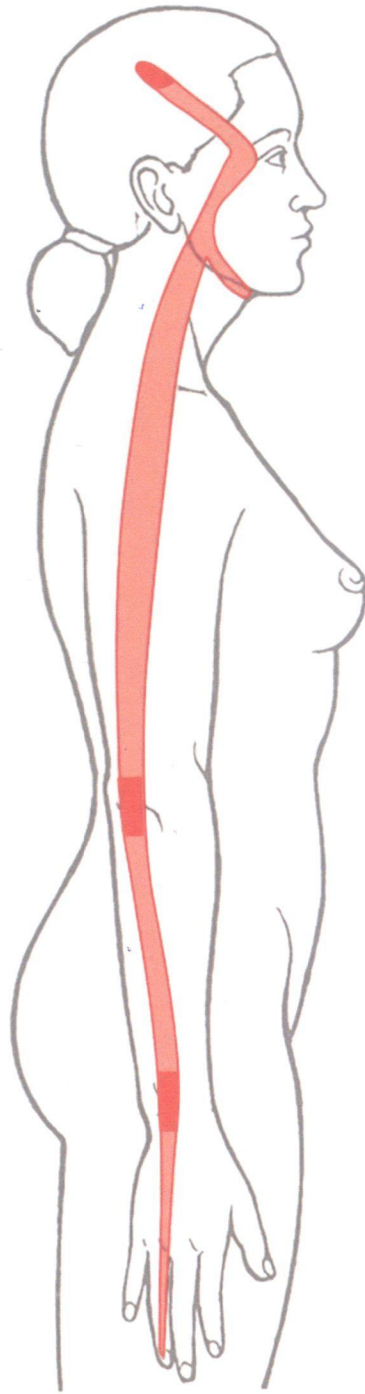
Kinh Can Túc Thiếu-Âm Thận



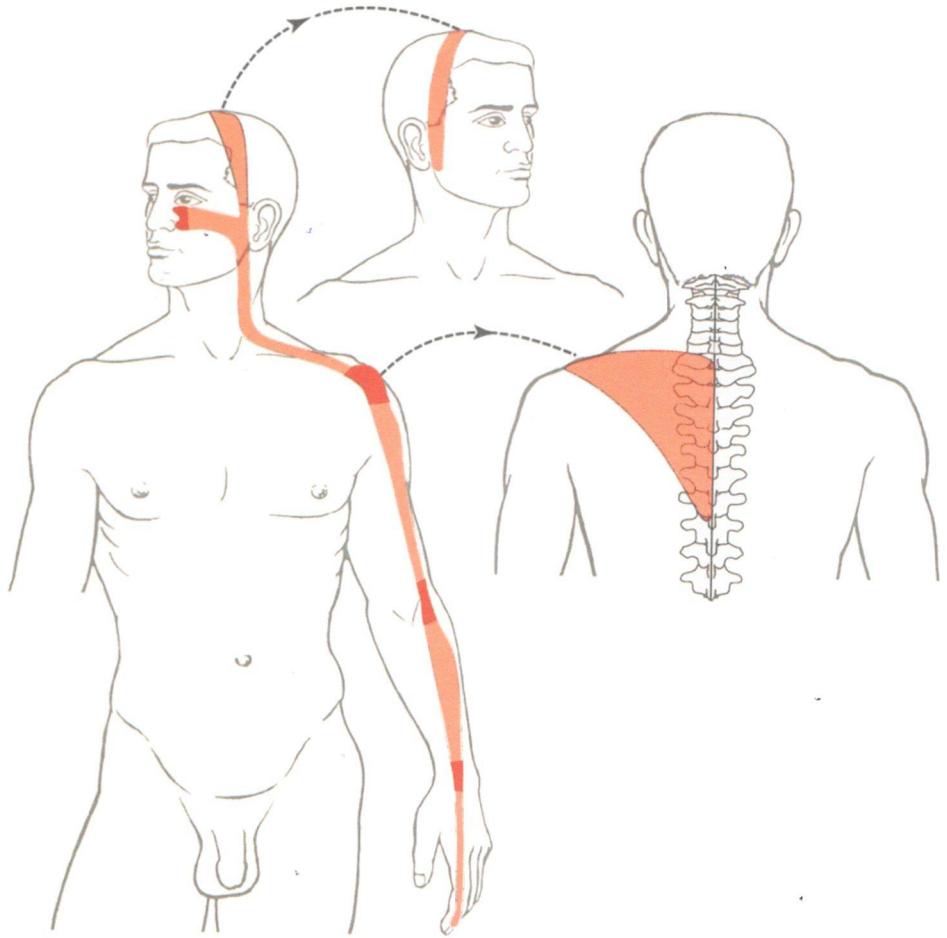
Kinh Cấn Túc Quyết-Âm Cấn



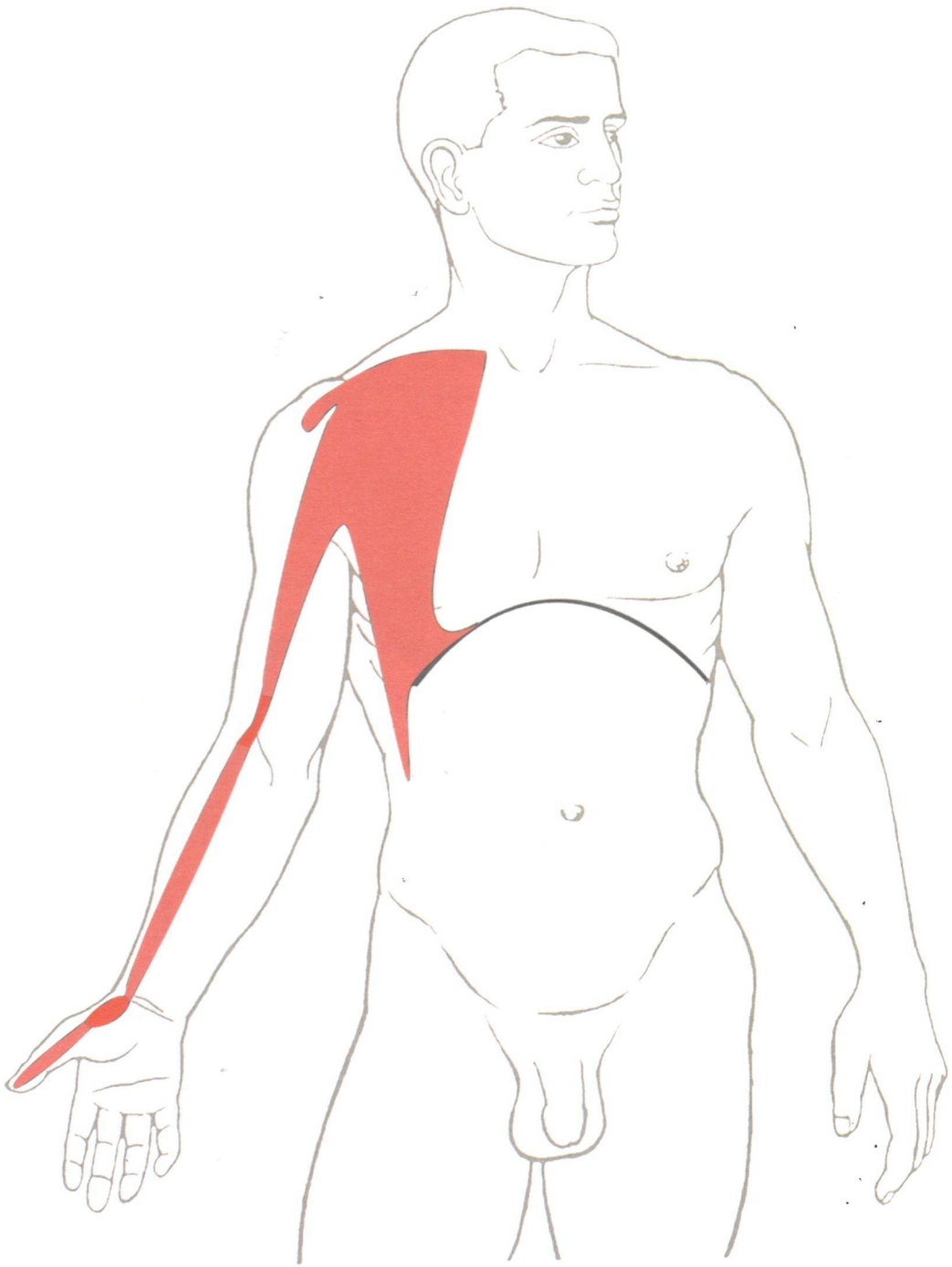
Kinh Cân Thủ Thái-Dương Tiểu Trường



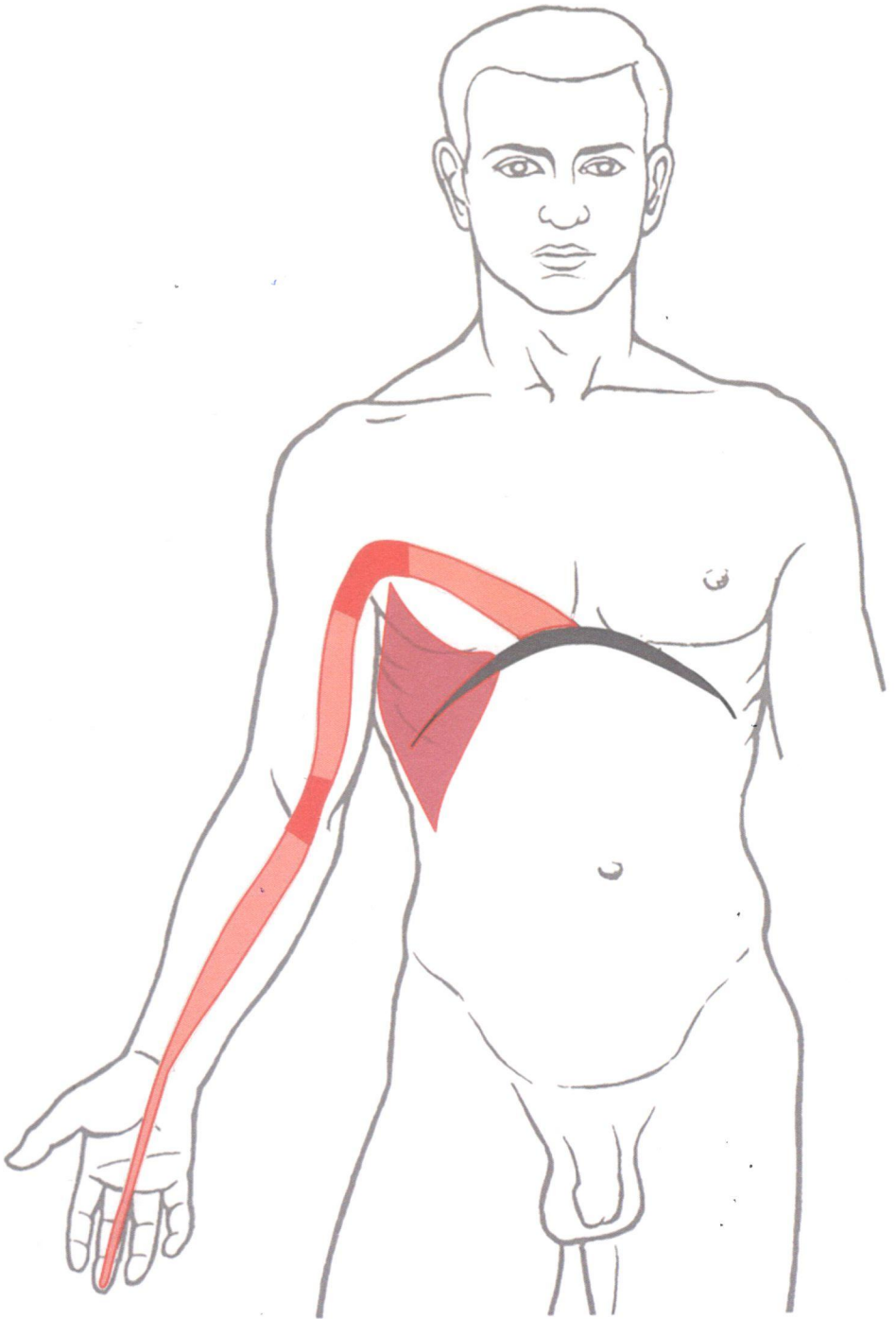
Kinh Can Thủ Thiếu-Dương Tam Tiêu



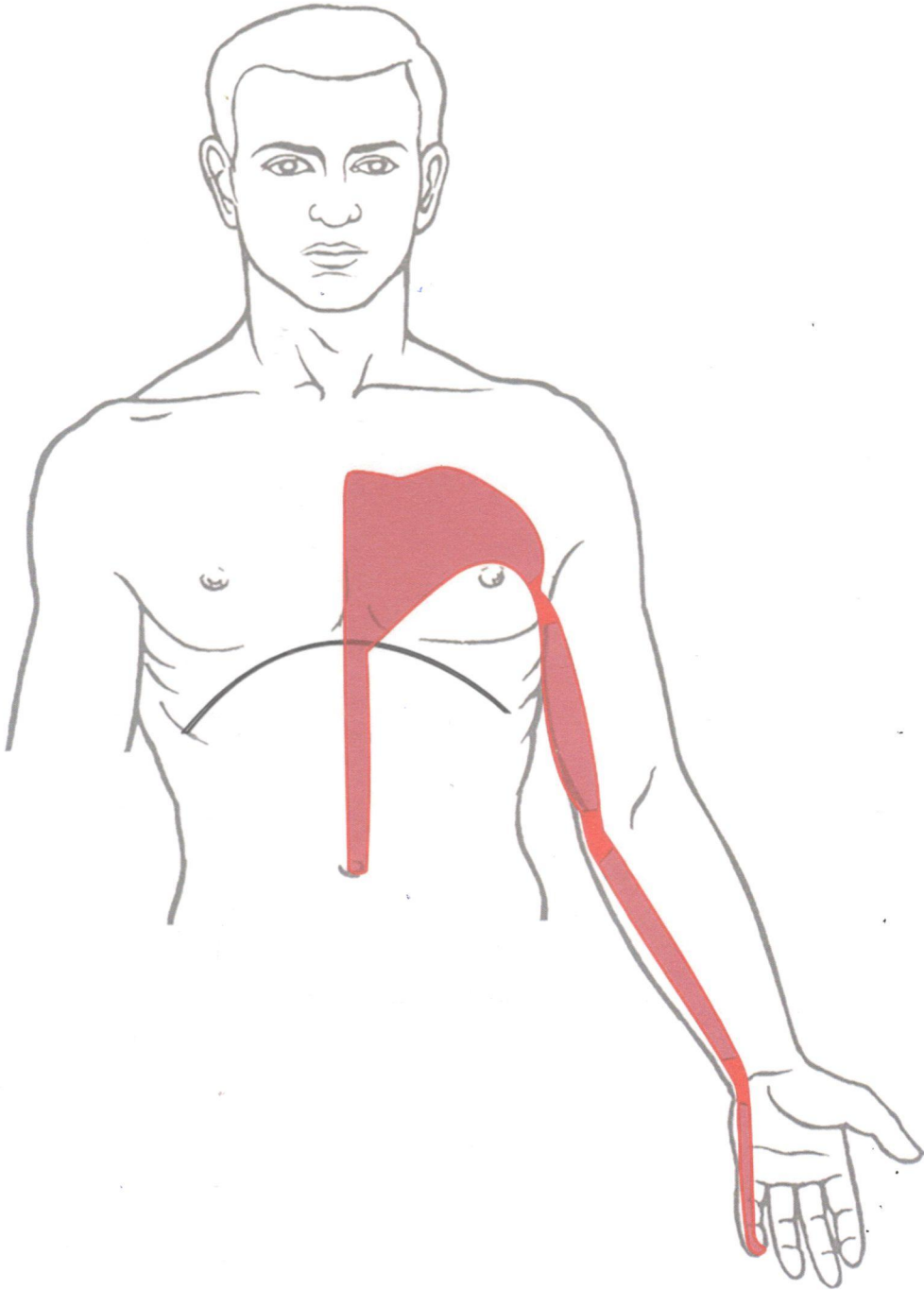
Kinh Cấn Thủ Dương-Minh Đại Trường



Kinh Cấn Thủ Thái Âm Phế

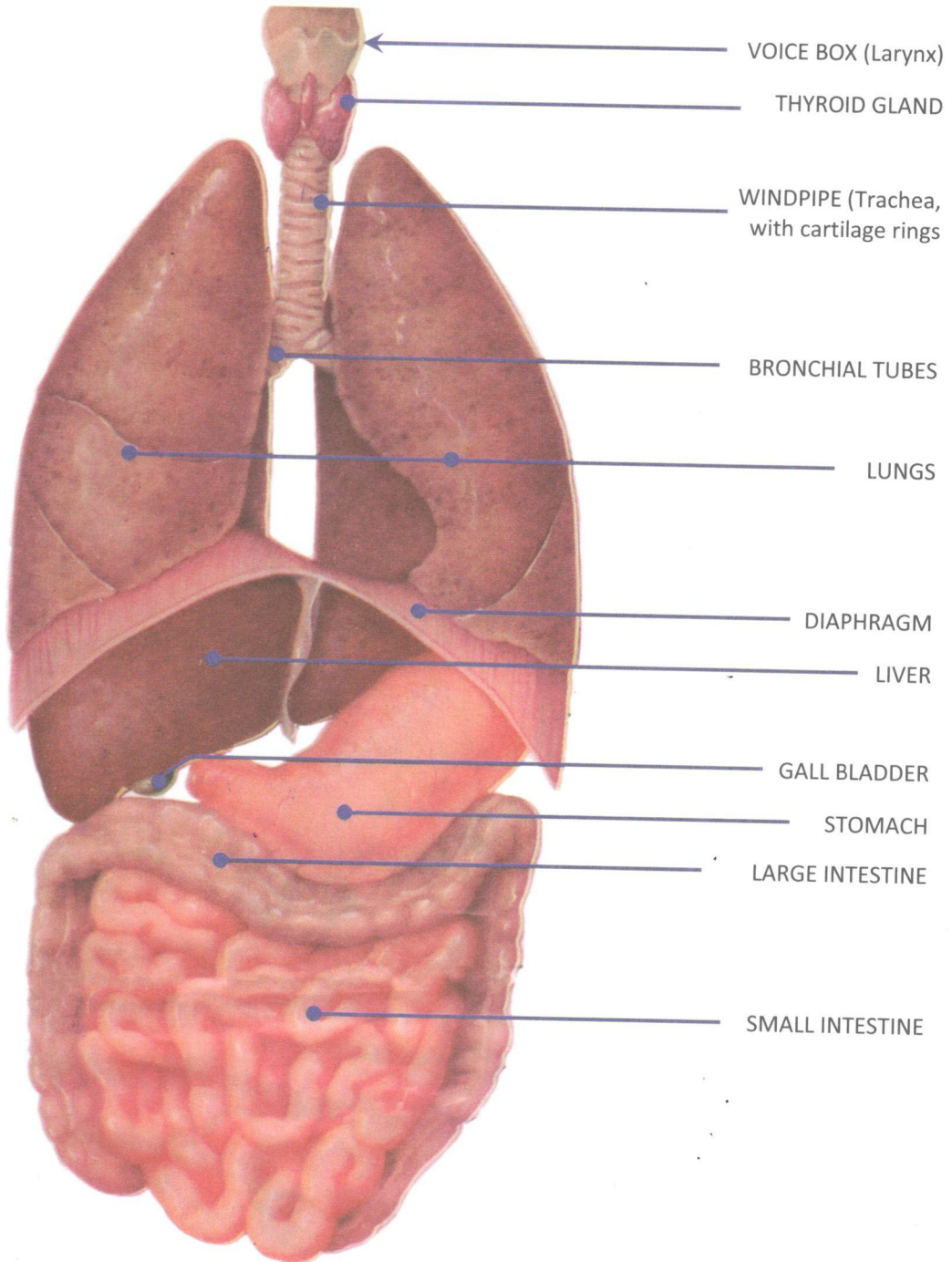


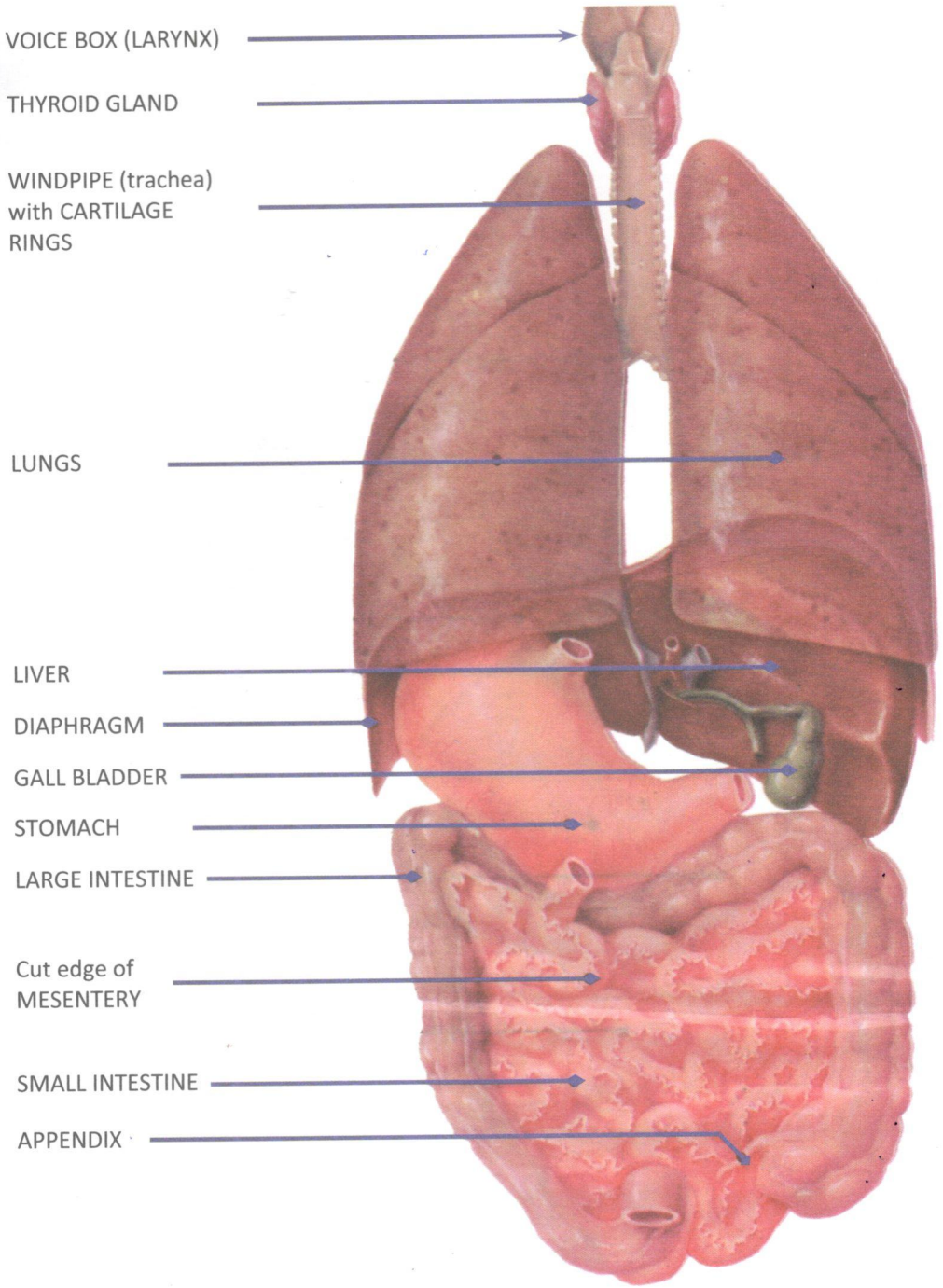
Kinh Cân Thủ Quyết-Âm Tâm Bào

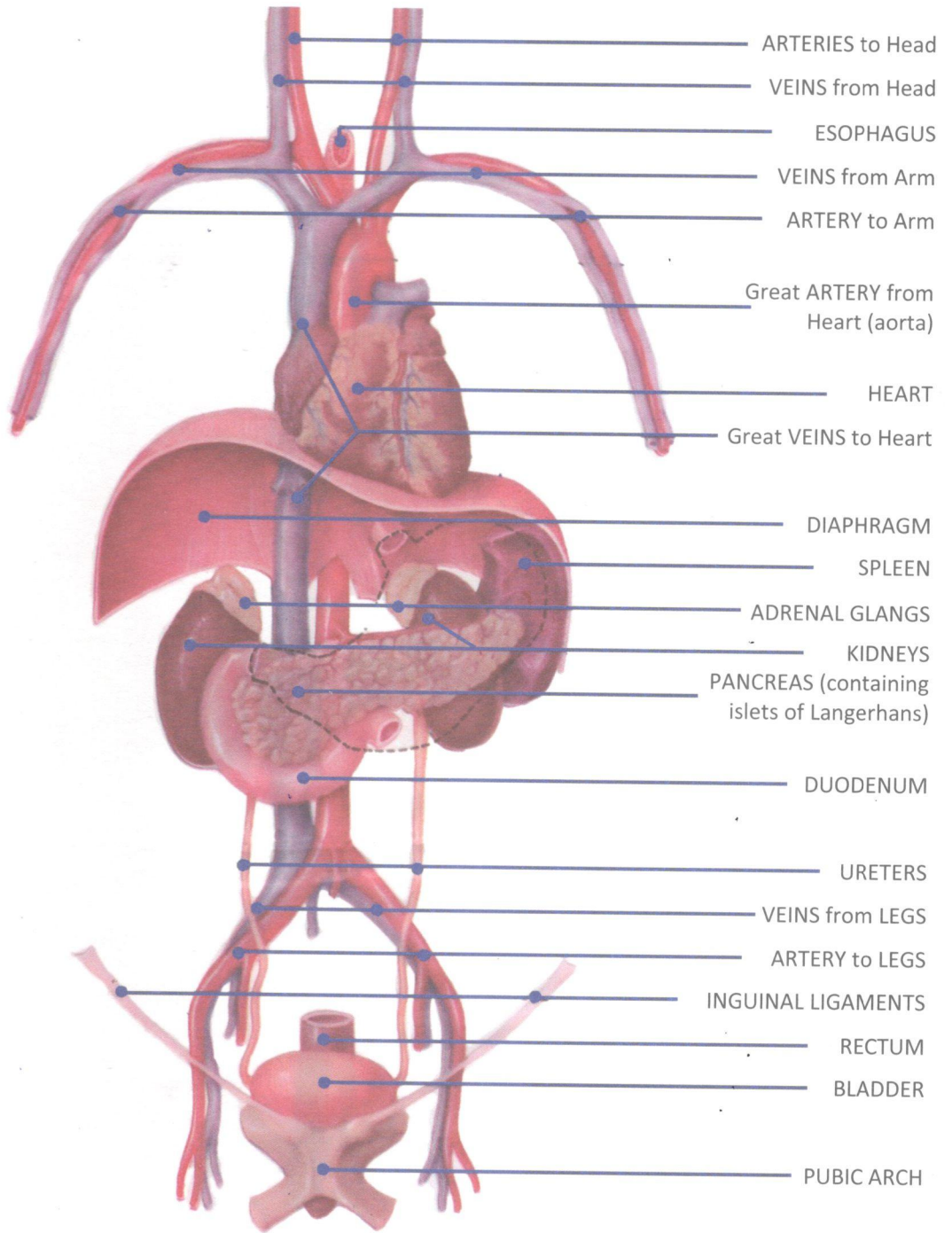


Kinh Cân Thủ Thiếu-Âm Tâm

C. HÌNH CƠ THỂ HỌC







ARTERIES to Head

VEINS from Head

ESOPHAGUS

VEINS from Arm

ARTERY to Arm

Great ARTERY from Heart (aorta)

HEART

Great VEINS to Heart

DIAPHRAGM

SPLEEN

ADRENAL GLANDS

KIDNEYS

PANCREAS (containing islets of Langerhans)

DUODENUM

URETERS

VEINS from LEGS

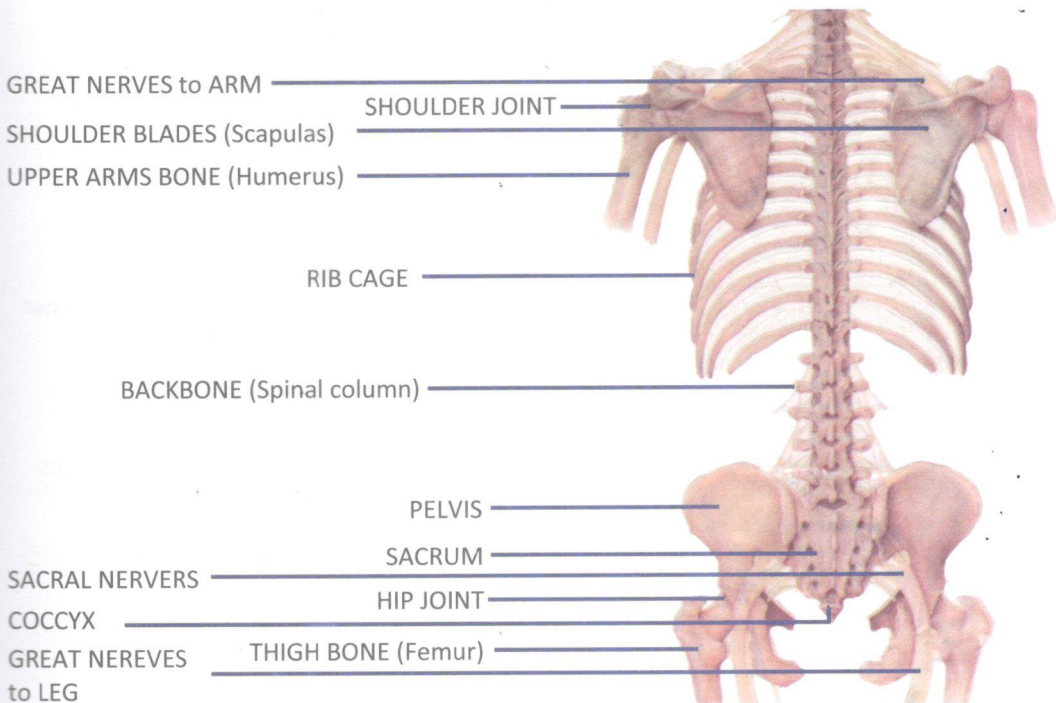
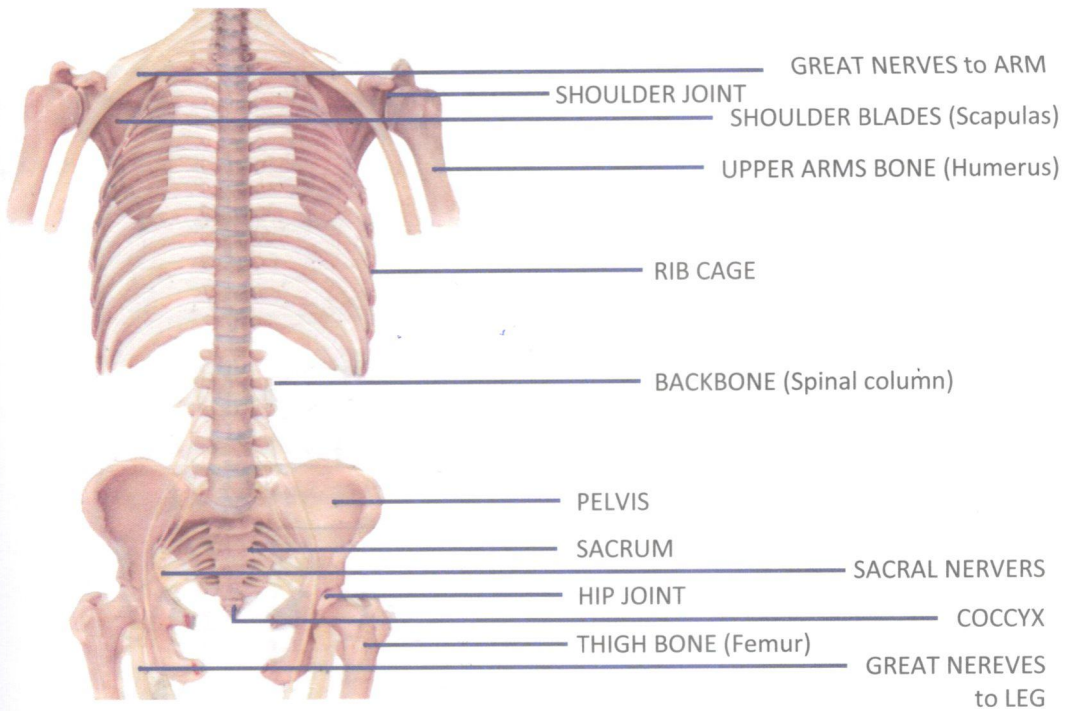
ARTERY to LEGS

INGUINAL LIGAMENTS

RECTUM

BLADDER

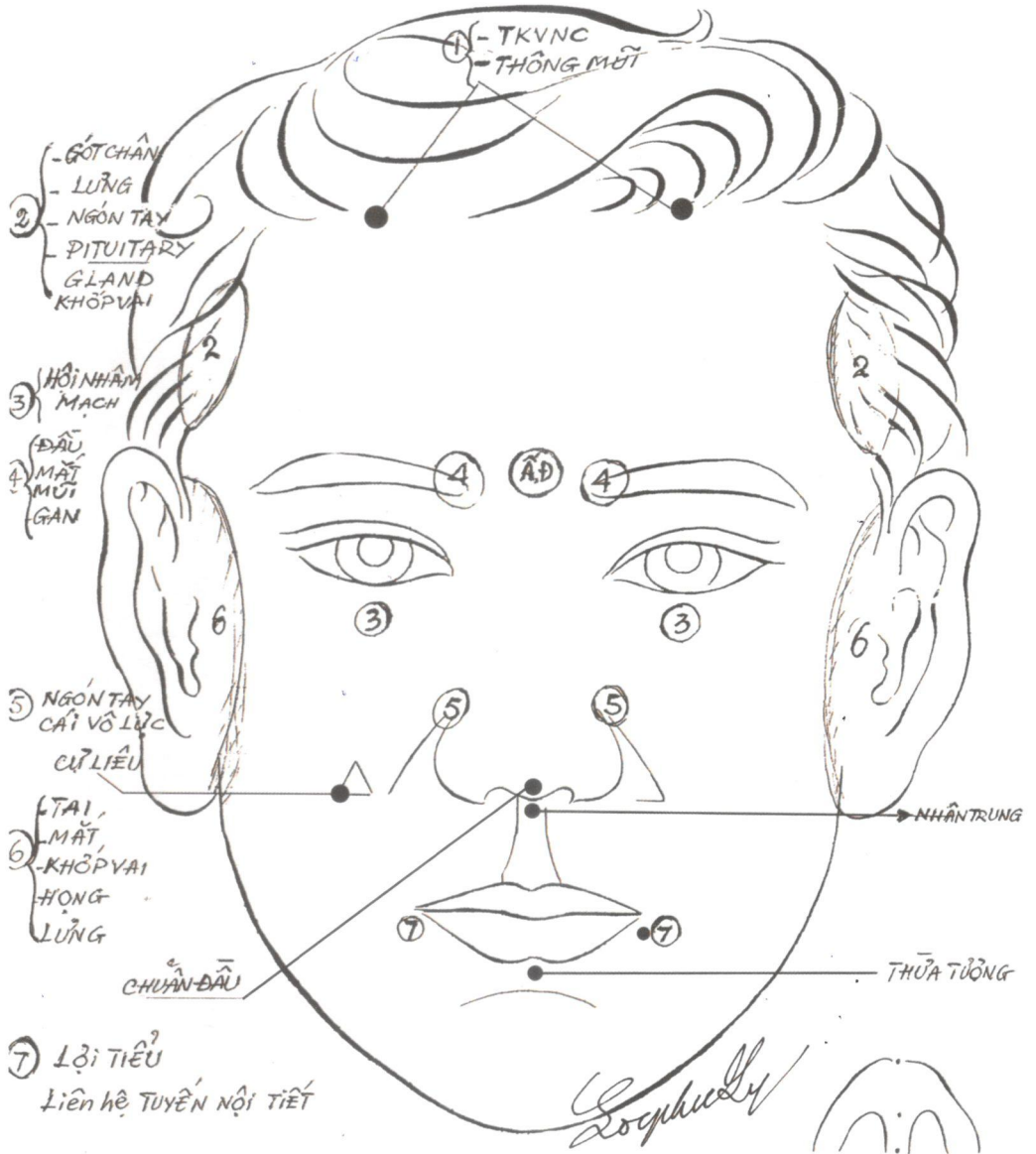
PUBIC ARCH



D. ĐỒ HÌNH ĐỒNG ỨNG

Huyệt Đồ Chính Trên Mặt

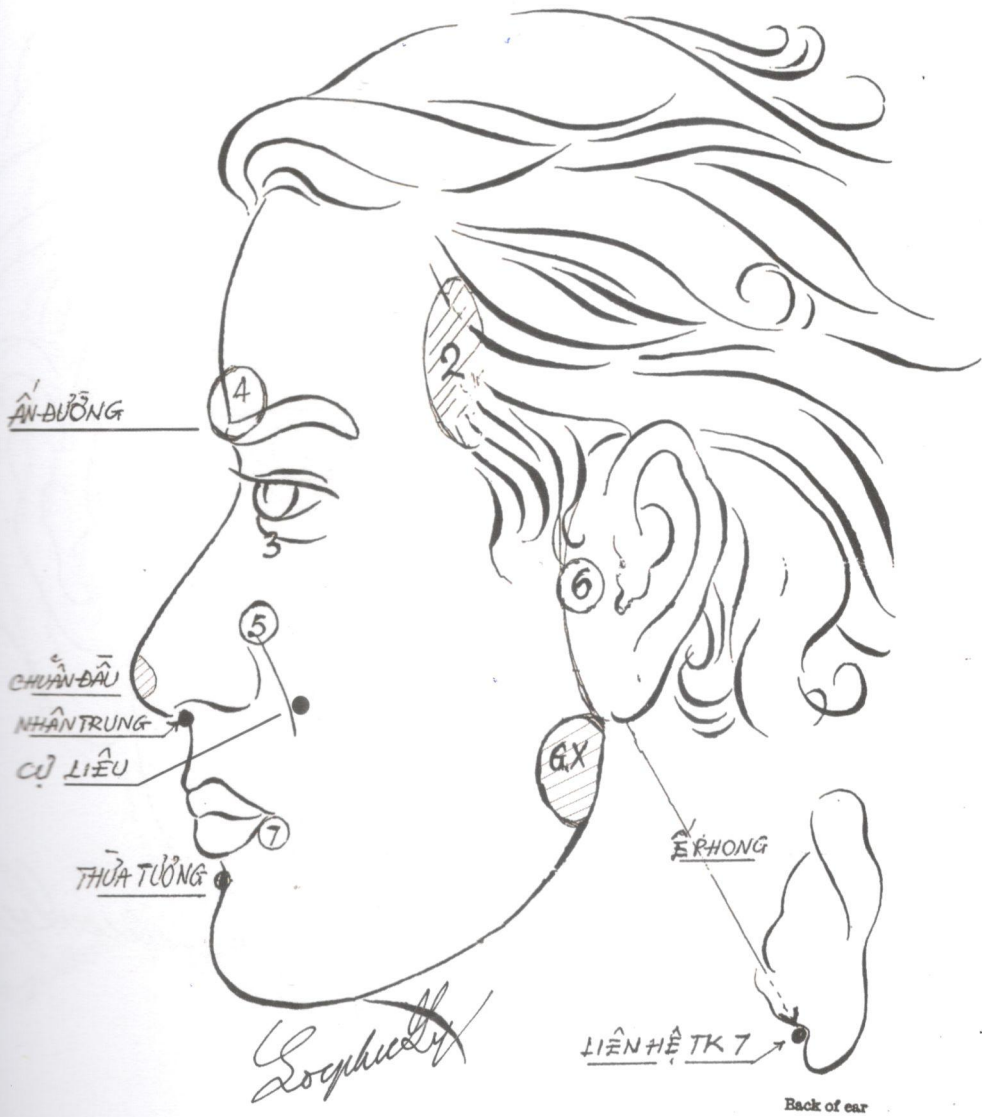
TIÊU VIÊM TIÊU ĐỘC : SH + AN ĐƯỜNG → CỬ LIÊU → CHUẨN ĐẦU,
THỪA TƯỜNG, NHÂN TRUNG



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Huyệt Đồ Chính Trên Mặt (Nghiêng)

TIÊU VIÊM TIÊU ĐỘC : SH + AN ĐƯỜNG, CỤ LIÊU, CHUÂN ĐÀU,
THỪA TƯỜNG, NHÂN TRUNG



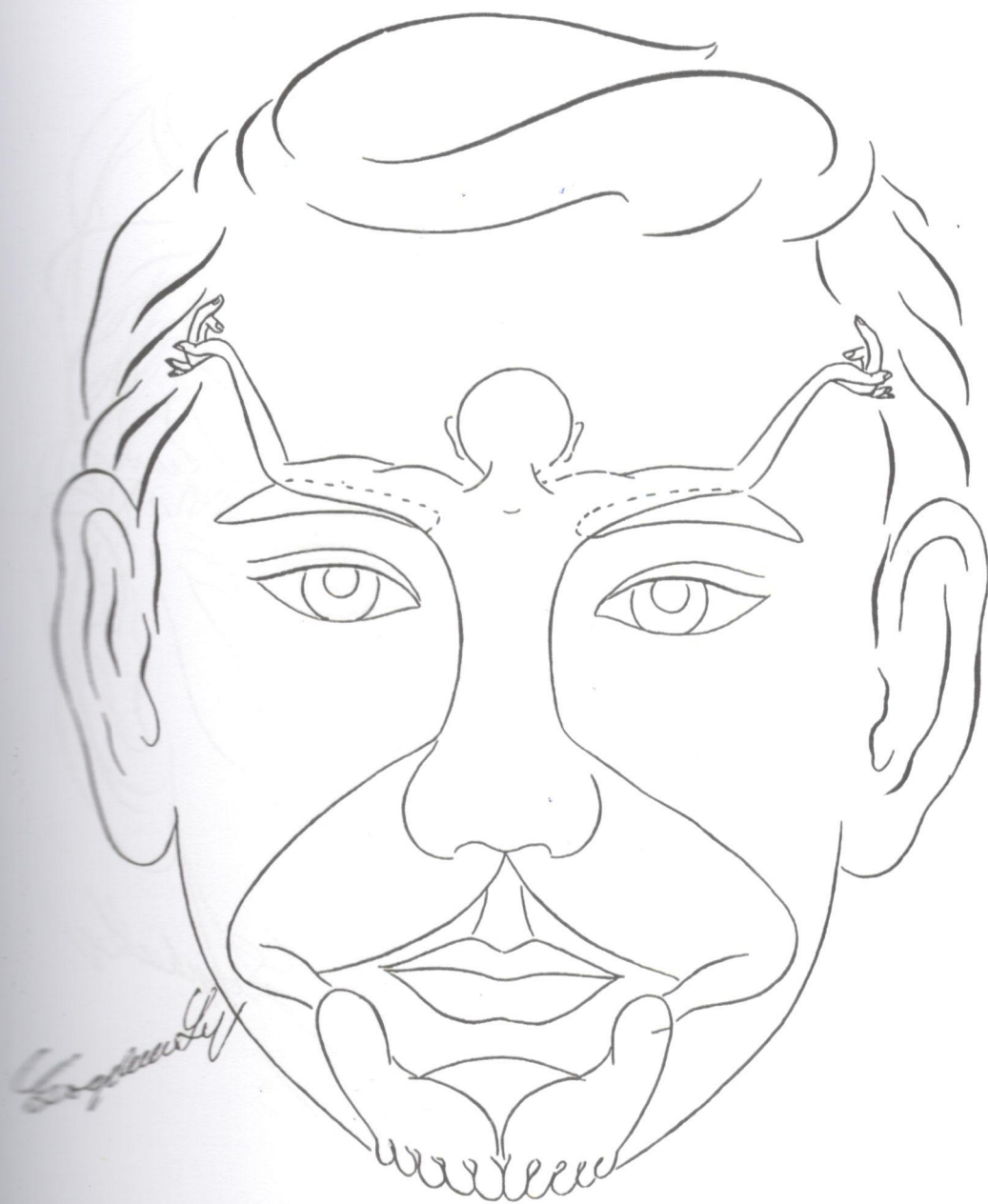
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Trên Mặt #1



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Trên Mặt #2



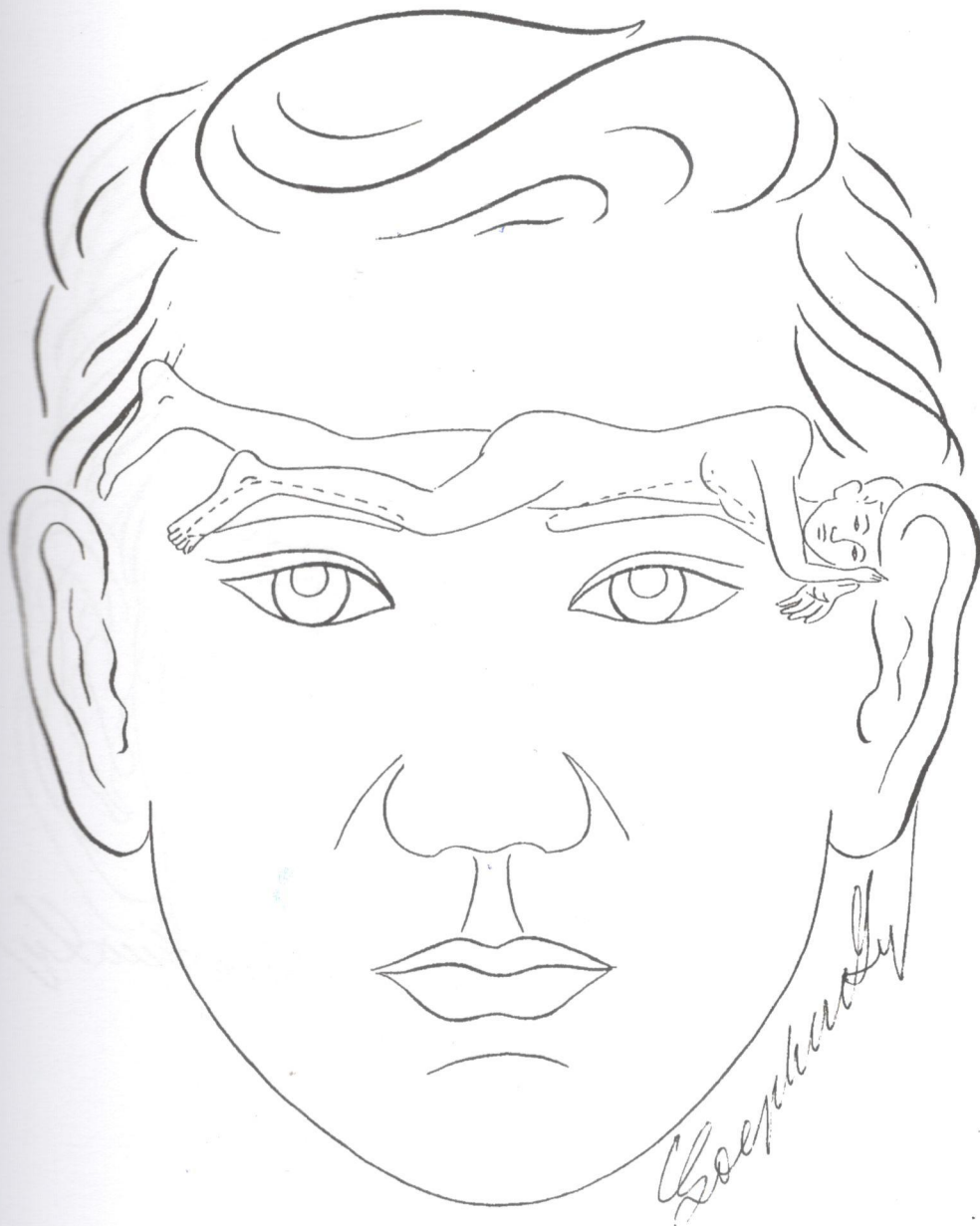
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Trên Mặt #6



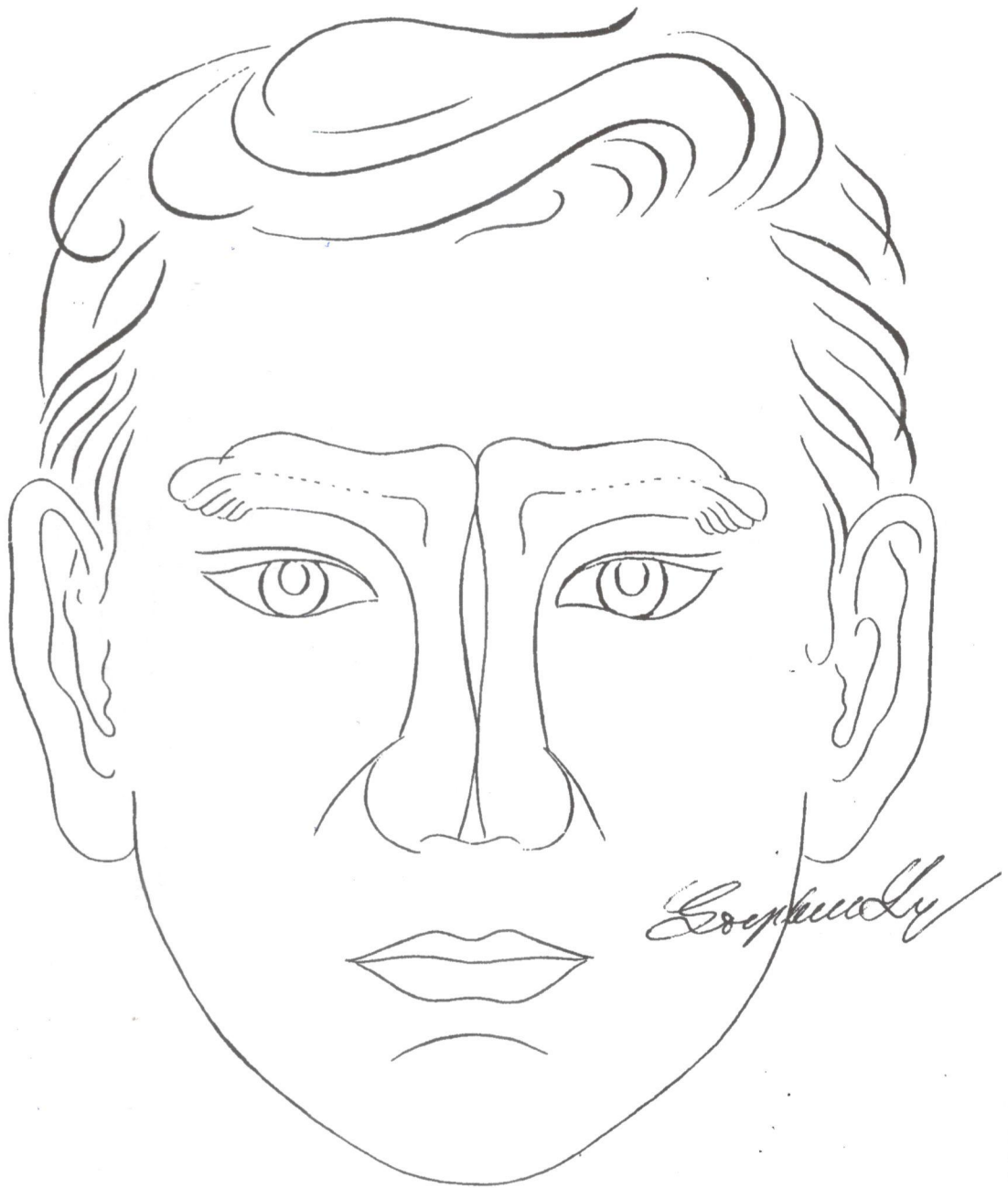
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Trên Mặt #9



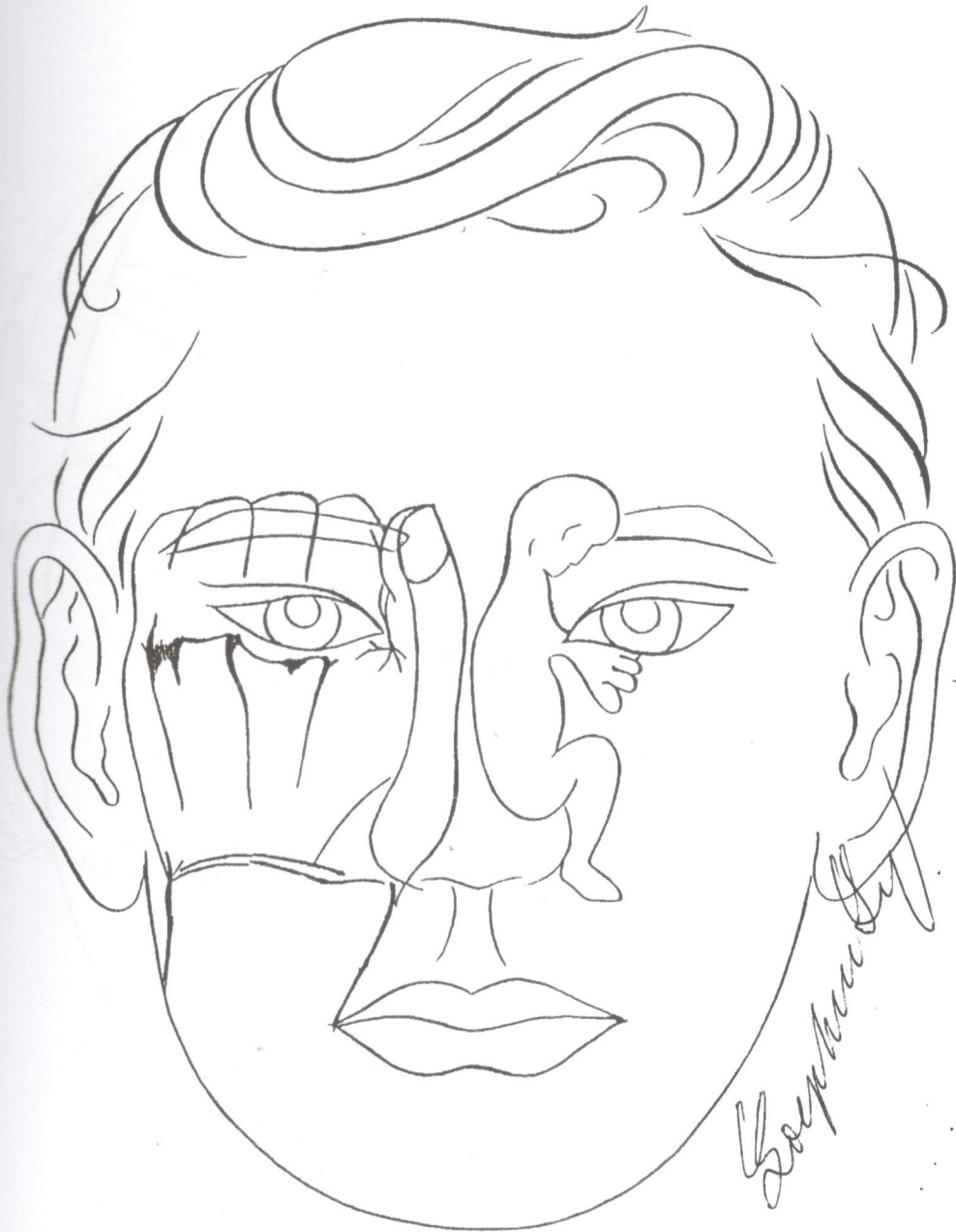
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Gối Trên Mặt



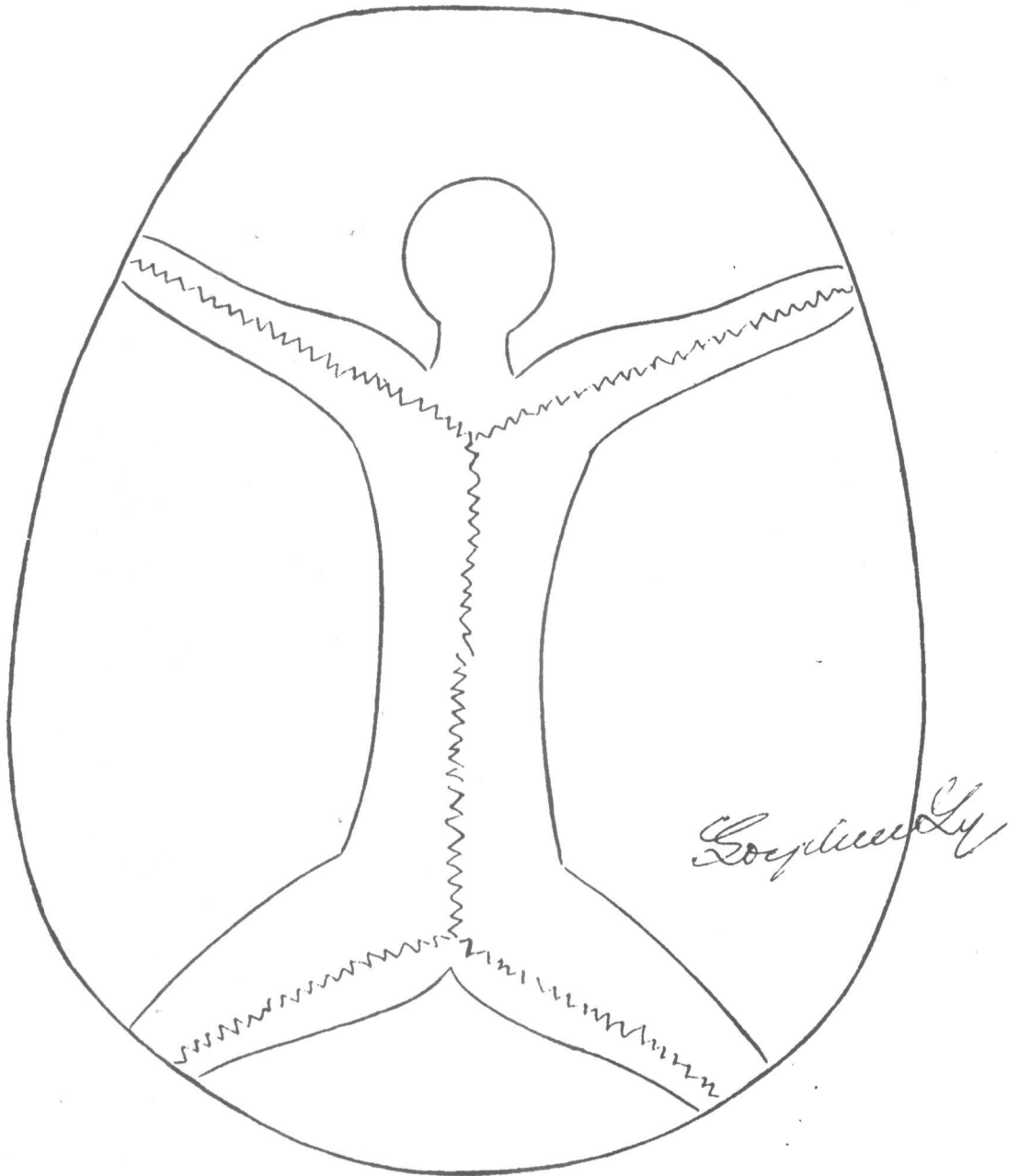
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Và Bàn Tay Trên Mặt



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

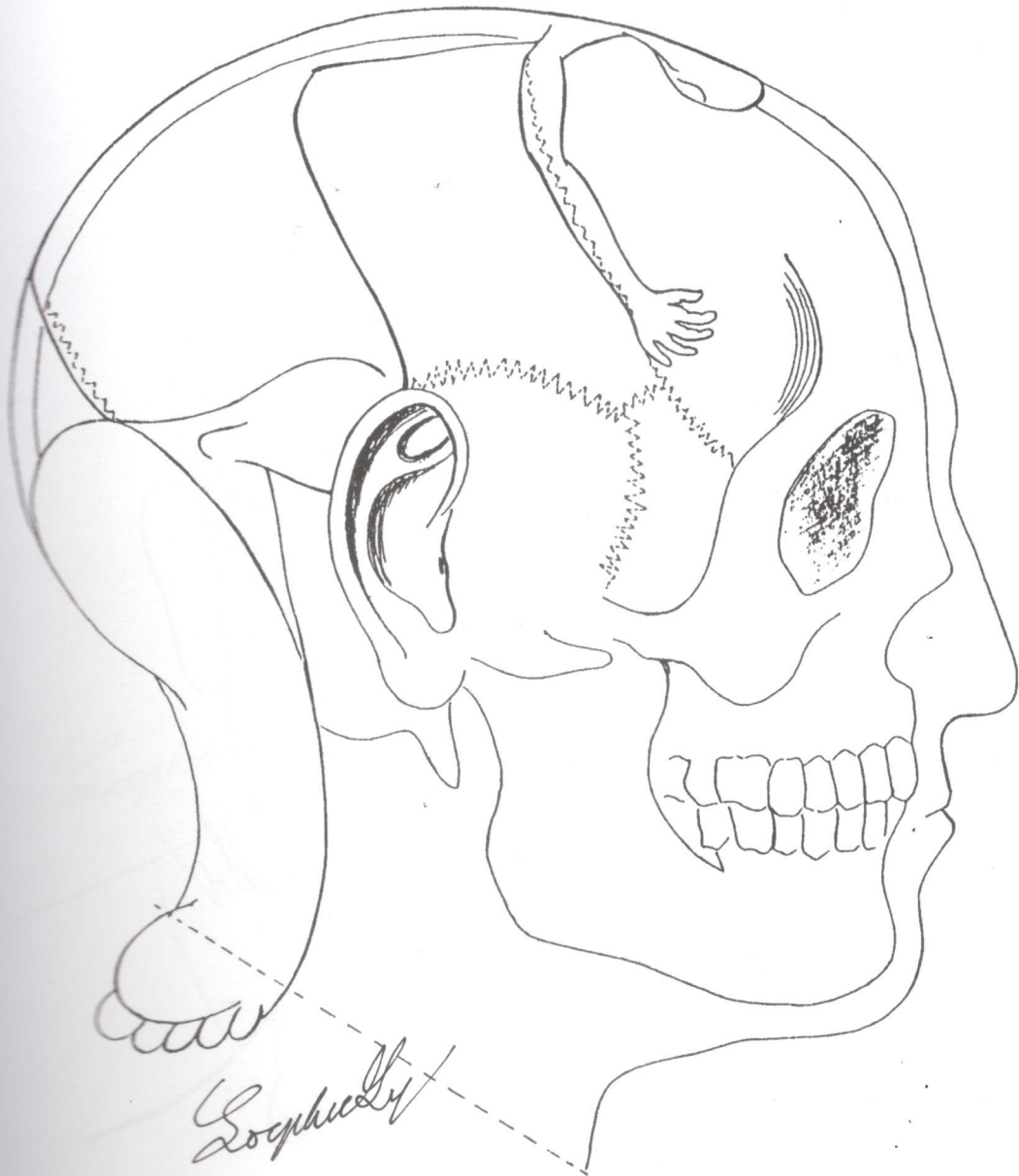
Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Trên Đầu



Lý Phước Lộc

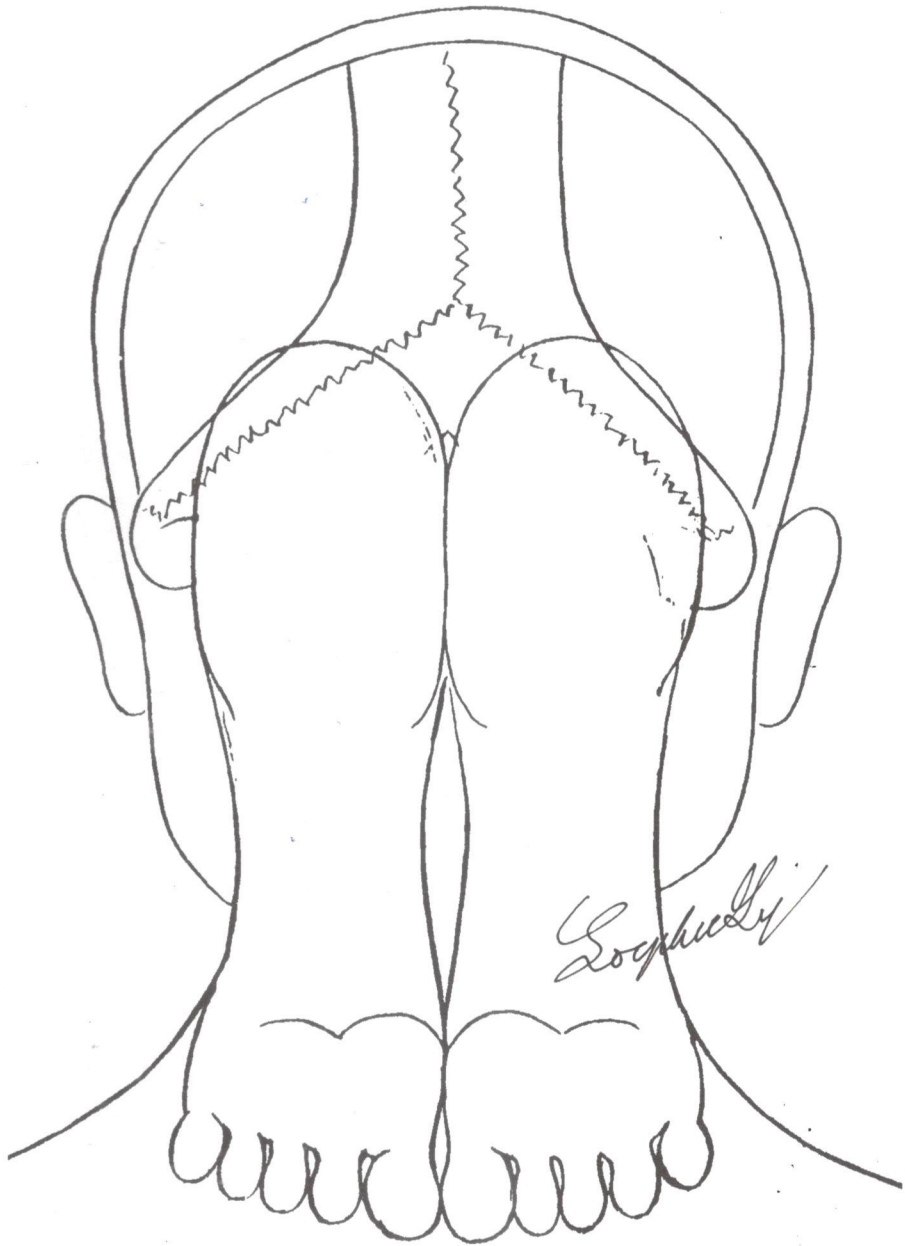
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể #16



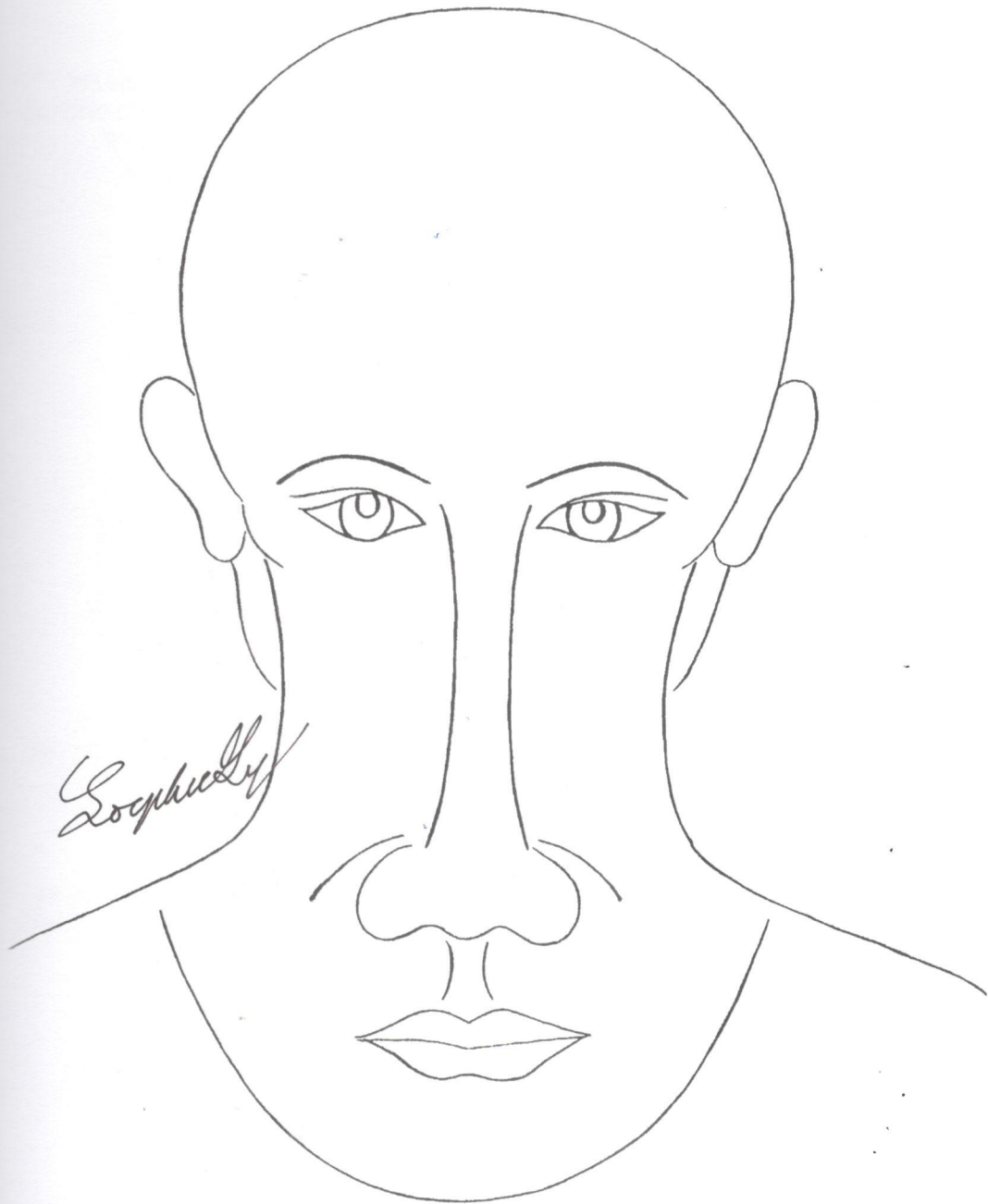
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Vùng Thân Mình, Chân, Bàn Chân Trên Ót và Cổ Gáy



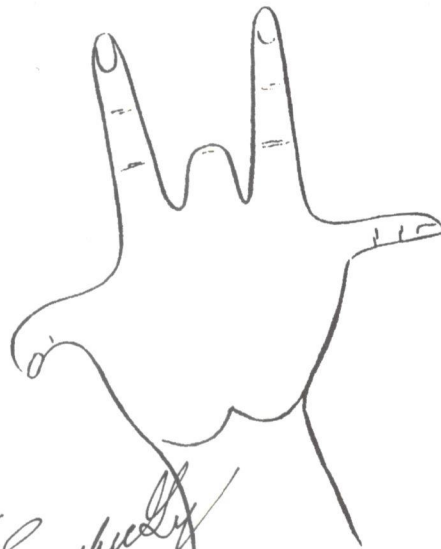
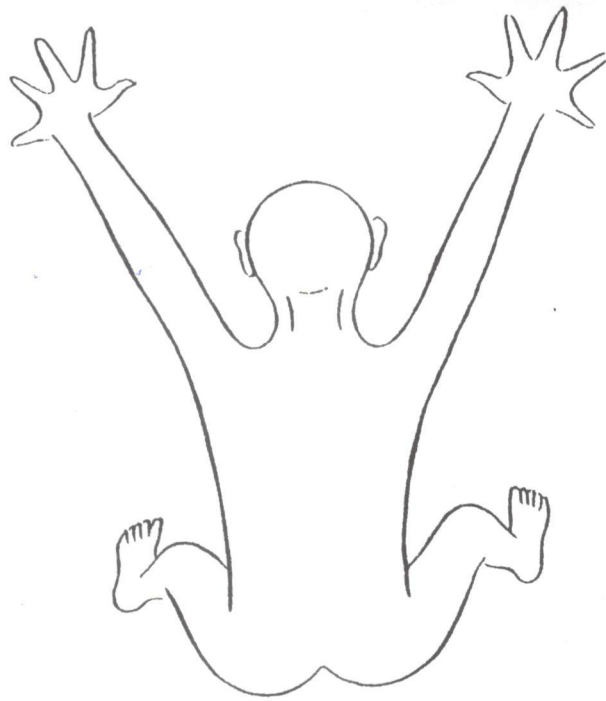
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Mặt ở Ót và Cổ Gáy



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

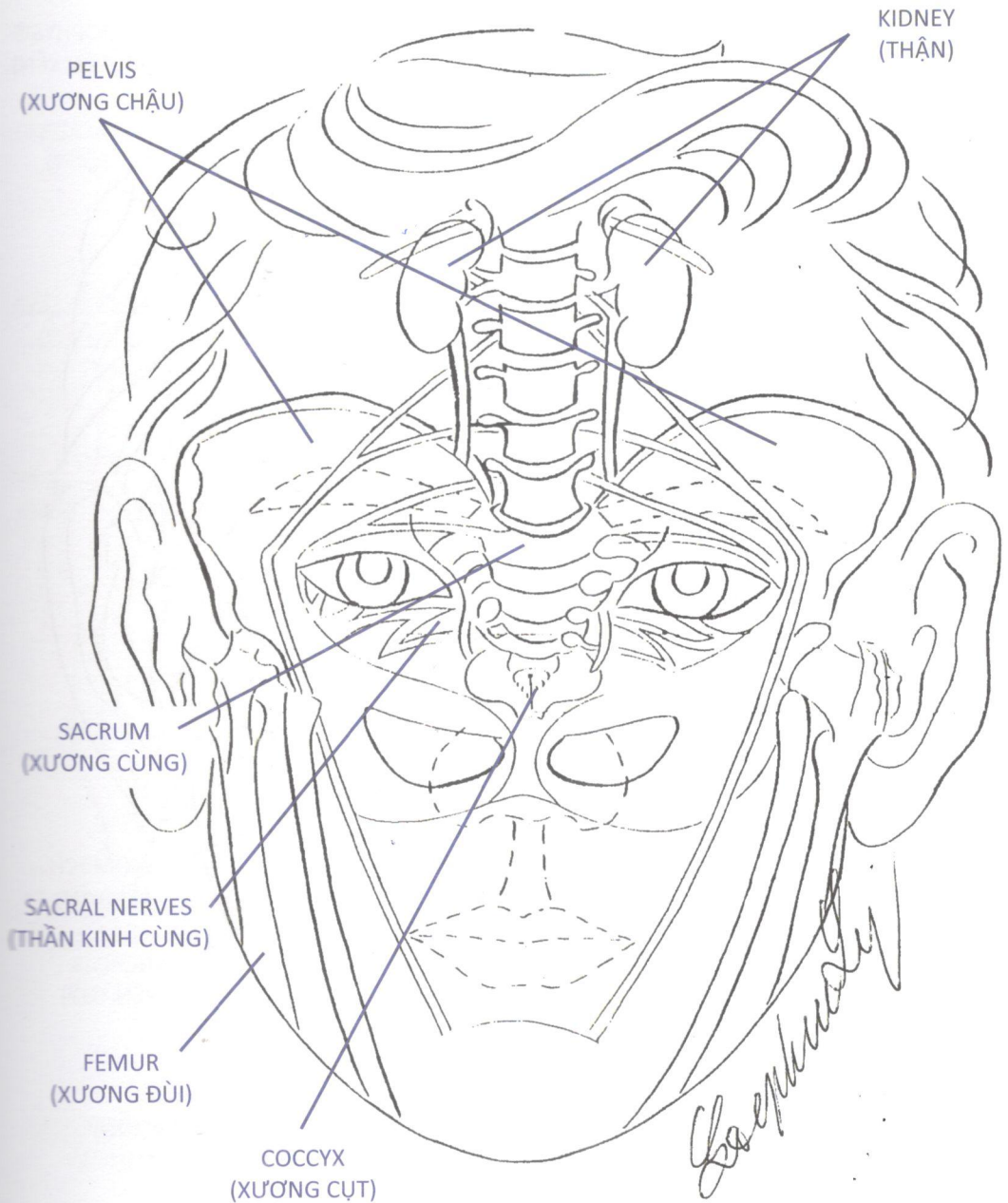
Hình Phản Chiếu Ngoại Vi Cơ Thể Trên Bàn Tay



Lý Phước Lộc

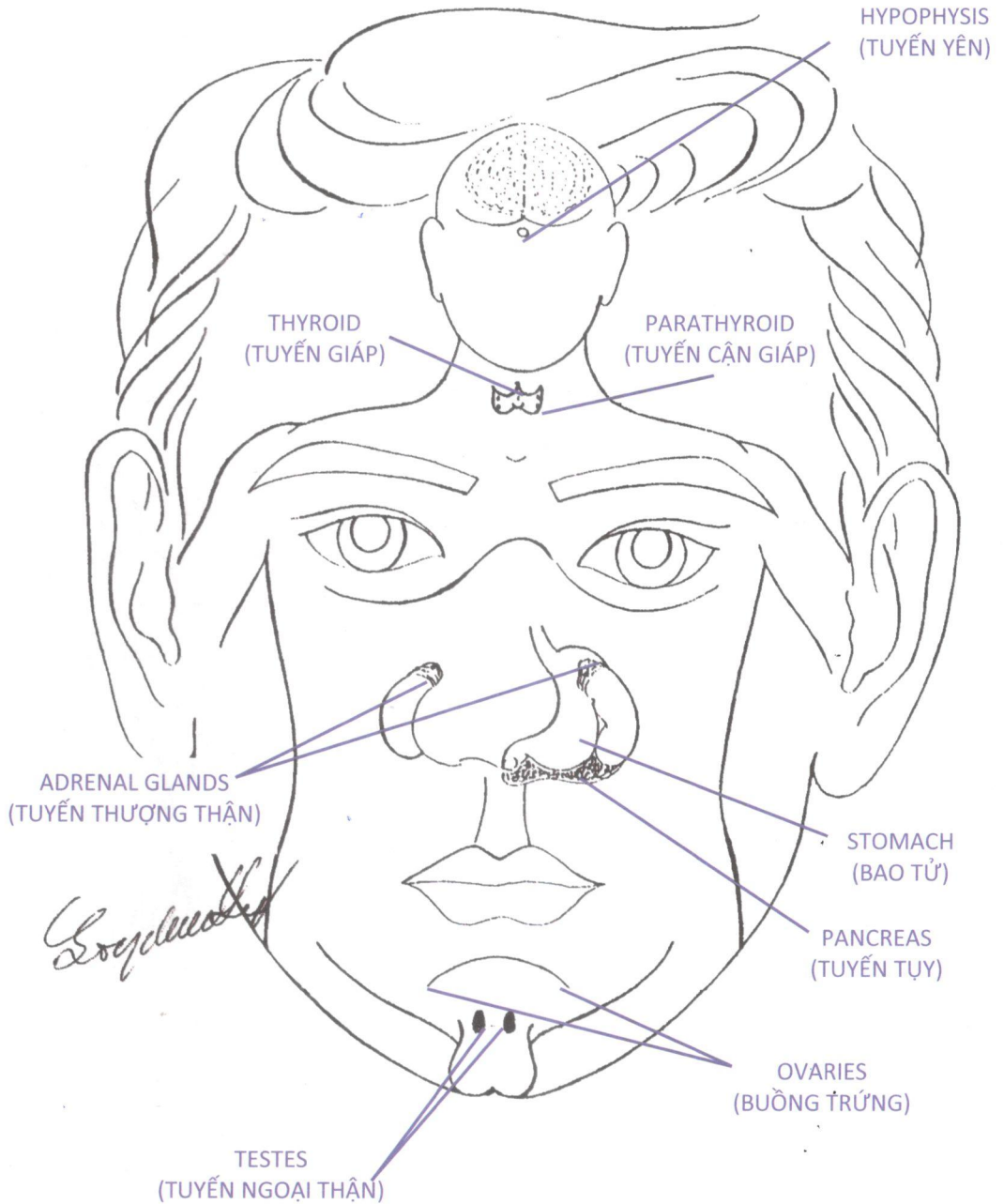
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Cột Sống và Xương Chậu



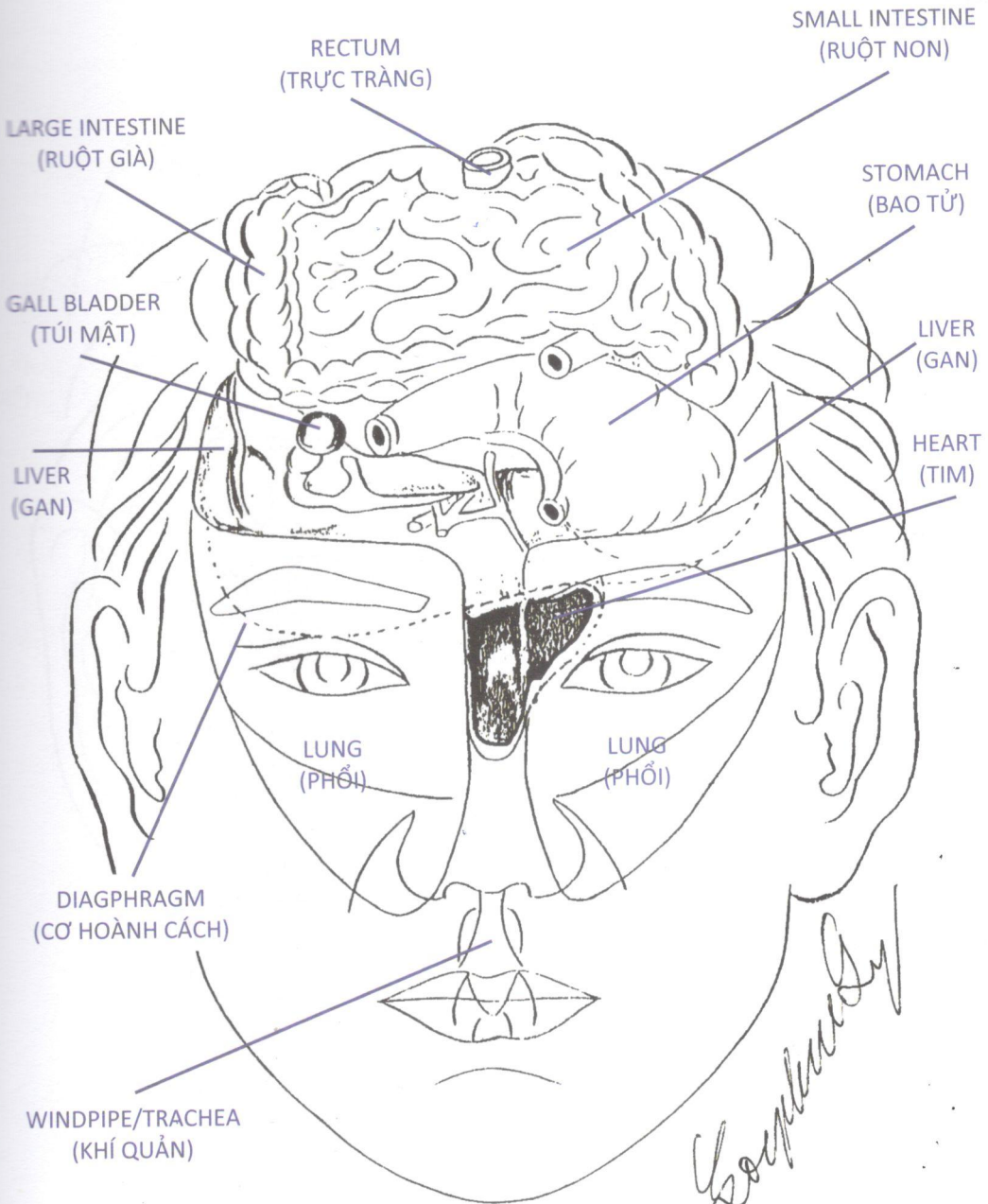
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Hệ Nội Tiết



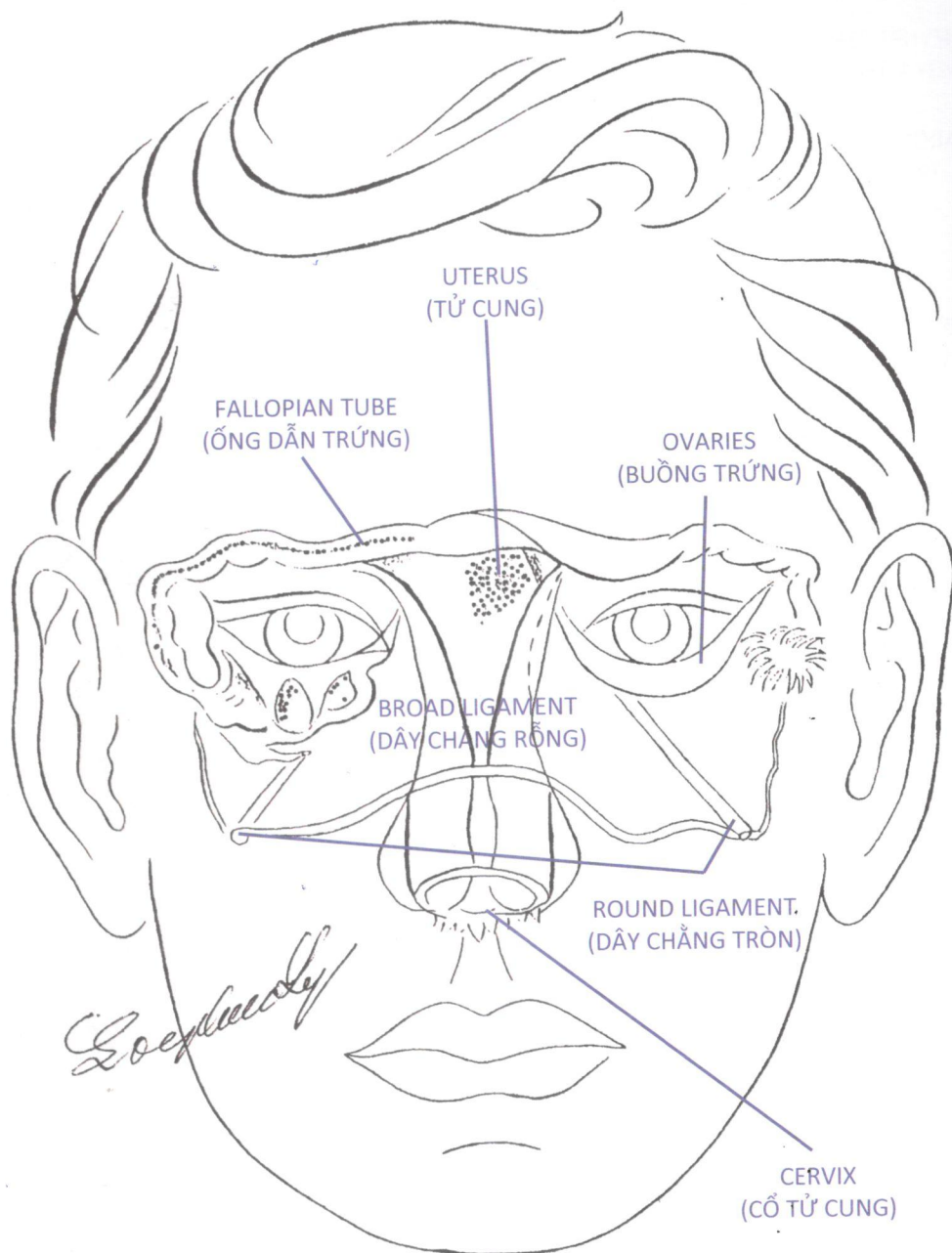
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Hệ Nội Tạng



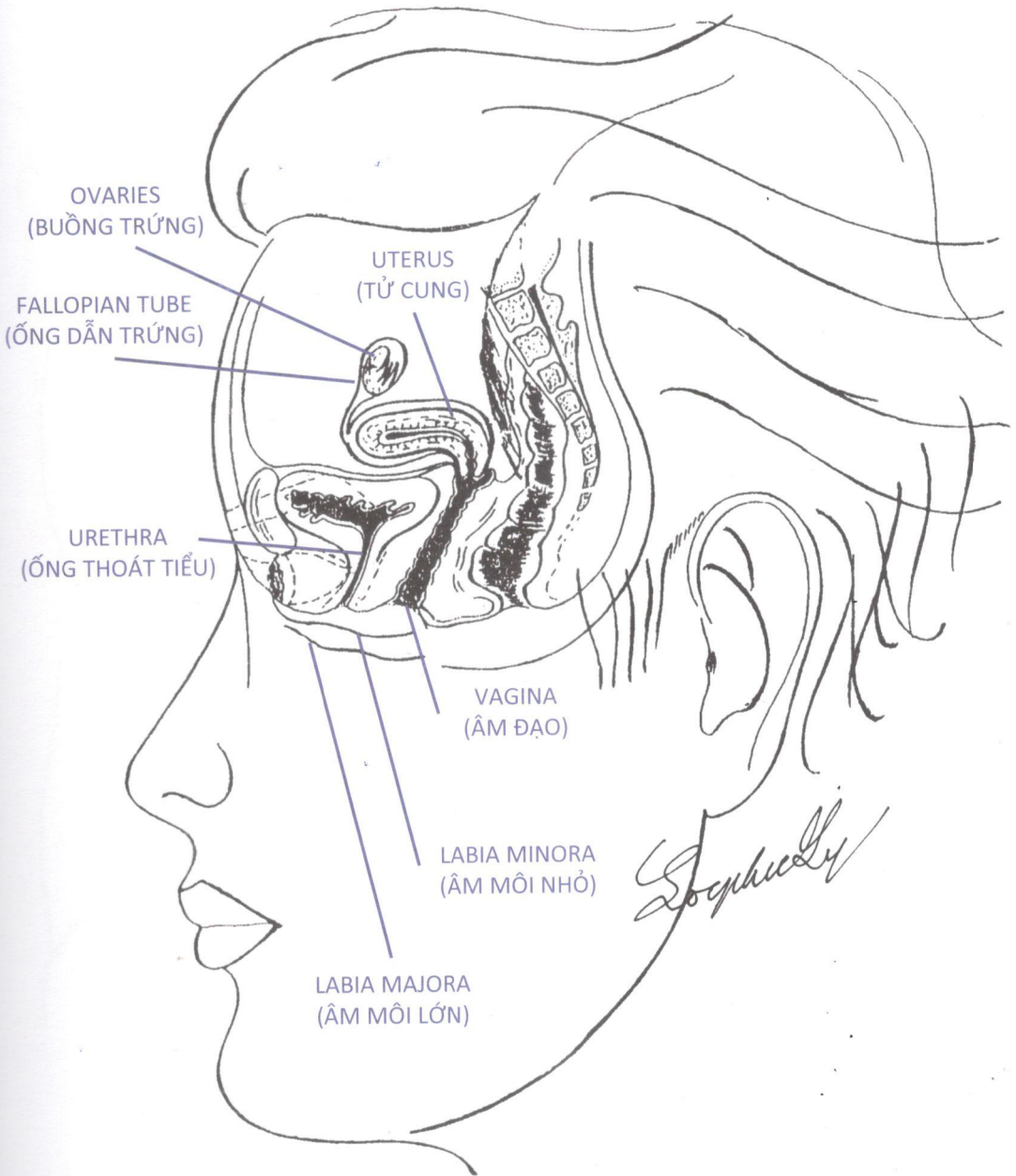
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Bộ Phận Sinh Dục Nữ Trên Mặt



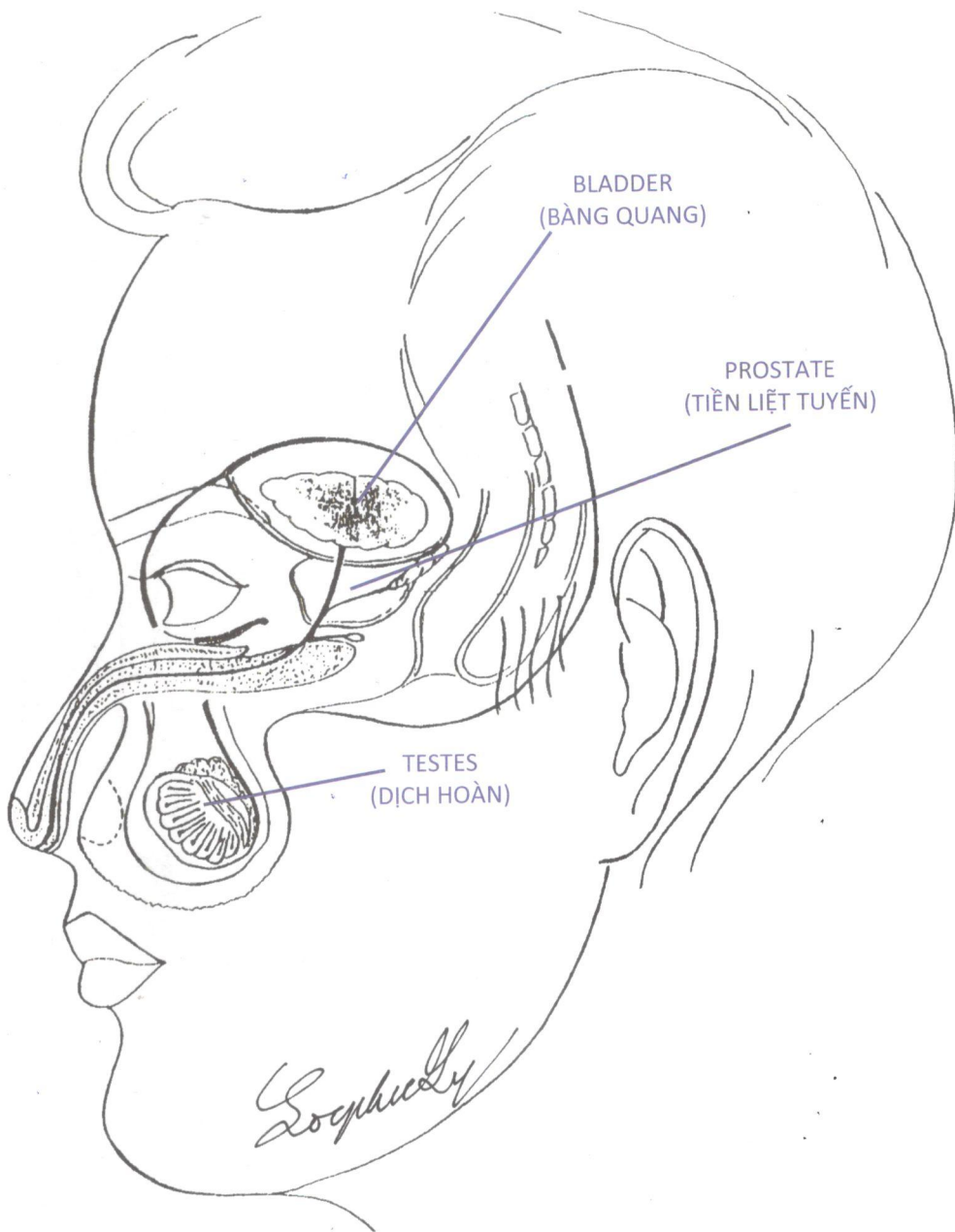
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Bộ Phận Sinh Dục Nữ Trên Mặt (Nghiêng)



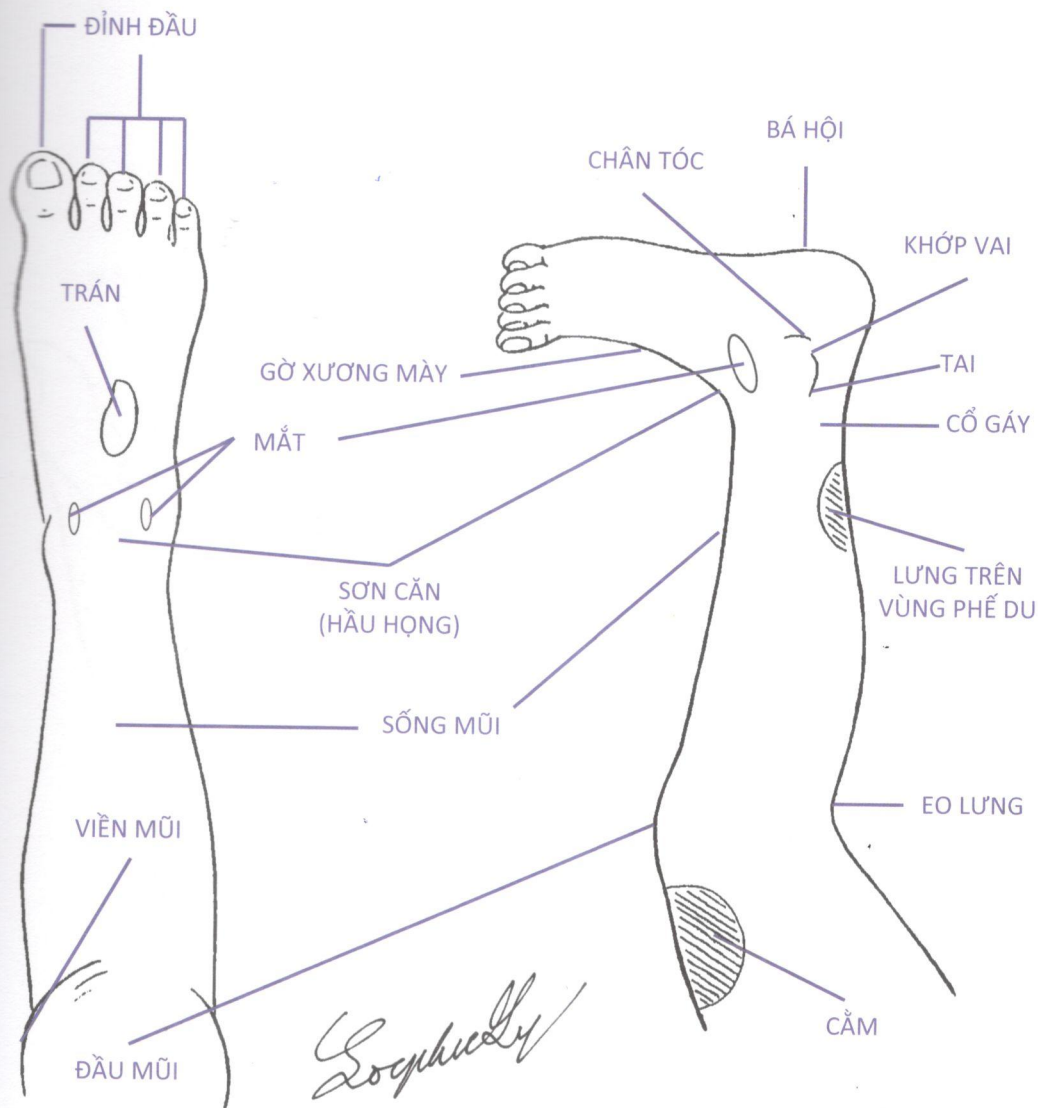
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Bộ Phận Sinh Dục Nam Trên Mặt (Nghĩnh)



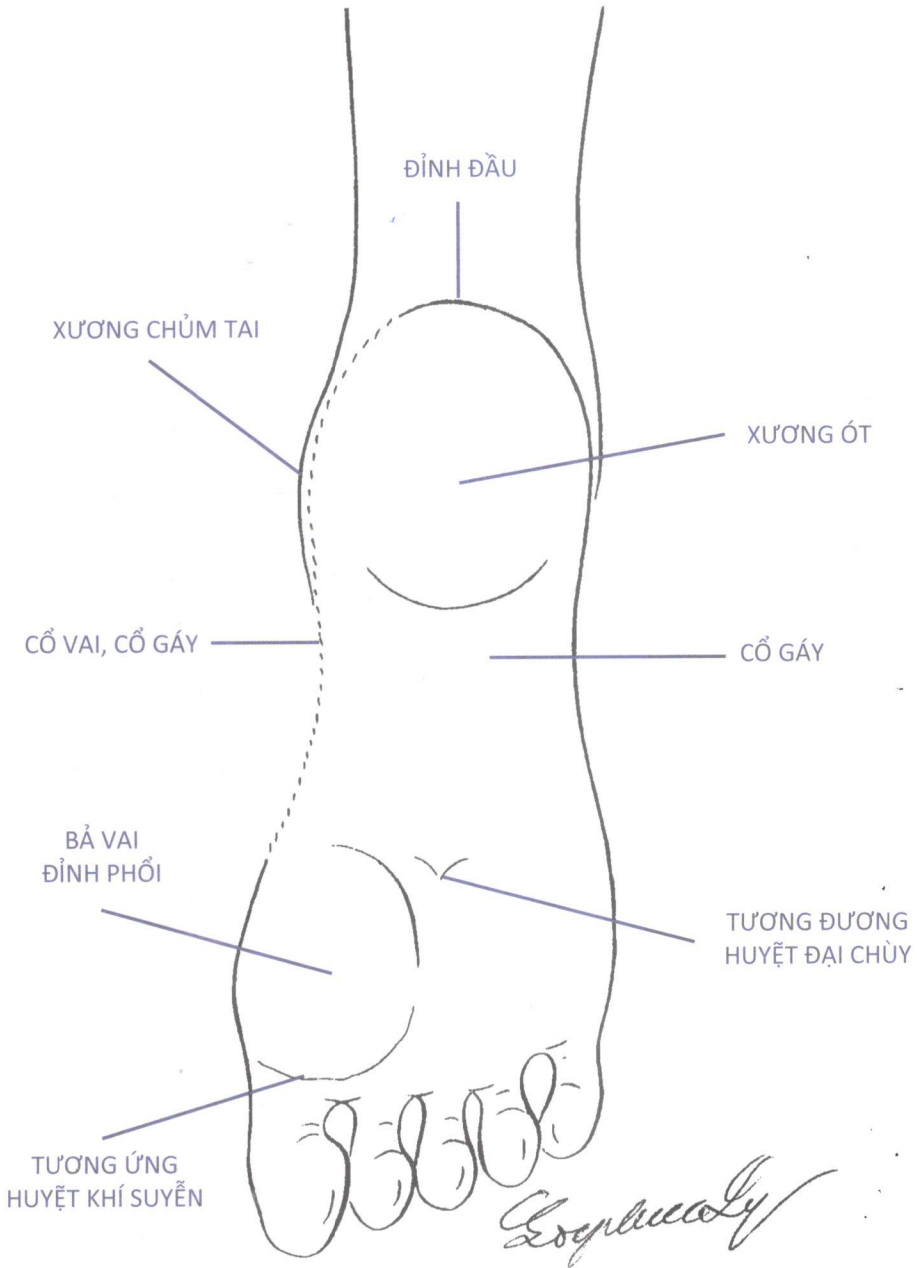
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Đầu và Mặt trên Bàn Chân, Cẳng Chân



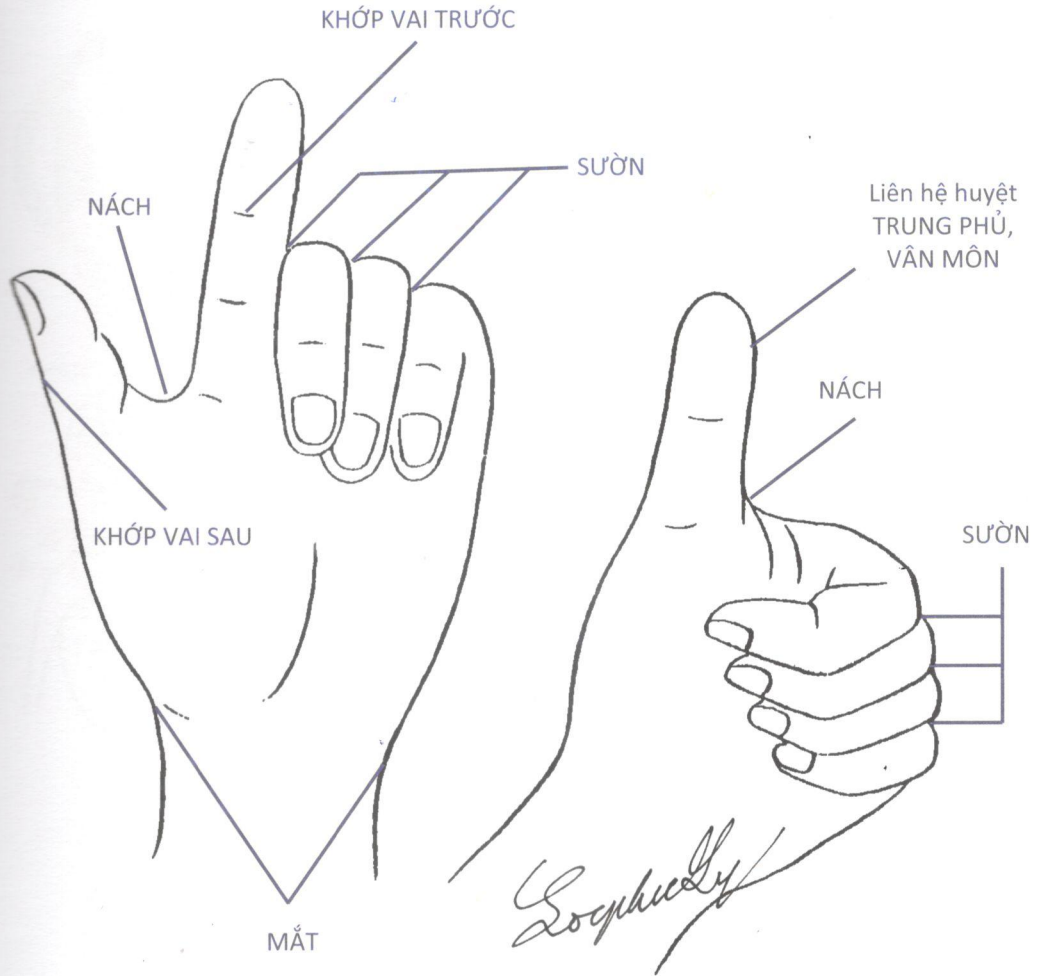
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Đầu và Cổ Gáy trên Bàn Chân



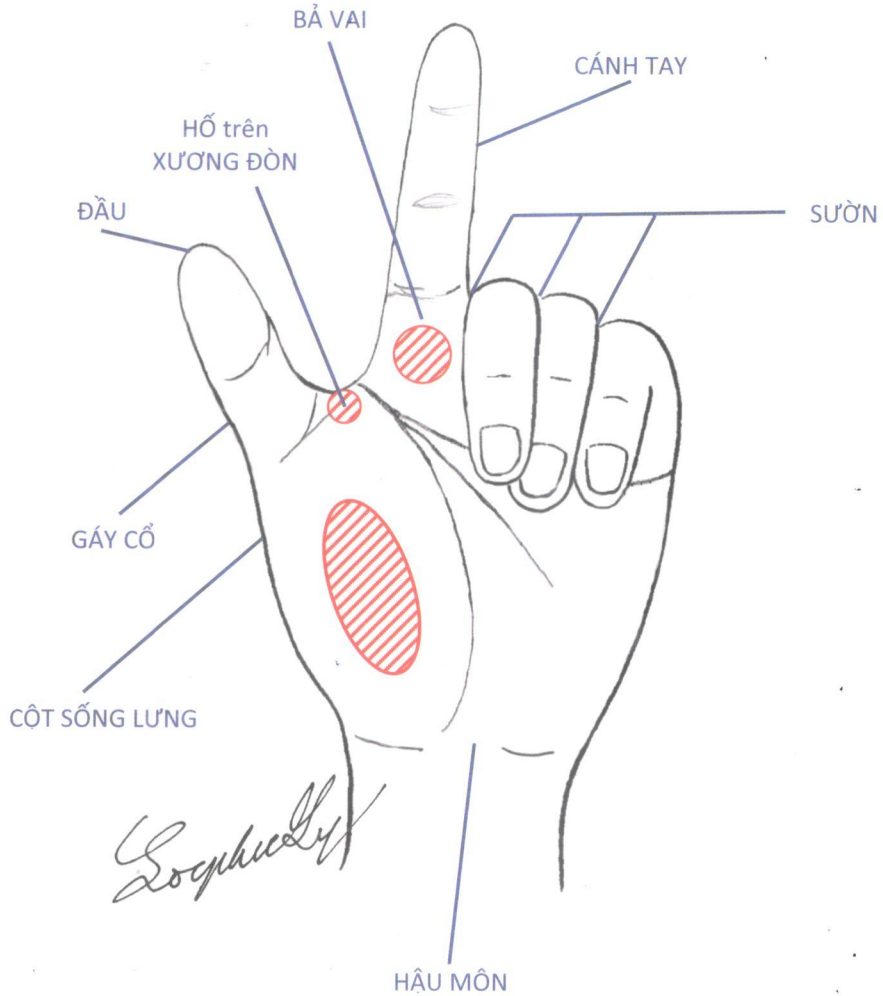
Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Khớp Xương Bả Vai, Xương Sườn trên Bàn Tay #1



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

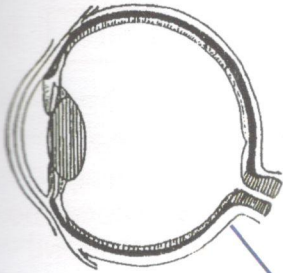
Hình Phản Chiếu Khớp Xương Bả Vai trên Bàn Tay #2



Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Thai Nhi, Cột Sống, Thận, Bao Tử, Mắt, Hồ Chậu trên Loa Tai

MẶT SAU LOA TAI ĐỒNG
HÌNH VỚI VỔNG MÔ



THÂN TRƯỚC
BAO TỬ TƯƠNG
ỨNG VỚI RĂNG
BÌNH TAI

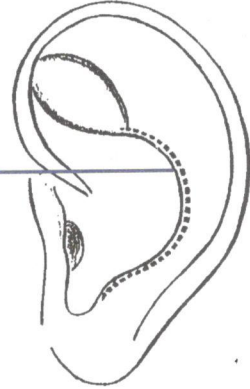


THÂN SAU BAO TỬ ĐỒNG HÌNH
VỚI CHÂN TAI MẶT SAU

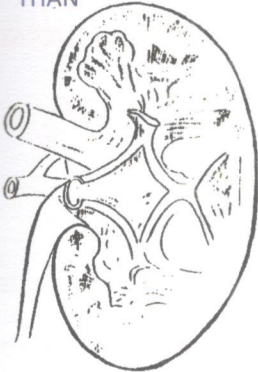


THAI NHI

QUÁCH TAI ĐỒNG HÌNH VỚI
CỘT SỐNG (PHÍA BỤNG)



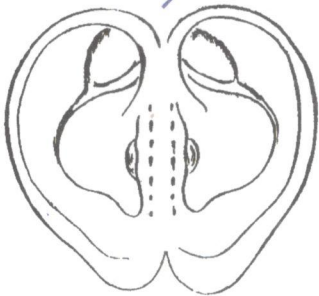
THẬN



CUNG SAU LOA TAI ĐỒNG HÌNH
VỚI CỘT SỐNG (PHÍA LƯNG)



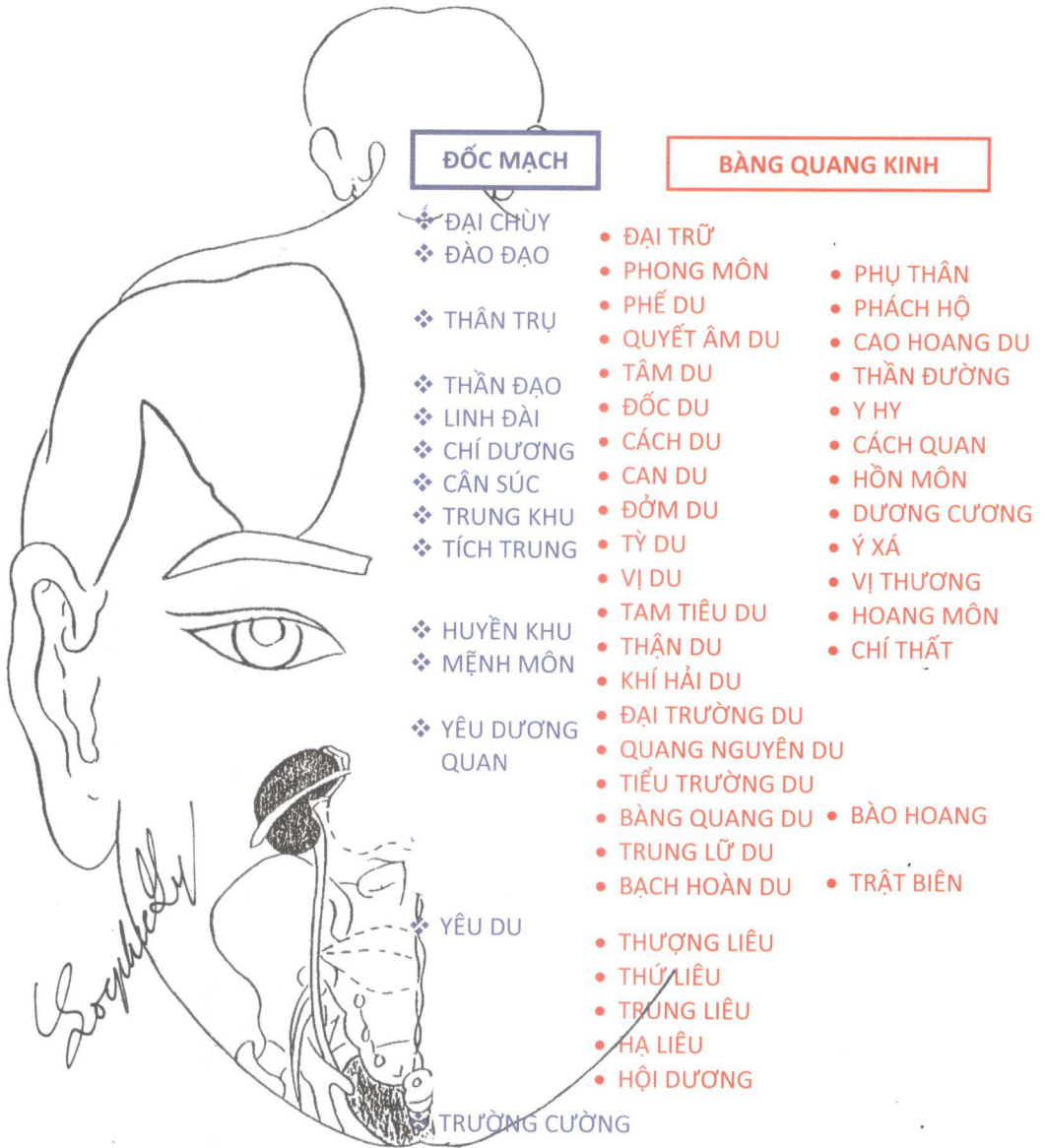
HAI TAI ĐỒNG HÌNH VỚI HỒ CHẬU



Lý Phước Lộc

Copyright © 1990 by Mr. Lý Phước Lộc (SG-VN)

Hình Phản Chiếu Mặt trên vùng Lưng



PHẦN II: ĐỒNG ỨNG TRỊ LIỆU PHÁP

Đồng Ứng Trị Liệu Pháp (ĐUTLP) là phương pháp điều trị những bệnh chứng không dùng thuốc, không dùng kim châm, hay dụng cụ.

Chủ yếu bằng những phương tiện cơ hữu của bản thân như: Ngón tay, Bàn tay, Cùi chỏ, Gót chân, v.v. Người trị bệnh vẫn có thể dò tìm, tác động chính xác vào Sinh-Huyệt theo Lý Đồng Ứng. Chính vì vậy ĐUTLP lấy Sinh-Huyệt làm cơ sở cho việc Chẩn và Trị.

A. SINH-HUYỆT LÀ GÌ?

Sinh-Huyệt là biểu hiện bất thường hay điểm nhạy cảm nhất khi cơ thể đã và đang có bệnh. Sinh-Huyệt thường được tìm thấy ở những nơi có tương quan mật thiết với bệnh theo lý Đồng Ứng.

Khi Sinh-Huyệt được phát hiện và tác động kịp thời, hiện tượng Cảm Ứng xảy ra như Lực Đòn Bẩy, đẩy đi những Rối Loạn chức năng của cơ thể một cách kỳ diệu. Tương tự như chúng ta tìm được chìa khoá ăn khớp với ổ khoá; chỉ cần xoay nhẹ chìa khoá, cửa sẽ mở.

Sinh-Huyệt thường có ba dạng:

- ❖ Thống điểm (mới xảy ra)
 - Đau/Thốn: khi Ấn Chẩn
 - Nóng Rát: khi Hơ Cứu
- ❖ Biểu hiện khác thường (đã xảy ra)
 - Cộm Cứng, Nốt Ruồi, Tàn nhang, Mụn Nhọt đỏ/xanh/trắng, Chỉ Máu v.v.)
- ❖ Bất Thống điểm (không đau hay không cảm giác một cách bất thường)

B. TÌM SINH-HUYỆT THEO LÝ ĐỒNG ỨNG

Như đã nói Sinh-Huyệt là một biểu hiện thông tin bệnh lý, đồng thời là cửa ngõ của sự khai thông khí huyết, tái lập lại những trật tự của cơ thể. Do vậy ĐUTLP lấy Sinh-Huyệt làm cơ sở cho việc Chẩn Trị; và công việc Chẩn Trị thường xảy ra đồng lúc.

Việc Chẩn Trị này đạt được Hiệu quả đến đâu tùy thuộc vào sự hợp tác và cảm thông giữa bệnh nhân và người điều trị.

Dựa vào thuyết Âm Dương, Tam Tài, Lý Đồng Ứng, Sinh-Huyệt được xác định theo ba yếu tố: Đồng Hình, Đồng Thế, và Đồng Thể.

- ❖ Đồng về Hình: Đồng Dạng (Giống nhau)
- ❖ Đồng về Thế: Động/Tĩnh, Cao/Thấp, Co/Thẳng, v.v.
- ❖ Đồng về Thể: Mềm/Cứng, Thô/Láng, Mỏng/Dày, v.v.

Thí dụ:

- Chỏ/Gối, Khuỷu/Khoeo, Cổ tay/Cổ chân/Cổ gáy/Cổ Họng, v.v.
- Bụng/Khoeo/Khuỷu, Ót/Gót, Nách/Háng, Mông/Vai/Gót, v.v.

C. LÝ ĐỒNG ỨNG

Theo Học Thuyết Âm Dương: Vạn Hữu Không ngoài Âm Dương. Âm Dương tuy Dị mà Tương Đồng. Chúng có thể hóa giải hay hỗ tương, cùng tồn tại và phát triển theo quy luật của Vũ Trụ.

Mọi cơ quan Tạng Phủ của con người cũng theo quy luật Âm Dương. Chúng có mối tương quan mật thiết với nhau trong một khối thống nhất.

Thông thường có Tương Đồng sẽ có Tương Ứng, nếu có Đồng nhưng không Ứng thì Sinh-Huyệt chưa được xác định; chúng ta phải tìm Sinh-Huyệt ở một nơi khác. Có nghĩa là chúng ta phải uyển chuyển linh động vận dụng lý "Tùy Duyên Đối Đãi" trong lúc thực hành.

Thí dụ: Chứng Thiên Đầu Thống, tìm Sinh-Huyệt ở một trong hai ngón tay giữa. Sinh-Huyệt có thể báo ở mắt giữa hay mắt thứ nhất (gần móng). Sinh-Huyệt báo nơi nào thì tác động nơi đó.

Chứng Ngón Tay Cái Vô Lực, tìm Sinh-Huyệt ở ngón chân cái, khoe mũi, nách trước, hay má ngoài gối. Sinh-Huyệt báo nơi nào thì theo lý "Tùy Duyên" tác động ở đó.

D. QUAN ĐIỂM

Bệnh trạng có hai loại:

- ❖ Bệnh Chứng: Rối loạn Chức Năng
- ❖ Bệnh Tật: Tổn thương cụ thể hay những bệnh bẩm sinh (thuộc tiến trình Sinh, Lão, Bệnh, Tử)

ĐU'TLP có khả năng điều chỉnh rối loạn chức năng và giảm sự lão hóa, nhưng không thể chữa bệnh tật đã nêu trên.

Khi nhận định được Sinh-Huyệt, bất cứ ai cũng có thể chữa được bệnh cho chính bản thân, gia đình, và người thân không phân biệt tuổi tác hay giới tính.

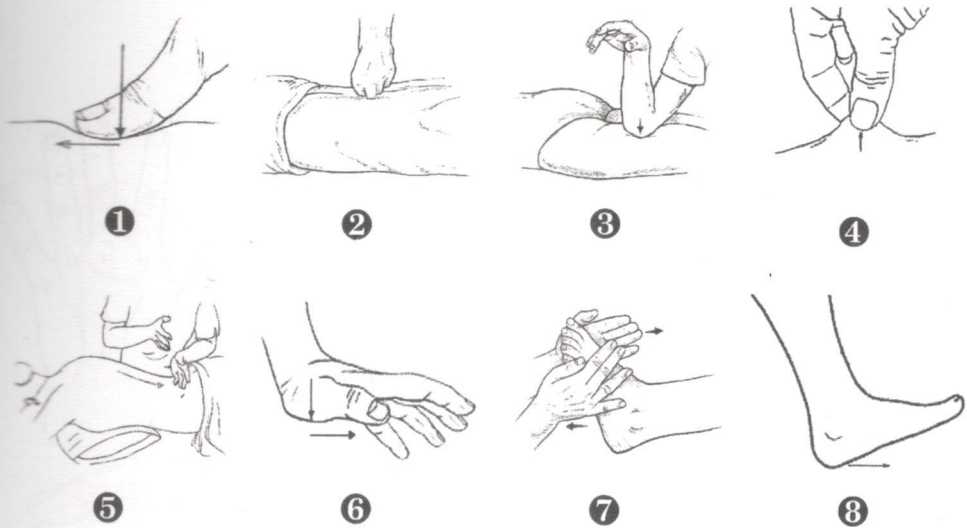
E. TÍNH NĂNG

- ❖ Chẩn Trị đồng lúc
- ❖ Đơn Giản
- ❖ Hiệu Quả
- ❖ Nhanh Chóng
- ❖ Tự Nhiên
- ❖ Dễ Học - Dễ Hành
- ❖ Không phản ứng phụ

F. PHƯƠNG CHÂM

- ❖ Phòng Bệnh hơn Chữa Bệnh
- ❖ Giúp Mình- Giúp Người

E. KỸ THUẬT THAO TÁC



Dùng một trong những thao tác ở trên hoặc dùng máy sấy tóc để tìm Sinh-Huyệt theo những điểm hướng dẫn điều trị của từng bệnh. Sau khi xác định được Sinh-Huyệt, day ấn các Sinh-Huyệt 7 lần hoặc hơi sấy 7 giây. Làm từ 2 đến 3 thời (sáng, trưa, chiều) mỗi ngày cho đến khi khỏi bệnh. Nếu bệnh vẫn còn nhưng các Sinh-Huyệt không còn báo đau hay nóng nữa (tức là những điểm này không còn là Sinh-Huyệt), quý vị cần phải tìm Sinh-Huyệt khác tương ứng với bệnh.

Xin quý vị dùng cả hai bên của cơ thể (thí dụ ngón chân cái bên trái và phải, bả vai trái và phải) trong khi tìm Sinh-Huyệt, sau đó chọn bên đau hay nóng nhất làm Sinh-Huyệt để chữa trị.

Hướng dẫn dùng máy sấy trong VNĐULP: khi tìm Sinh-Huyệt; dùng máy sấy với công suất tối đa 1000W, bật máy sấy ở mức thấp nhất và cách mặt da khoảng 1 inch (2.5cm). Lưu ý Sinh-Huyệt là điểm nóng nhanh nhất, do vậy khi tìm Sinh-Huyệt chỉ hơi sấy trong khoảng thời gian 5-7 giây. Nếu bệnh nhân không cảm thấy nóng sau 7 giây, thì phải di chuyển sang chỗ khác để tìm Sinh-Huyệt. Khi xác định được Sinh-Huyệt thì giữ nguồn nhiệt ngay Sinh-Huyệt trong vòng 7 giây.

Chữ "Sấy" hay "Hơi Cứu" trong sách này có nghĩa "dùng máy Sấy tóc hay Ngải Cứu truyền hơi nóng vào Sinh-Huyệt hay một bộ phận của cơ thể".

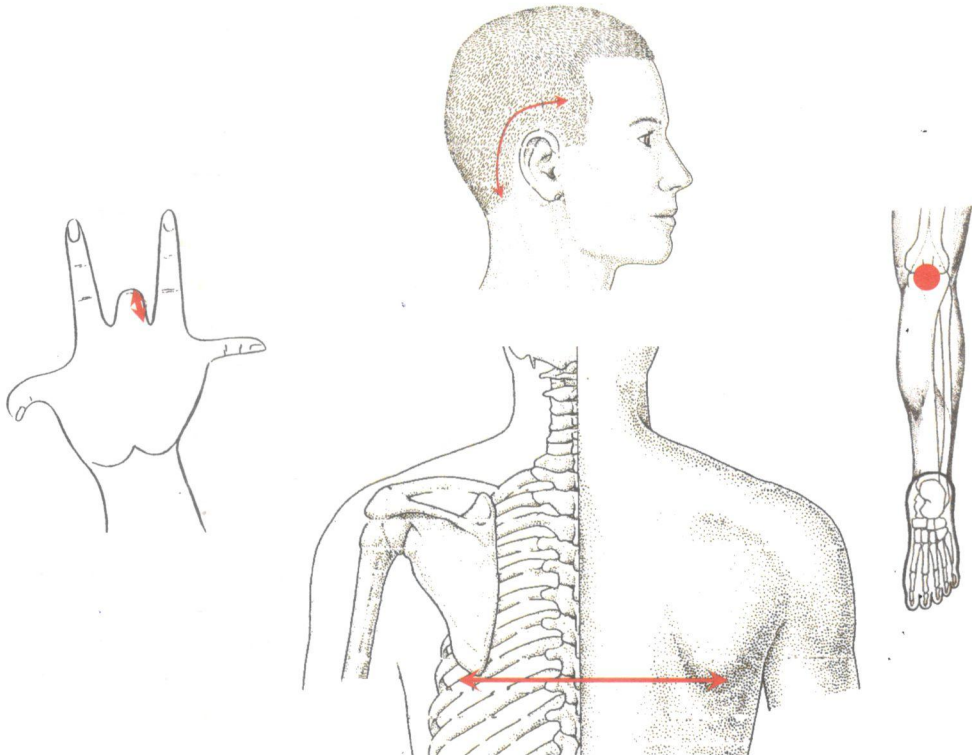
PHẦN III: PHƯƠNG PHÁP TRỊ LIỆU

A. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG

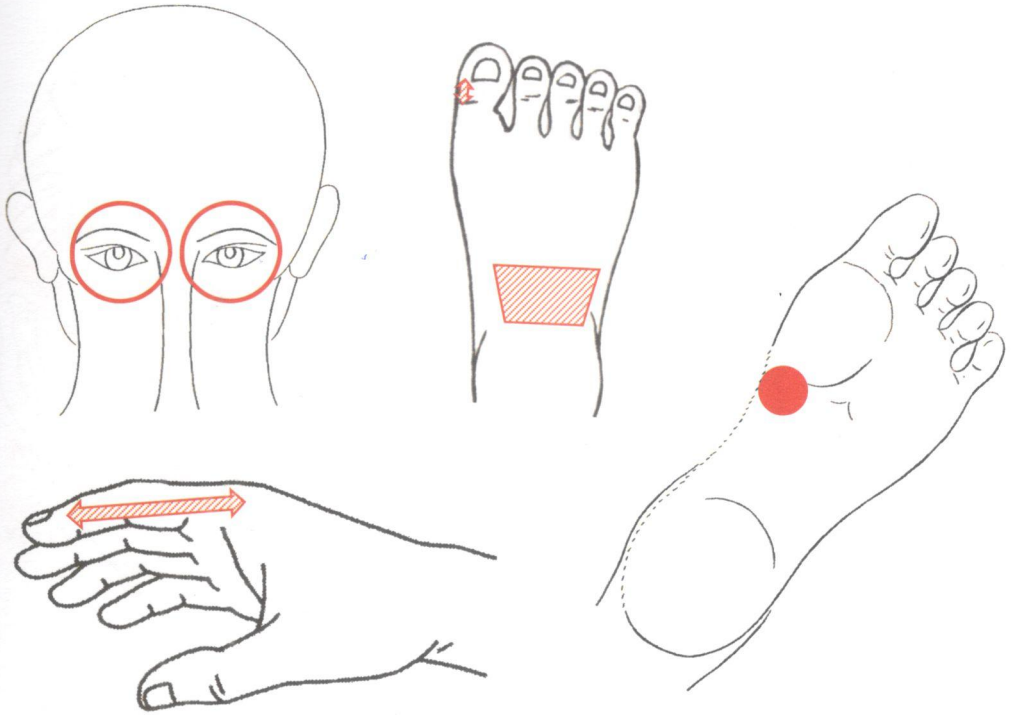
1. Nhức Đỉnh Đầu (Headache on top of head)



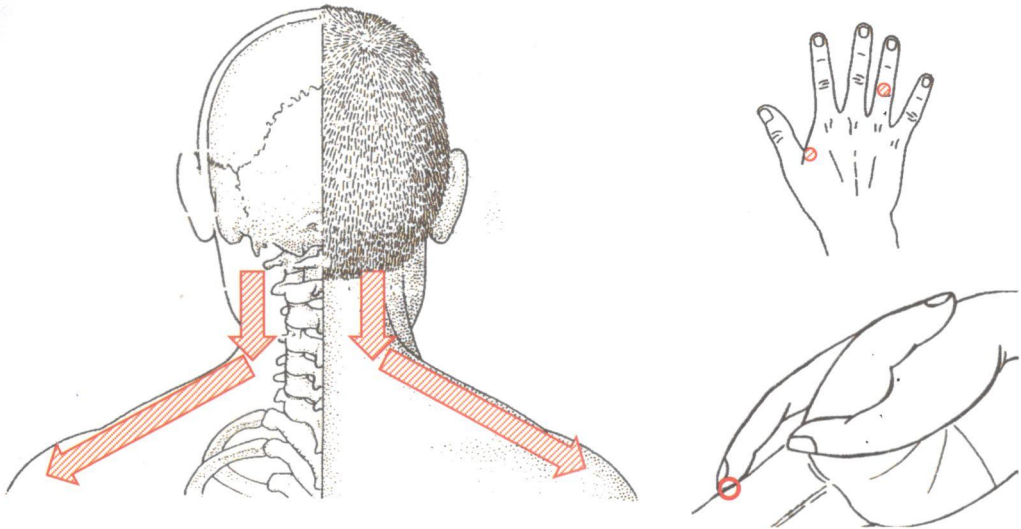
2. Thiên Đầu Thống (Migraine Headache)



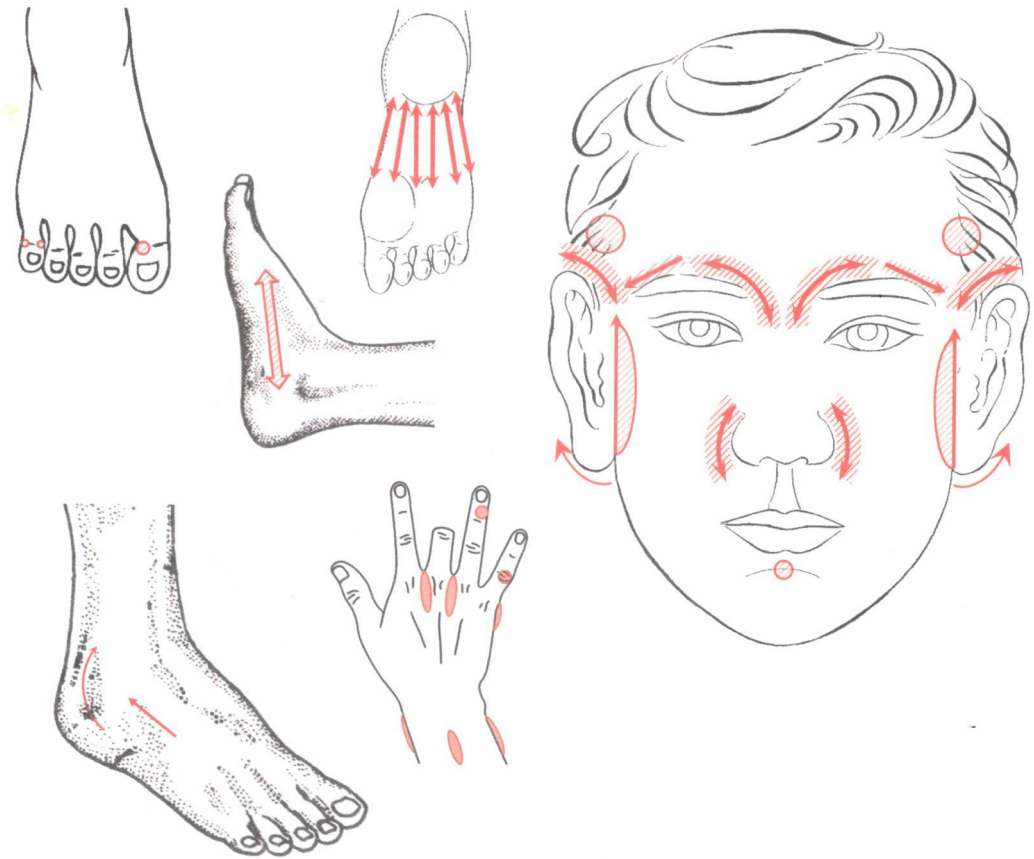
3. Nhức Đầu Ở Trán (Headache in the forehead)



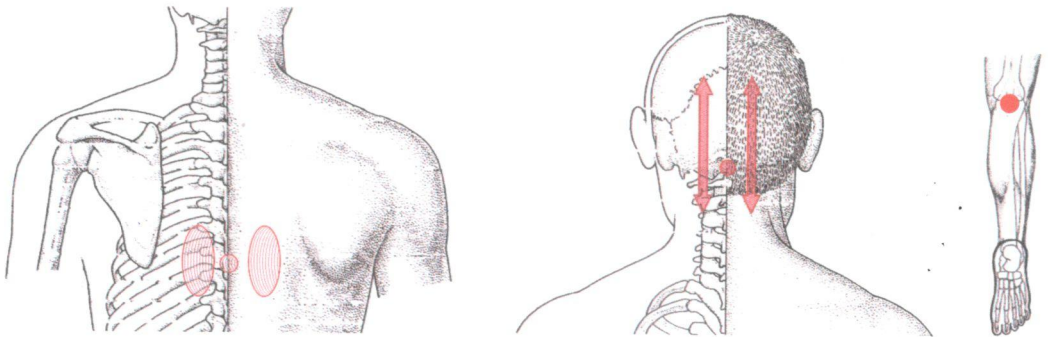
4. Nhức Đầu Hai Thái Dương (Temple headache)



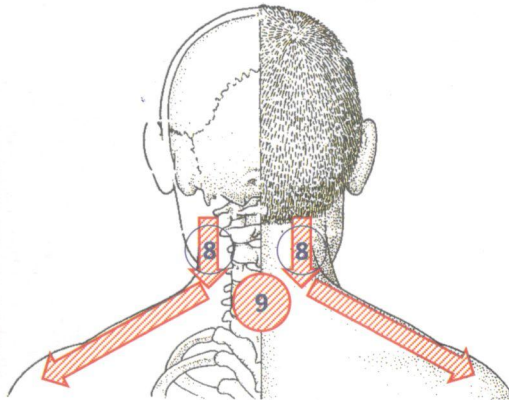
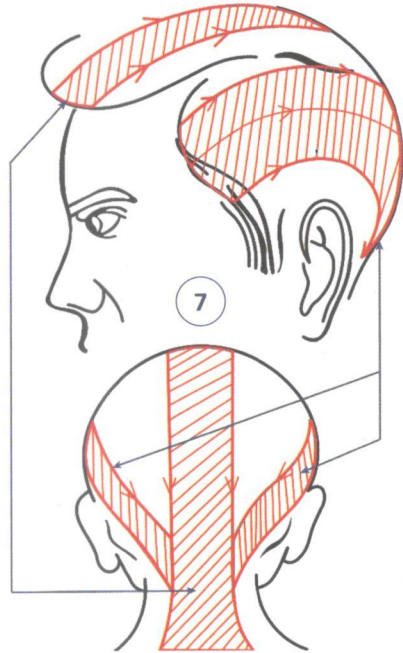
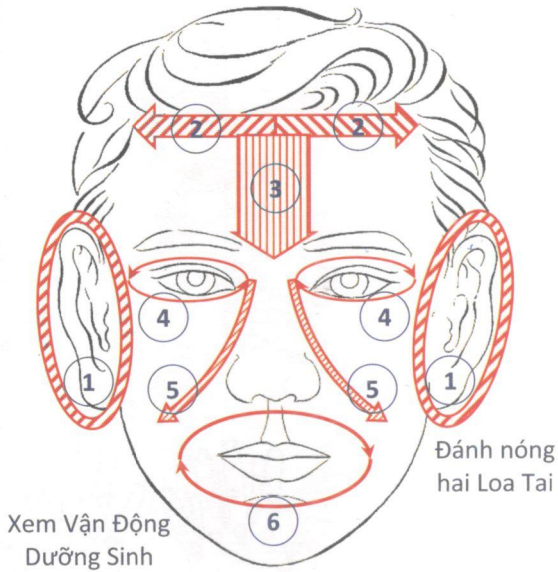
5. Nhức Đầu Chằm Gáy (Back headache)



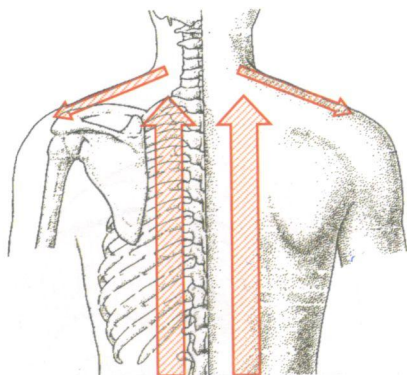
6. Chóng Mặt (Dizziness)



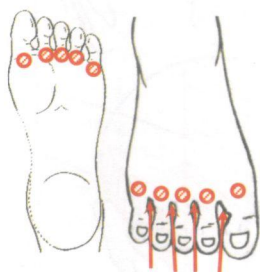
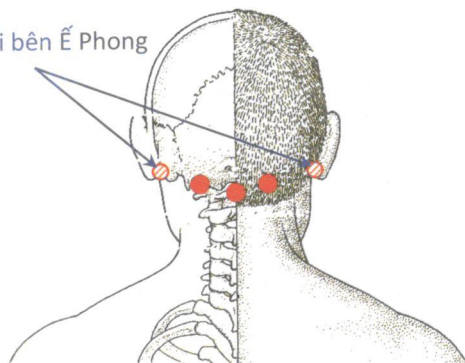
7. Cảm Cúm (Cold, Influenza)



8. Dị Ứng Ngoài Da (Skin allergy)

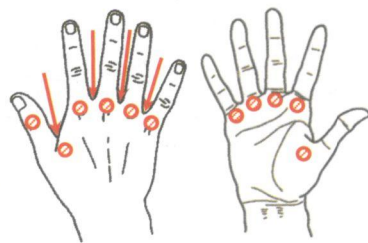


Sấy hai bên Ế Phong

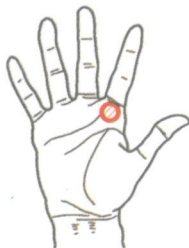
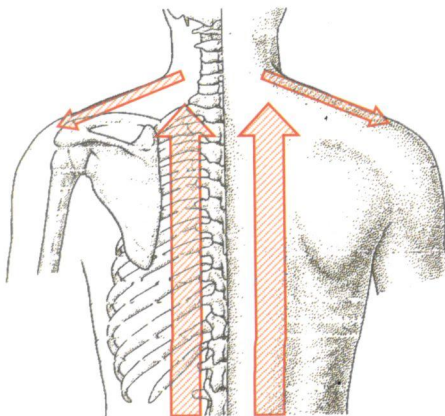
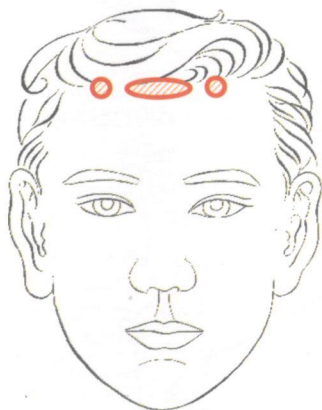


Sấy Trên, Dưới, và Giữa kẽ ngón Tay và Chân

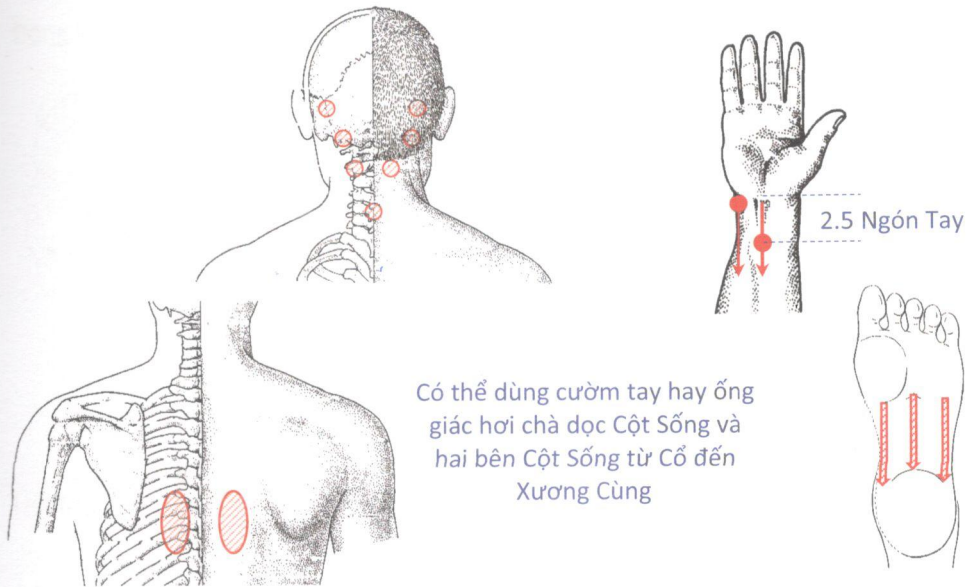
Hơ xung quanh bàn tay và chân theo ranh giới giữa hai màu da qua các tuyến ngón út, cổ Tay (cổ Chân), và ngón cái



9. Dị Ứng Phần Hoa / Mùi (Pollen/Smell allergy)



10. Mất Ngủ (Insomnia)

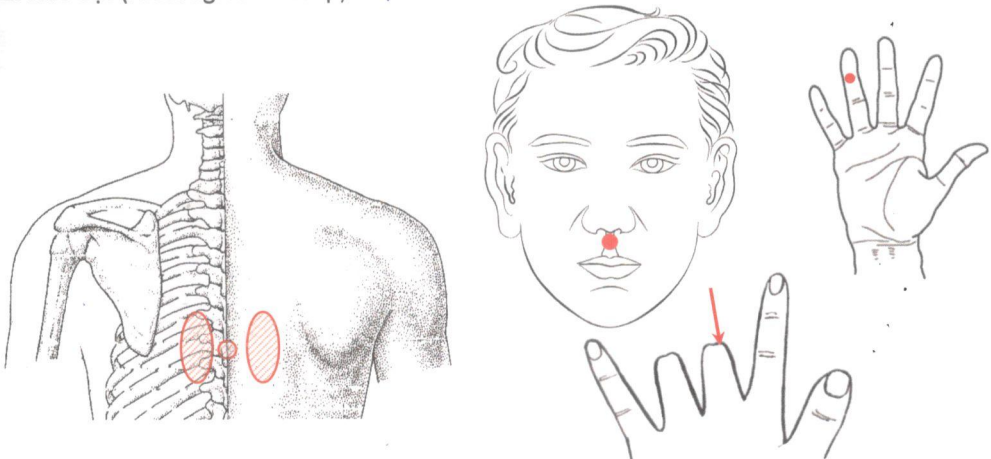


Có thể dùng cườm tay hay ống giác hơi chà dọc Cột Sống và hai bên Cột Sống từ Cổ đến Xương Cùg

11. Cảm Nặng, Sốt (Fever)

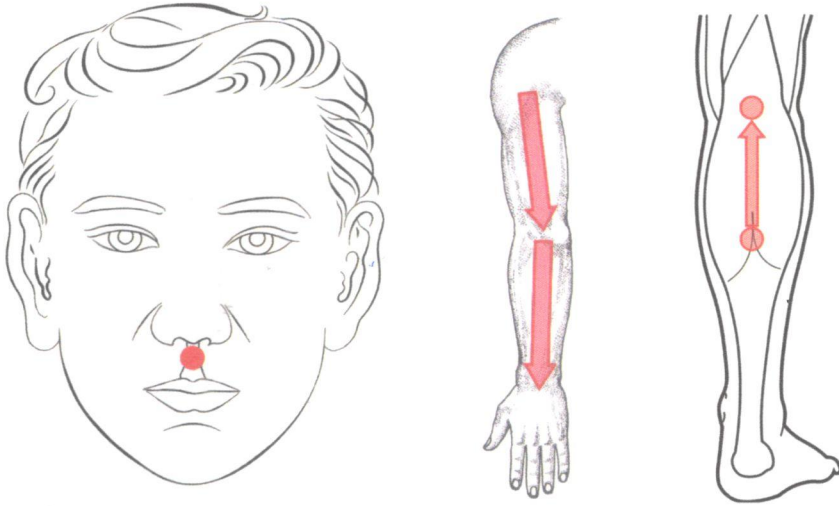


12. Nấc Cụt (Hiccough or Hiccup)



- ❖ Nếu bệnh nhân quá mệt hơ cứu thêm từ Khí Hải lên Trung Quản, Đản Trung
- ❖ Hơ cứu mặt dưới hai ngón tay và chân Cái

13. Vọp Bẻ (Cramps)

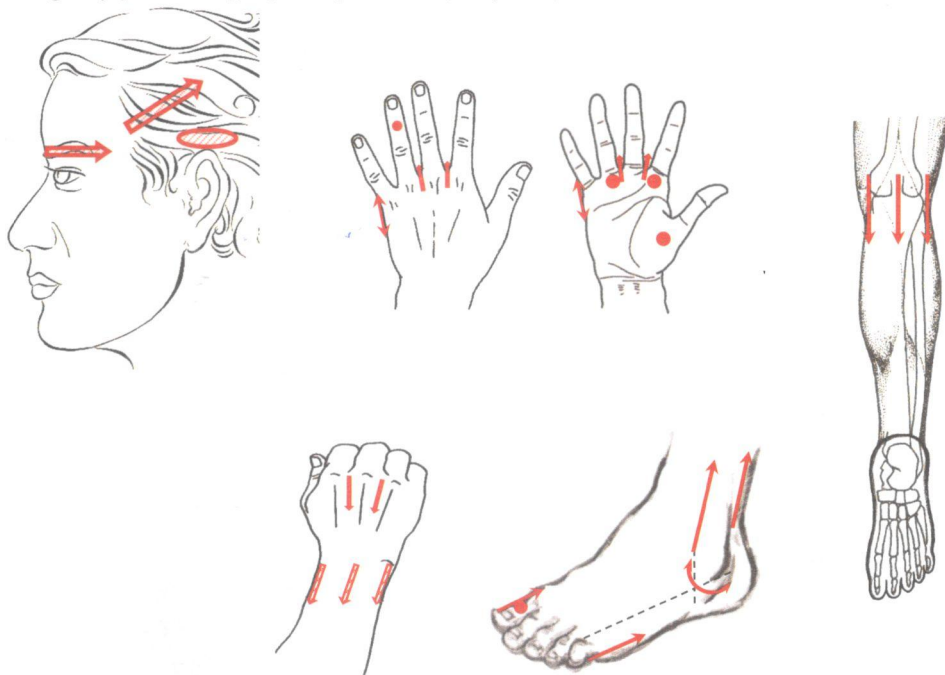


- ❖ Dùng chân và tay đối xứng (trong tư thế đưa lên cao) để vuốt
- ❖ Nếu bị cả hai chân thì dùng cả hai tay

Sinh-Huyệt Ứng Khí Huyết Thông

C. CÁC BỆNH CƠ VÀ KHỚP

1. Cứng Gáy (Stiff Neck), Vẹo Cổ (Torticollis/Wryneck)

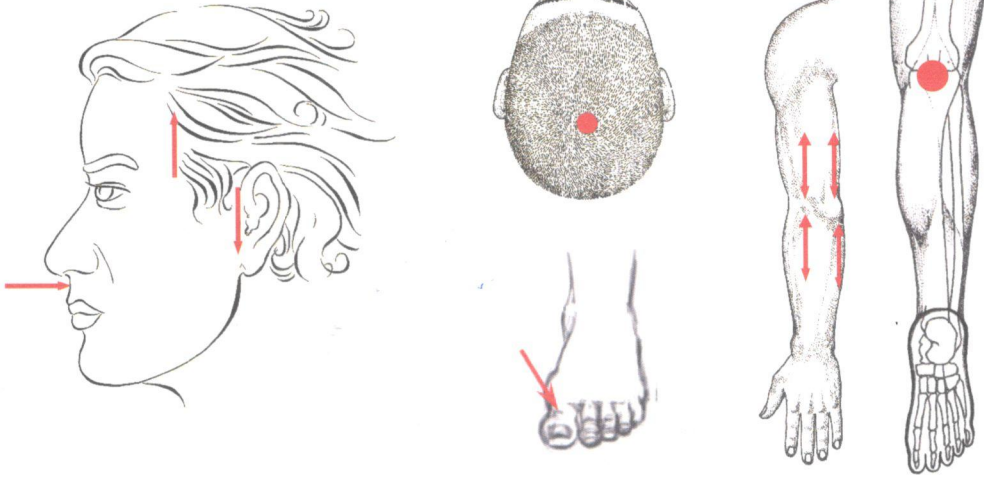


2. Cụp Lưng (Lumbago)

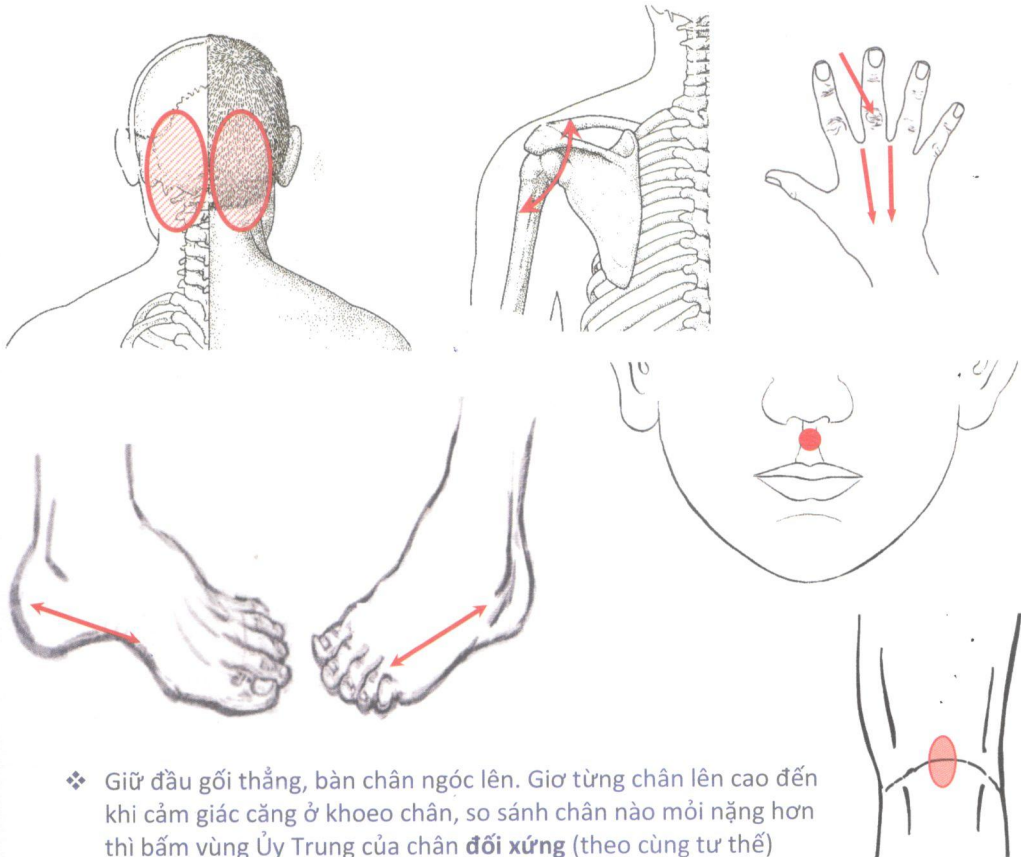


❖ Nếu cần nhứ hay hơ cứu sóng bàn tay theo ranh giới giữa hai làn da Sáng Tối

3. Đau Lưng (Back Pain)

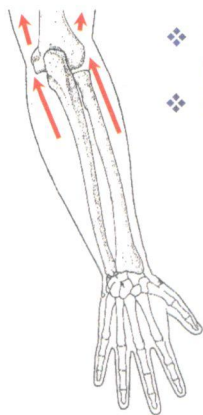


4. Thần Kinh Tọa (Sciatica)

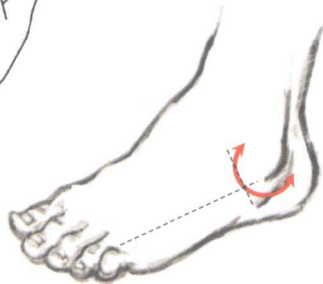
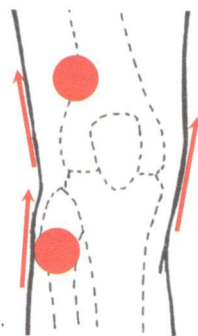
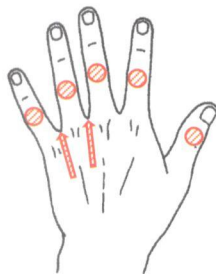


- ❖ Giữ đầu gối thẳng, bàn chân ngóc lên. Giơ từng chân lên cao đến khi cảm giác căng ở khoeo chân, so sánh chân nào mỏi nặng hơn thì bấm vùng Ủy Trung của chân **đối xứng** (theo cùng tư thế)

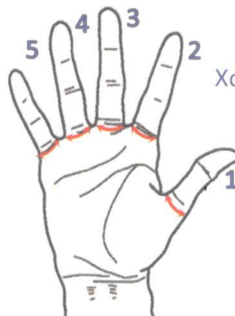
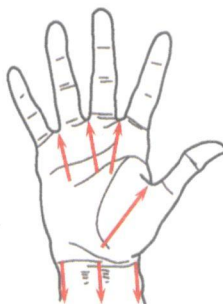
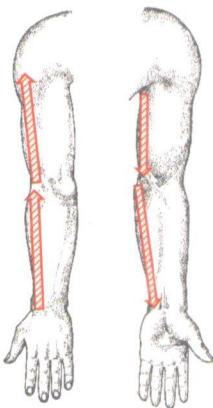
5. Đau Cùi Chỏ (Tennis elbow)



- ❖ Tác động vào vùng Khúc Trì ở cẳng tay trước, khi thấy ngón tay giữa bật lên là đúng.
- ❖ Sau đó tác động bên đối xứng.

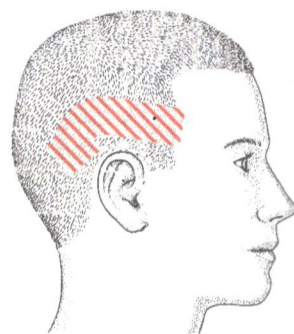
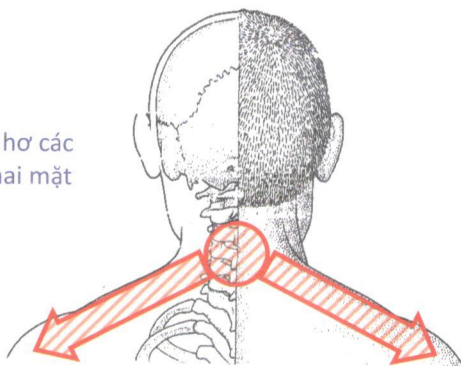


6. Tê Cánh Tay, Tê Ngón Tay (Raynaud's or Numbness in arms/fingers)

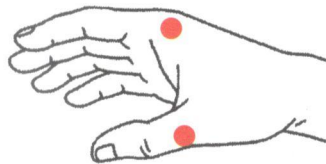
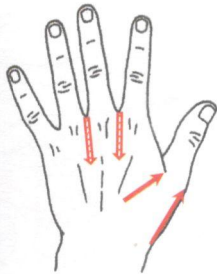
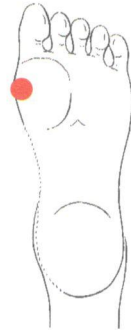
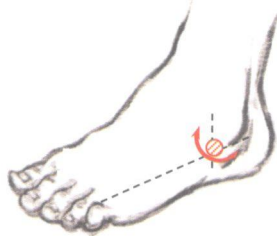
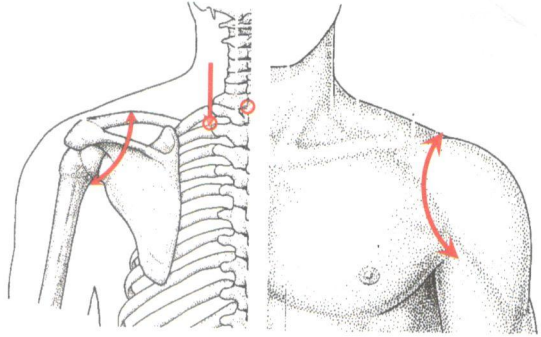
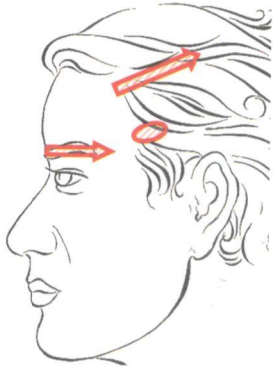


Xoa theo thứ tự
4, 1, 3, 2, 5

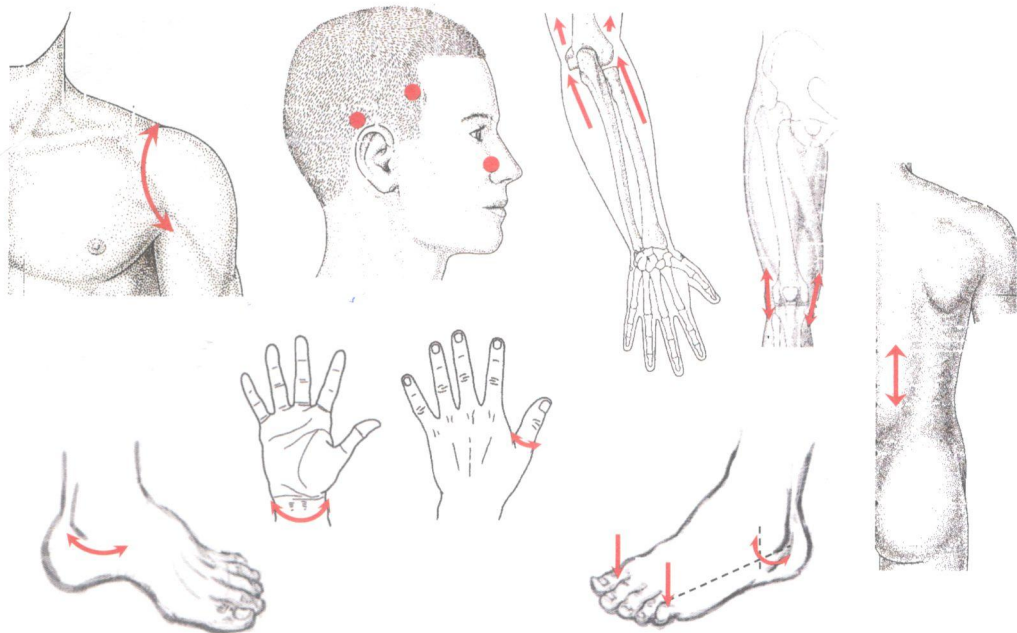
- ❖ Trường hợp nặng, hơ các kẽ tay và chân cả hai mặt sắp ngửa



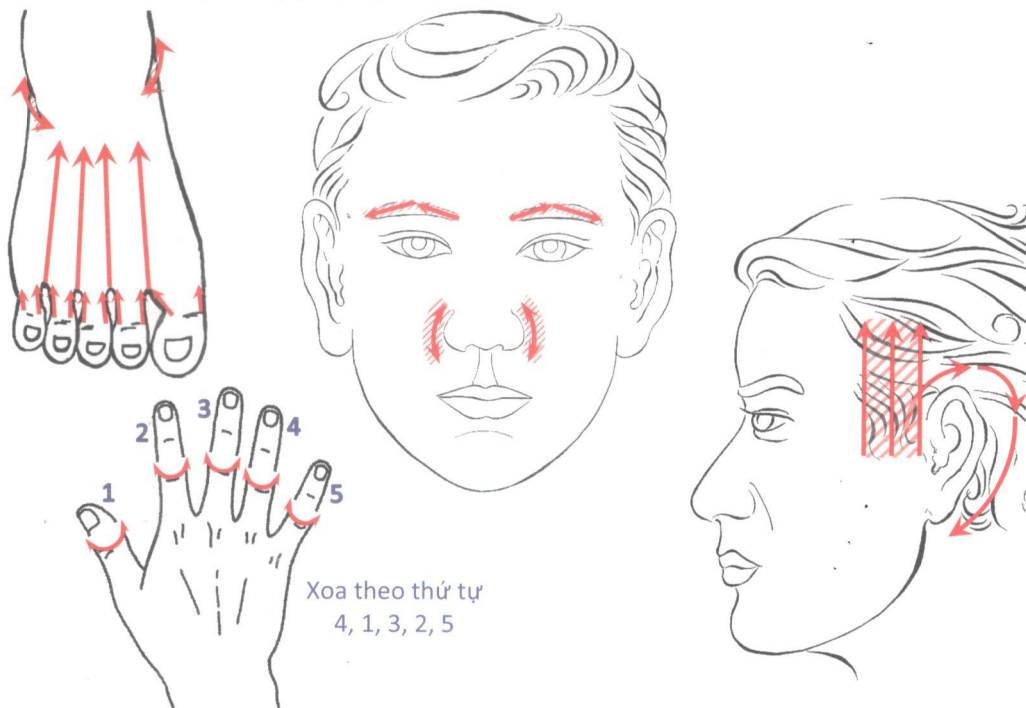
7. Kẹt/Đau Khớp Vai (Shoulder arthralgia)



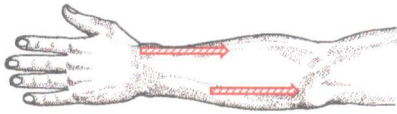
8. Viêm Bao Gân Cổ Tay (Carpal tunnel syndrome)



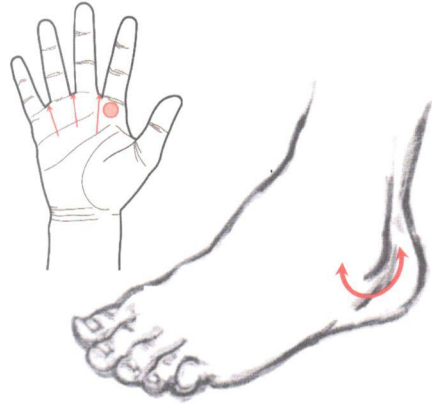
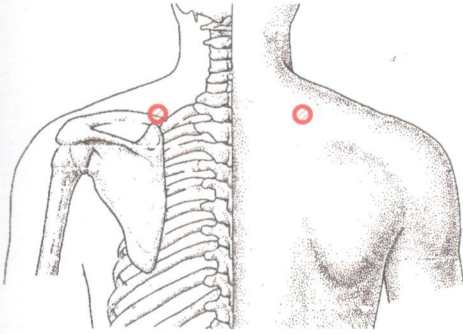
9. Đau Các Khớp Ngón Tay (Finger joint pain)



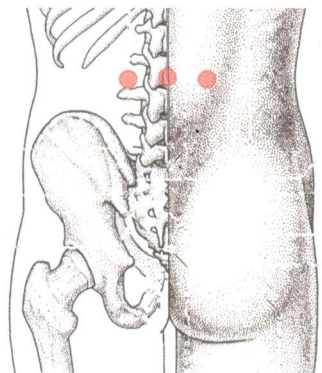
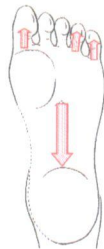
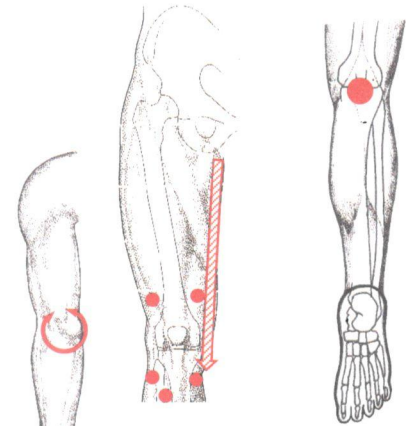
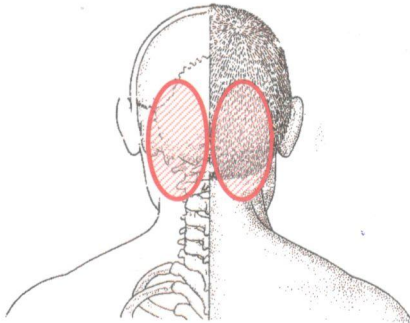
10. Ngón Tay Cò Súng (Trigger Finger)



Tìm điểm đau ở ngón tay bị bệnh. Điểm đau thường xuất hiện ở gò Mộc Tinh. Tác động Sinh-Huyết bên bàn tay đối xứng



11. Viêm Khớp Gối (Knee Arthritis)



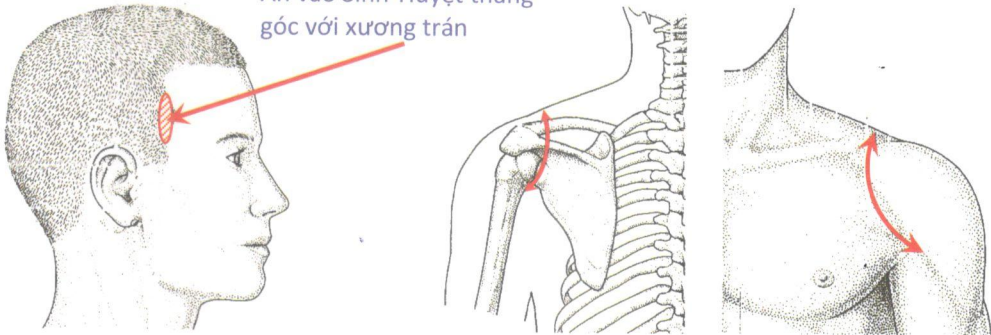
12. Gối Không Khép Được (Jumper's Knee or Patellar Tendonitis)

- ❖ Giữ đầu gối thẳng, bàn chân góc lên. Giơ từng chân lên cao đến khi cảm giác căng ở khoeo chân, so sánh chân nào mỏi nặng hơn thì bấm Ủy Trung của chân đối xứng (theo cùng tư thế)

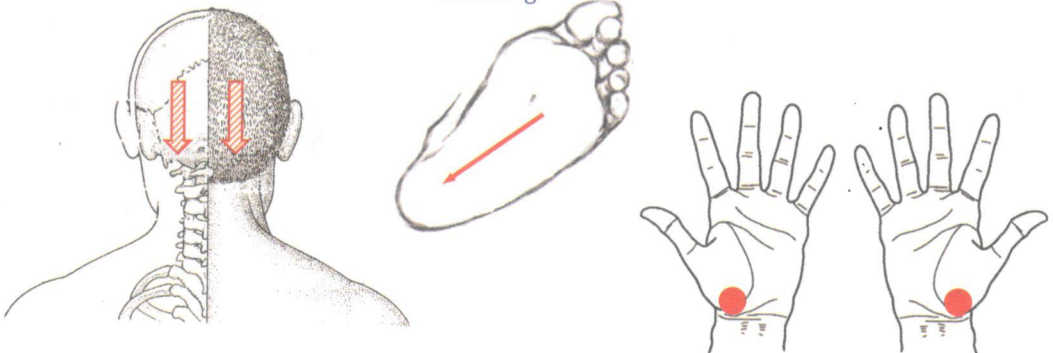


13. Thốn Gót, Thốn Bàn Chân (Heels/Soles Pain)

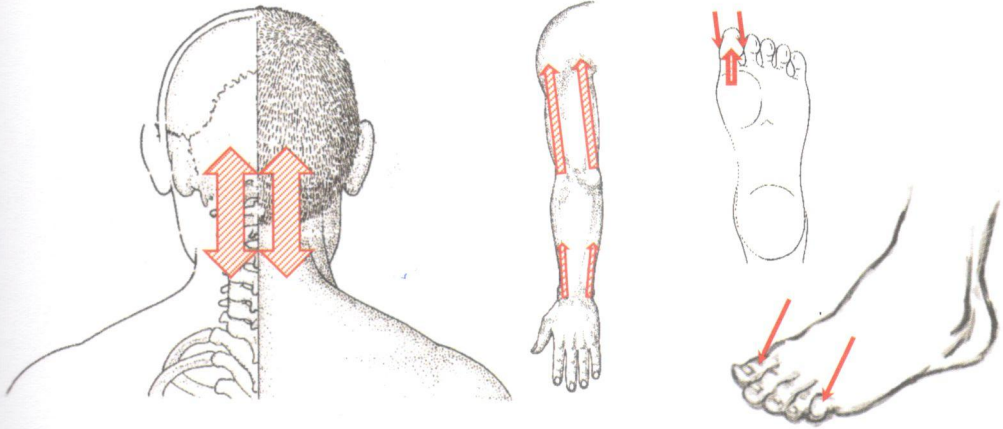
Hướng tác động:
Ấn vào Sinh-Huyết thẳng
góc với xương trán



Đối xứng

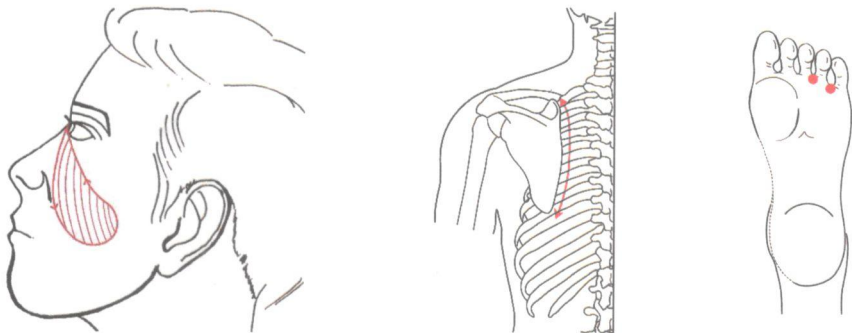
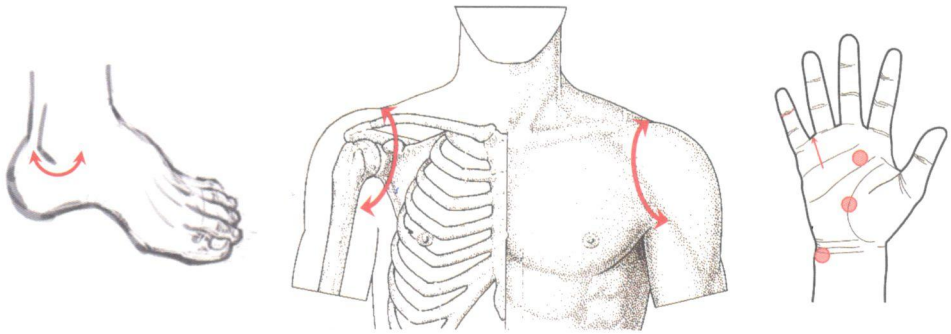


14. Lật Cổ Chân (Twisted Ankle)

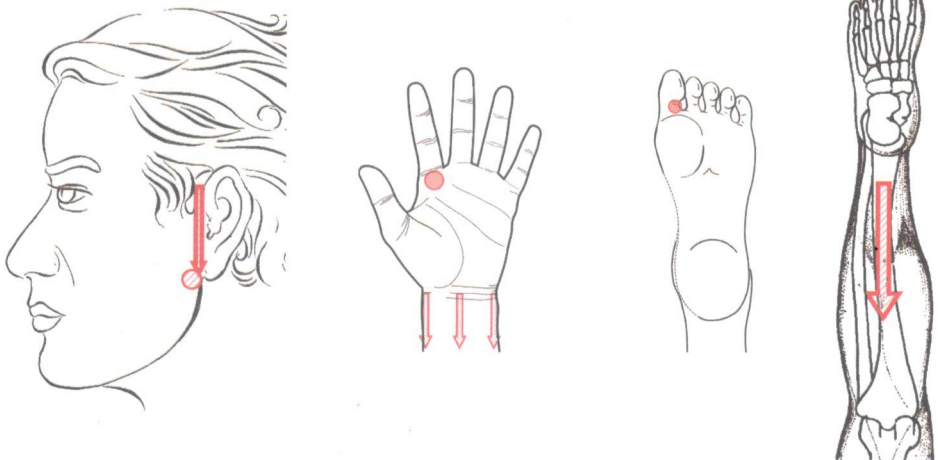


D. CÁC BỆNH LIÊN QUAN HỒ HẤP VÀ TUẦN HOÀN

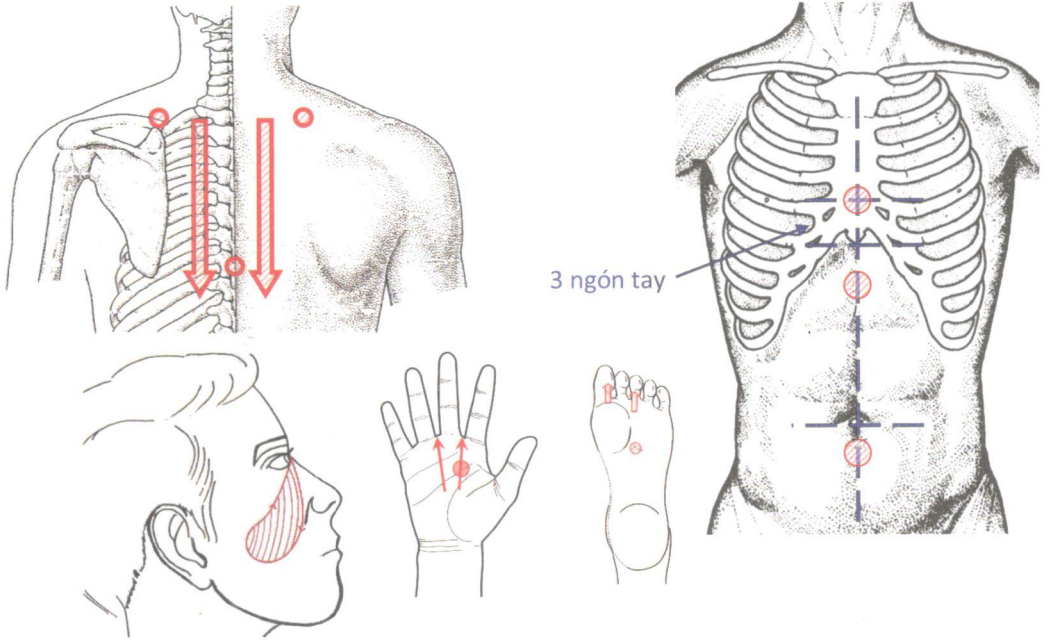
1. Tim Đập Nhanh (Throbbing)



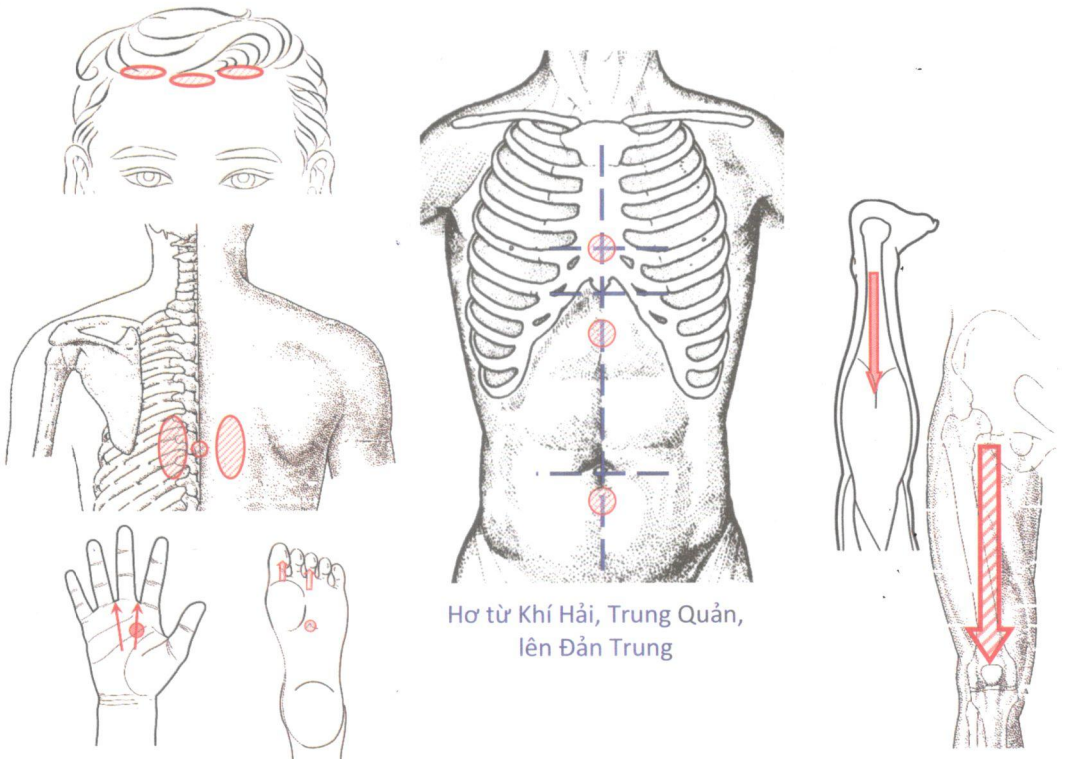
2. Ho (Common Cough)



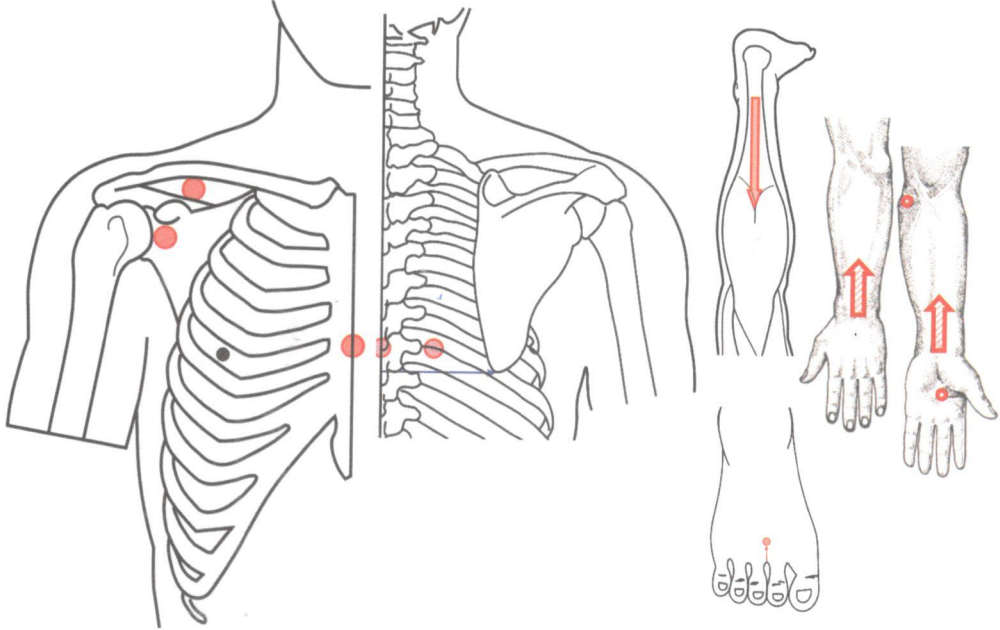
3. Suyễn (Asthma)



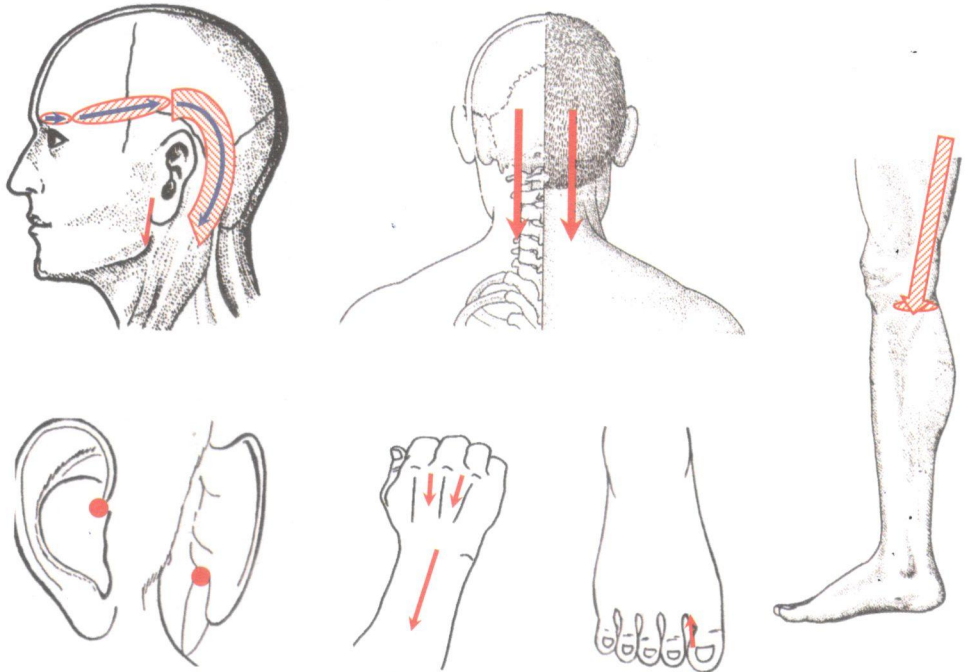
4. Ngủ Bỏ Thở (Sleep Apnea)



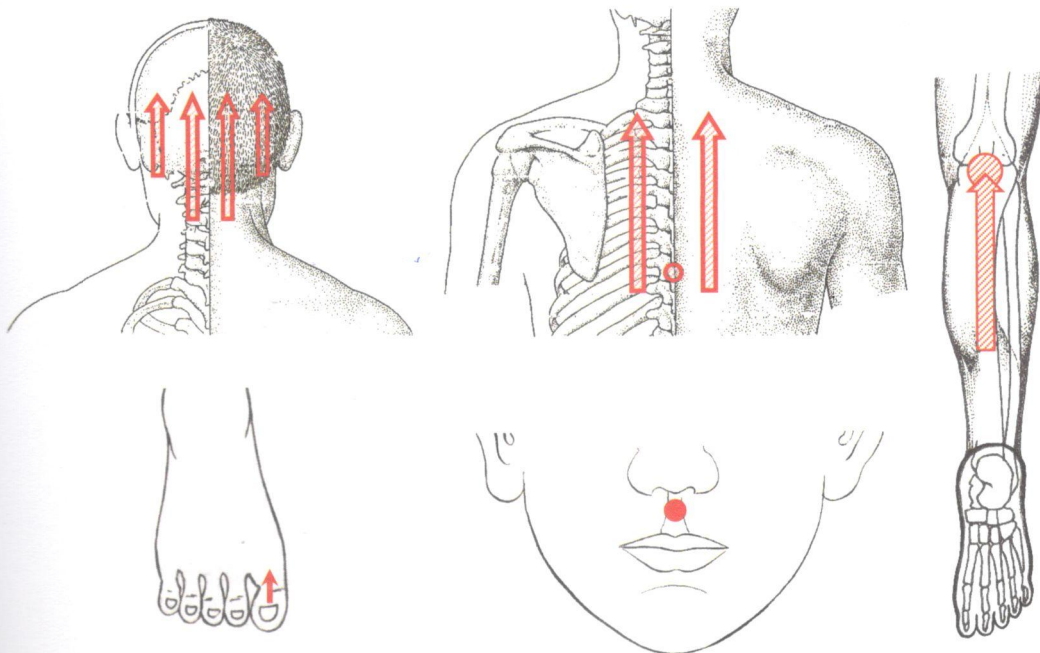
5. Tức Nặng Ngực (Chest pain)



6. Huyết Áp Cao (High Blood Pressure)



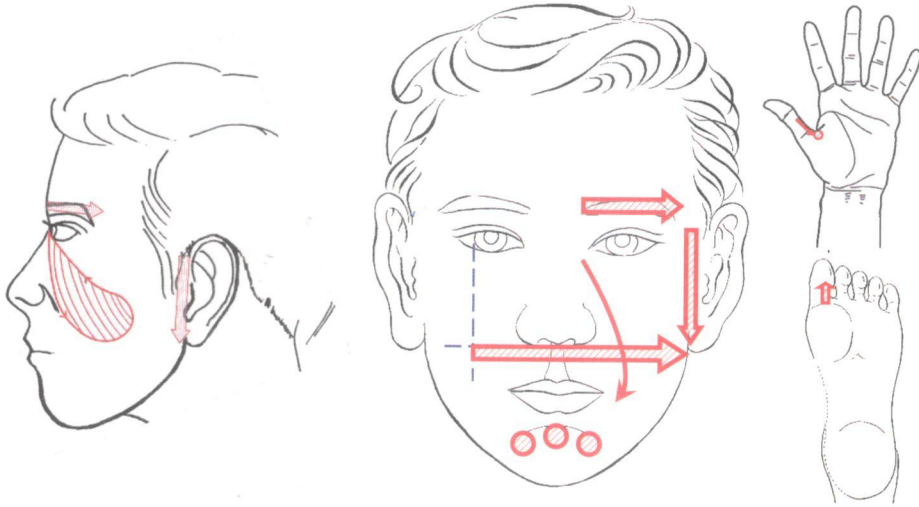
7. Huyết Áp Thấp (Low Blood Pressure)



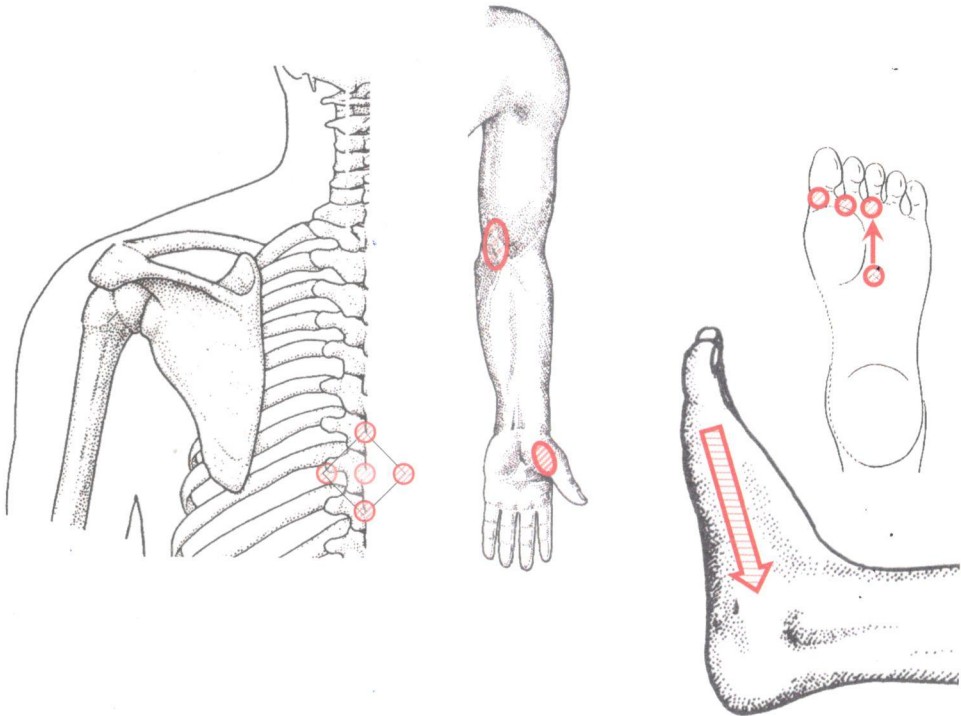
Bệnh nhân bị mất ngủ trầm trọng thường gây ra chứng Huyết Áp thấp. Do vậy chỉ cần giải quyết chứng mất ngủ chứng huyết áp thấp sẽ tự ổn định.

E. CÁC BỆNH TIÊU HÓA

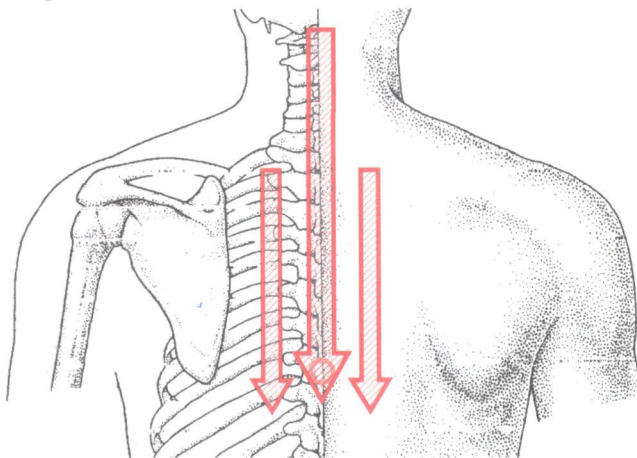
1. Lưỡi Mất Vị Giác (Hemiageusia)



2. Ăn Không Tiêu, Đầy Bụng, Sinh Bụng,Ợ Hơi (Indigestion)

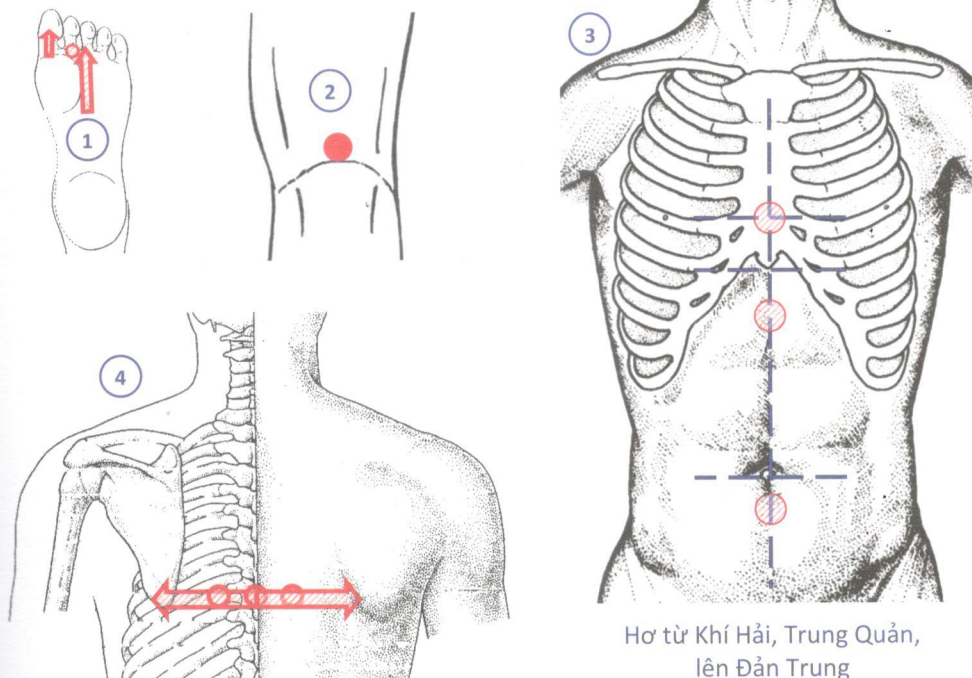


3. Thương Thực, Trúng thực (Food poisoning)

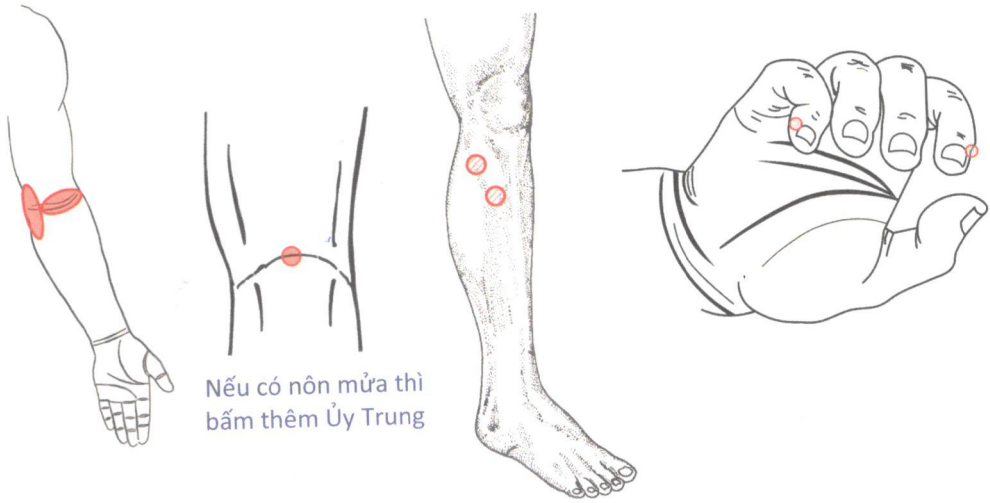


Ghi Chú: Có thể dùng ống giác hơi kéo dọc theo cột sống và hai bên cột sống; lễ những điểm xanh xuất hiện bất thường sẽ có tác dụng nhanh hơn. Có thể dùng máy sấy (hay Ngải Cứu) hơi cứu vào những vùng trên. Trường hợp không có phương tiện chúng ta có thể dùng ngón tay Trỏ và Cái nhứu da vào các vùng chỉ định.

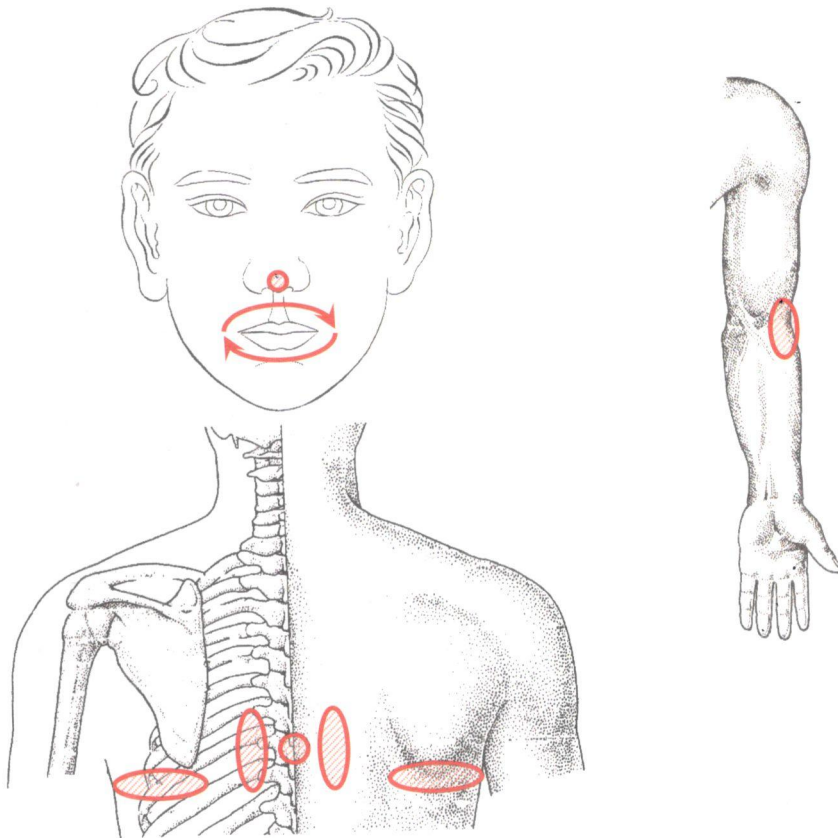
4. Trào Ngược (Acid reflux)



5. Tiêu chảy (Diarrhea) / Dịch Tả, Thở Tả (Cholera)

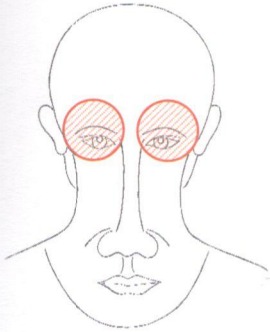


6. Táo Bón (Constipation)

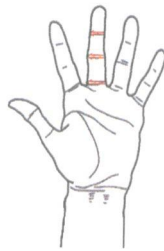
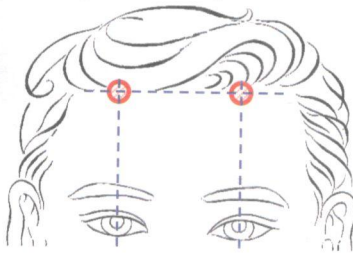


F. CÁC BỆNH THÔNG THƯỜNG VỀ MẮT

1. Nhức Hốc Mắt (Orbital pain)

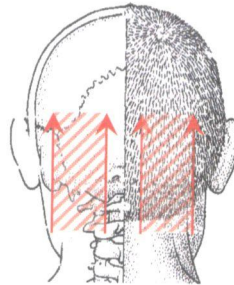
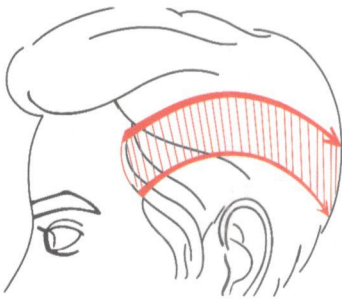


2. Mắt Không Đảo Nhãn (Oculomotor Paralysis)

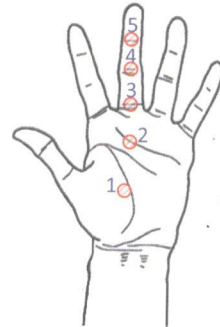
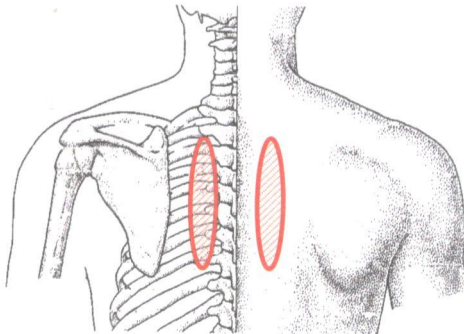


Sấy chiều Ngang nếu không đưa Qua Lại được.

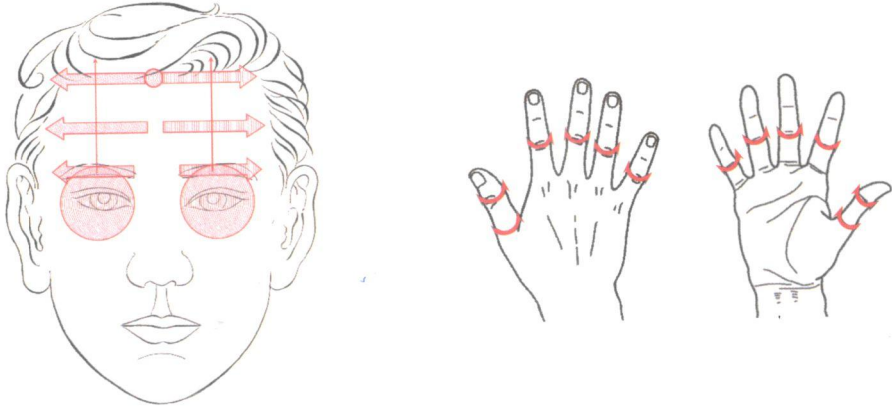
3. Mắt Quáng Gà (Hemeralopia)



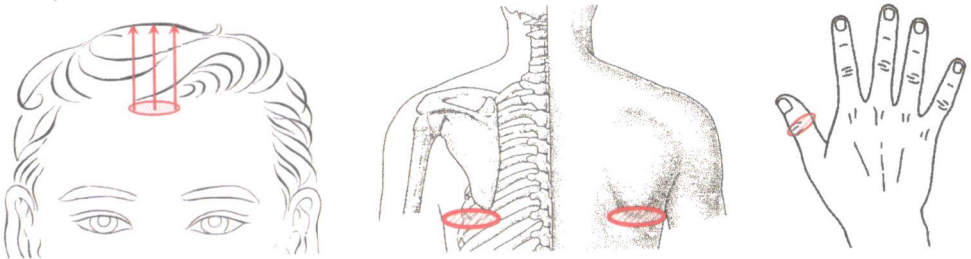
Hơ cứu từ 1 đến 5



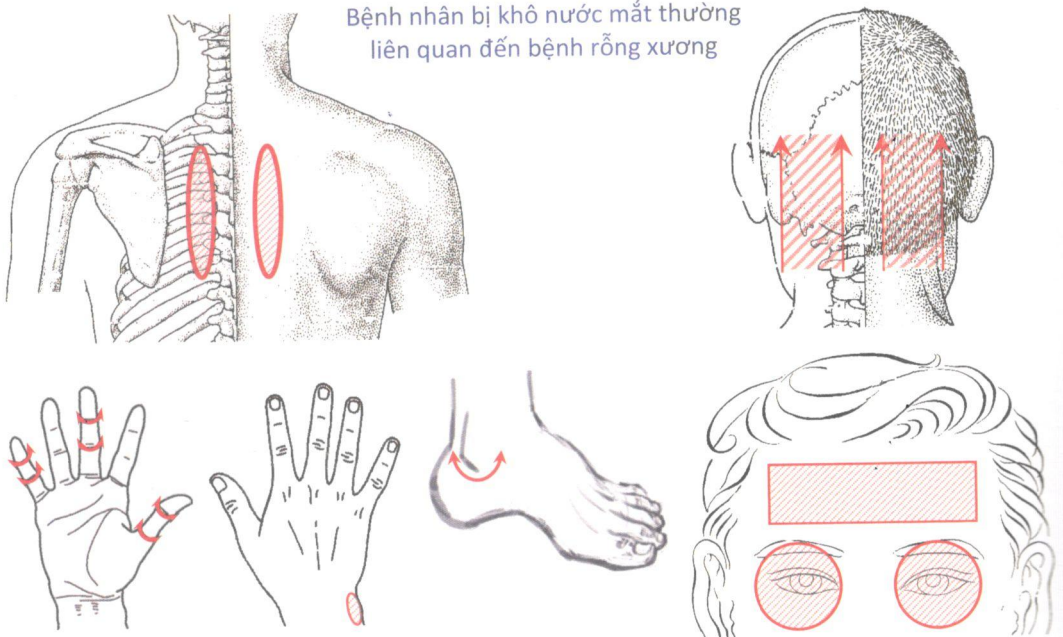
4. Cận Thị (Near sighted)



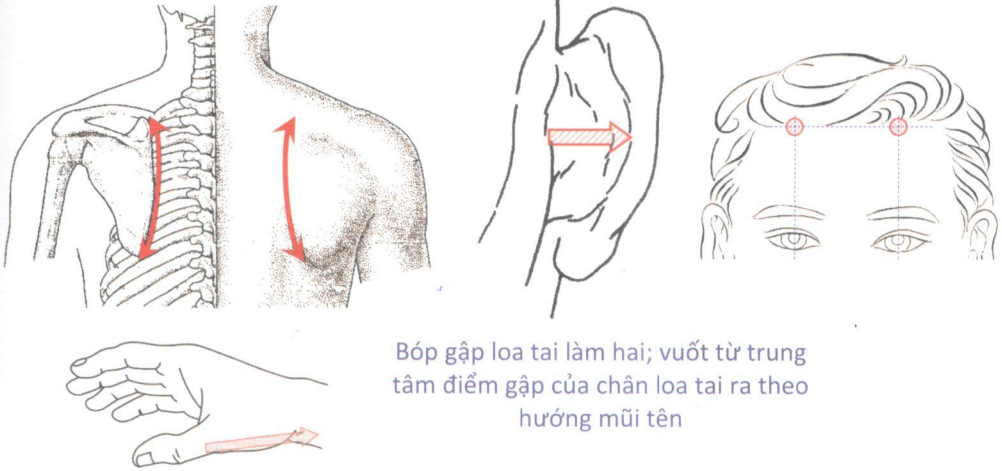
5. Chảy Nước Mắt Sống (Watery eyes)



6. Khô Nước Mắt (Dry eyes)

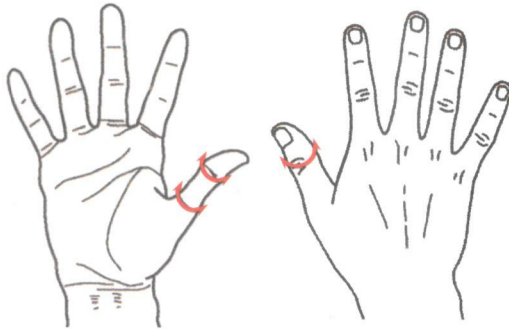


7. Mắt Thấy Ruồi Bay (Floaters)



Bóp gập loa tai làm hai; vuốt từ trung tâm điểm gập của chân loa tai ra theo hướng mũi tên

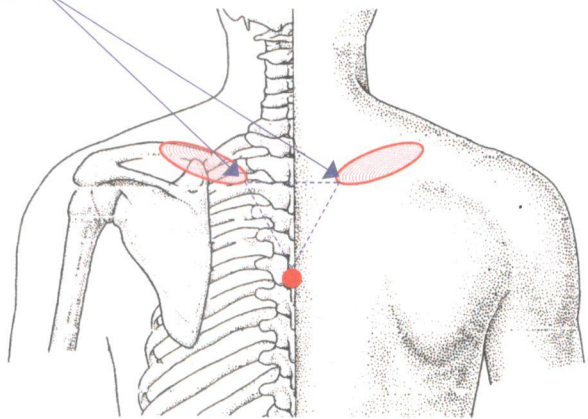
8. Đỏ Mắt (Pink eyes), Viêm Giác Mạc (Keratitis)



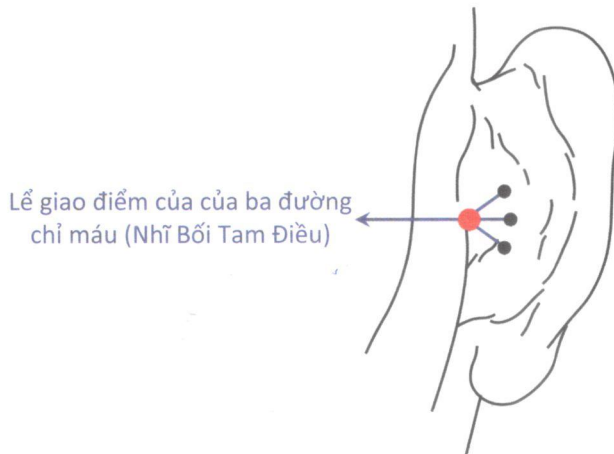
9. Lẹo Mắt (Stye)

Vùng huyết Thần Giác

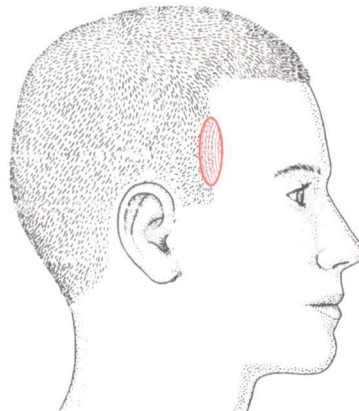
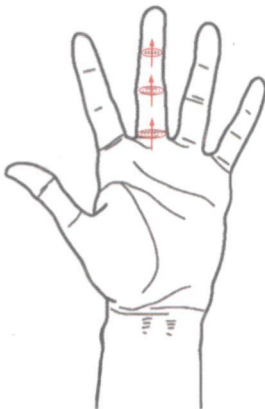
❖ Có thể áp dụng trong trường hợp Mắt bị Mộng Thịt bằng cách kết hợp thêm tác động theo các kẽ ngón tay



10. Cao Nhãn Áp (Glaucoma)



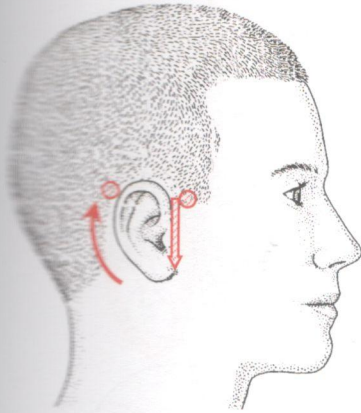
11. Mắt Bị Sụp Mí (Ptosis, Drooping eyes)



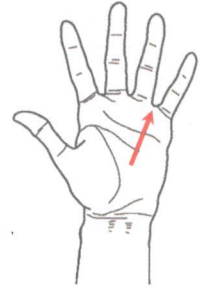
Trường hợp mắt bị liệt mắt không nhắm được, thì ta hơ cứu từ mắt
thứ nhất vào trong bàn tay

E. CÁC BỆNH TAI, MŨI, HỌNG

1. Tai ù (Tinnitus), Lãng Tai (Difficulty of hearing), Điếc Tai (Deaf)

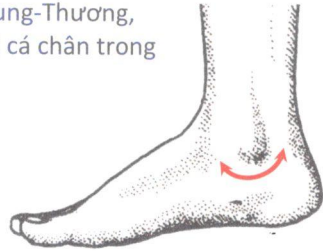
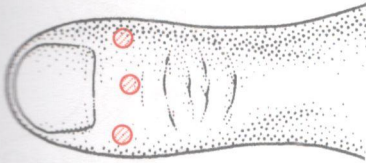


Có thể tác động thêm:
Dùng cườm bàn tay đẩy Bình Tai về phía trước đồng thời ép Loa Tai về phía sau gáy. Giữ bàn tay trong tư thế này và dùng lòng bàn tay ép lỗ tai ra vào cho đến khi người bệnh nghe thoáng

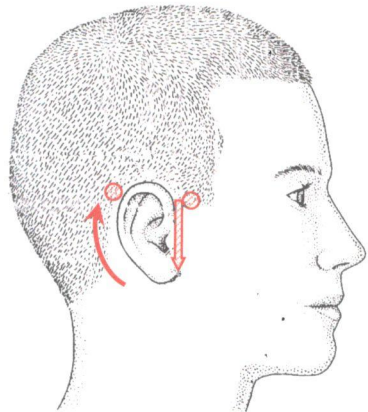


Viêm Tai giữa:

Tác động Thiếu-Thương, Trung-Thương, Lão-Thương; và hơ cứu mắt cá chân trong

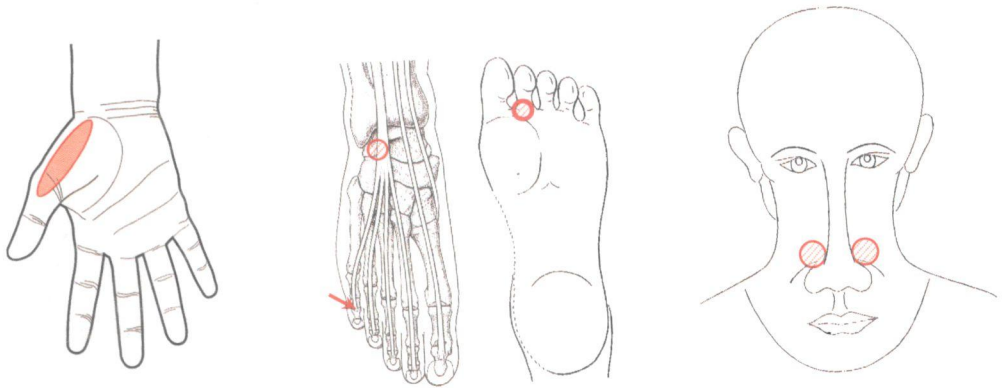
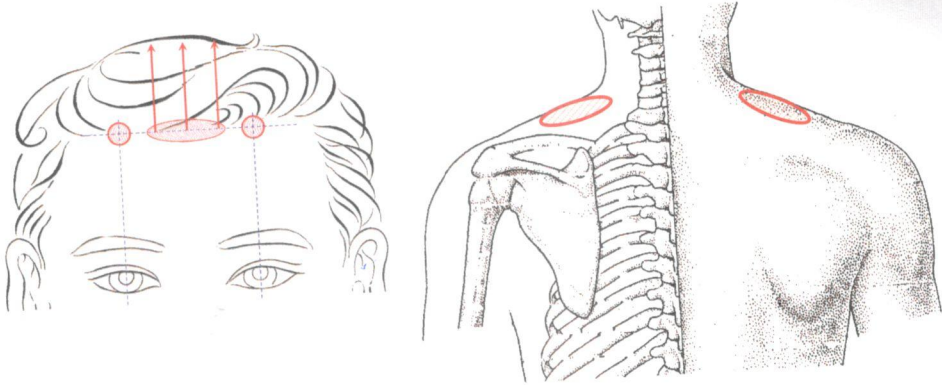


2. Tai Ngứa và có Mủ Hôi Thối (Ear infection)

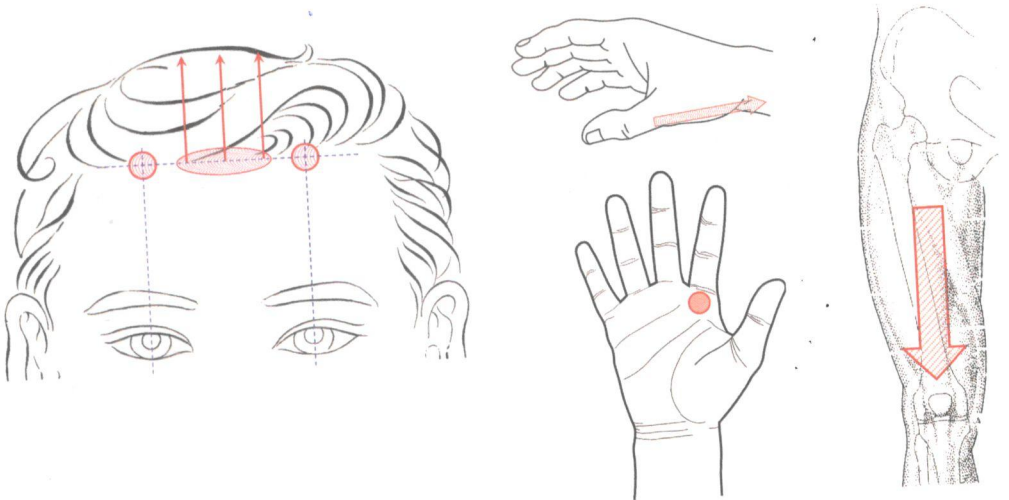


Hơ cứu xung quanh Loa Tai, gần Bình Tai và Ấc-Phong

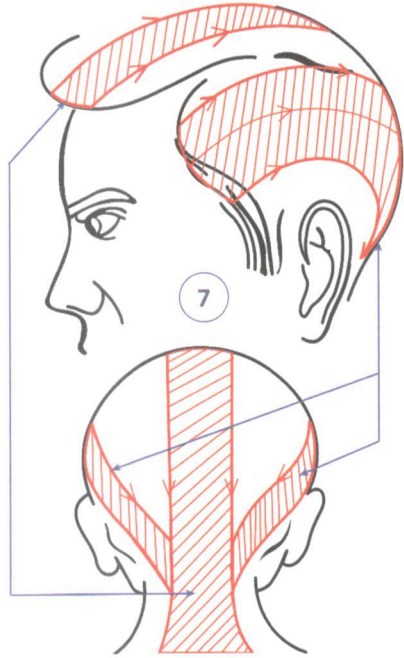
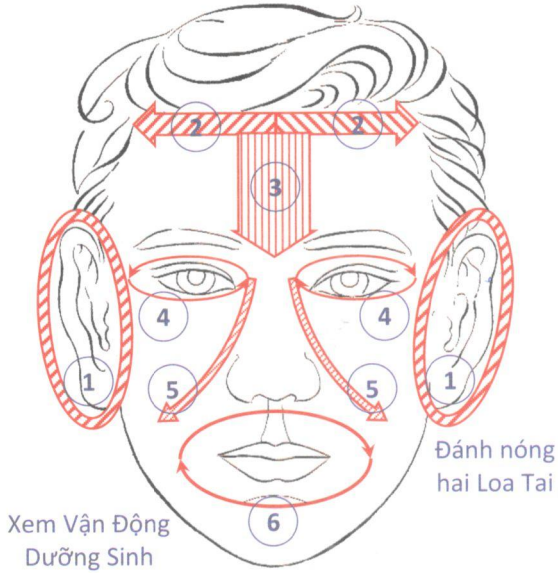
3. Nghẹt Mũi (Nasal congestion, Stuffy nose)



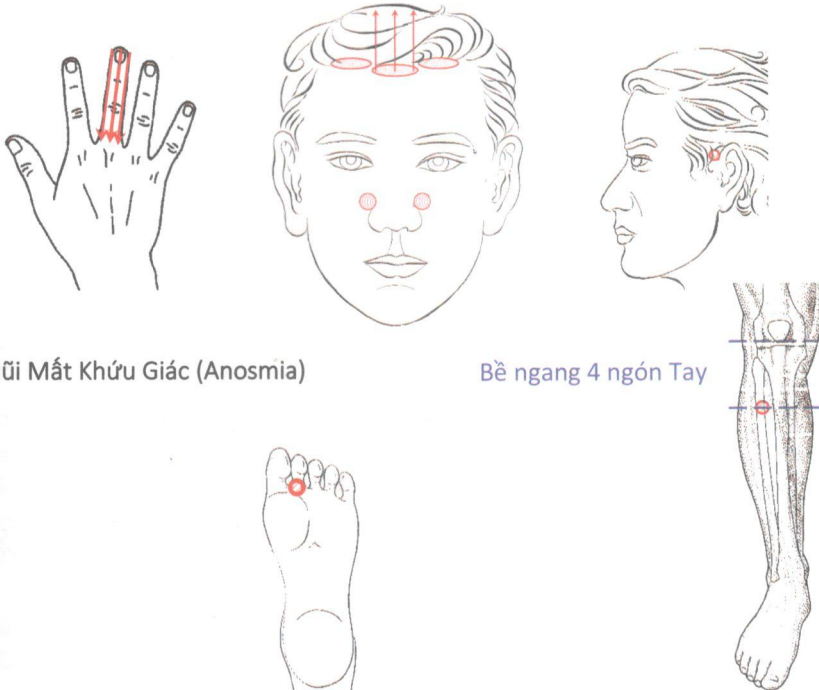
4. Sổ Mũi (Rhinorrhea, Runny nose)



5. Mũi Viêm Xoan (Rhinitis, Sinus problems)



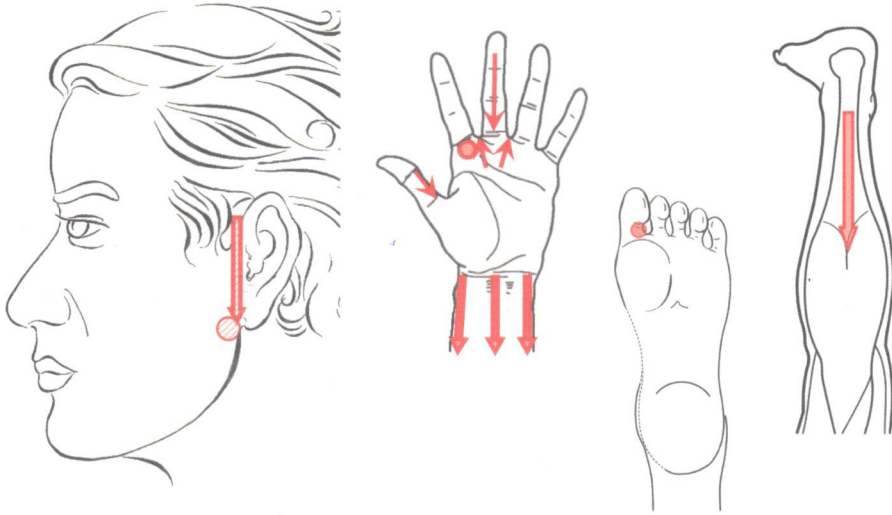
6. Chảy Máu Cam (Nosebleeds)



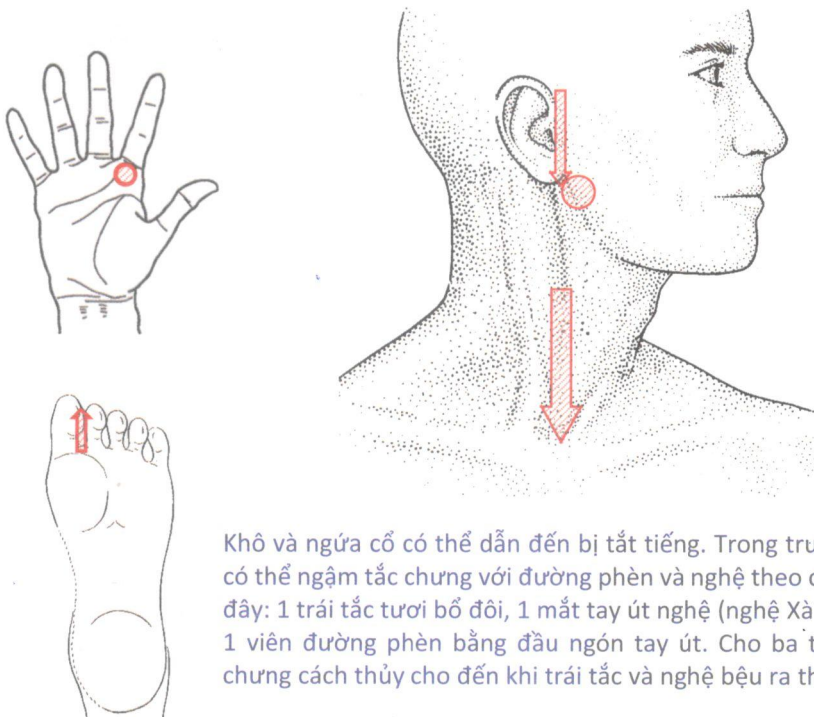
7. Mũi Mất Khứ Giác (Anosmia)

Bề ngang 4 ngón Tay

8. Viêm Họng (Sore throat, Pharyngitis)



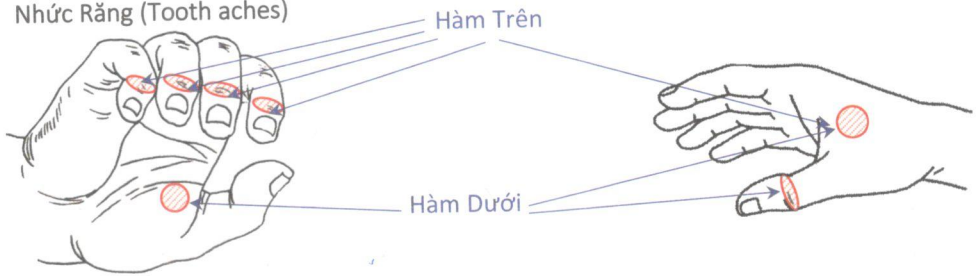
9. Khô Cổ (Dry throat), Ngứa Cổ (Itchy throat)



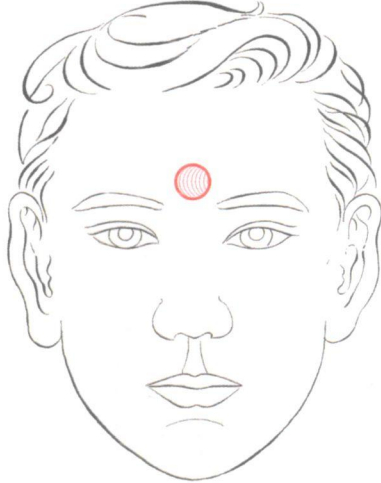
Khô và ngứa cổ có thể dẫn đến bị tắt tiếng. Trong trường hợp này có thể ngâm tắc chưng với đường phèn và nghệ theo công thức sau đây: 1 trái tắc tươi bổ đôi, 1 mắt tay út nghệ (nghệ Xà Cừ tốt nhất), 1 viên đường phèn bằng đầu ngón tay út. Cho ba thứ vào chén chưng cách thủy cho đến khi trái tắc và nghệ bệu ra thì dùng được.

H. CÁC BỆNH RĂNG MIỆNG

1. Nhức Răng (Tooth aches)

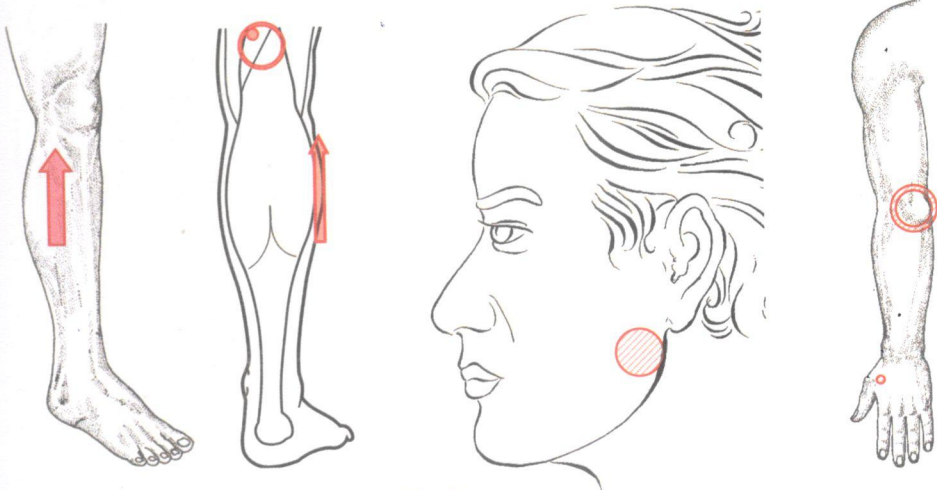


2. Viêm Nướu Răng (Gingivitis)



Bấm Sinh-Huyết ở vùng Ấn Đường
và Bộ Tiêu Viêm

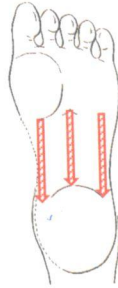
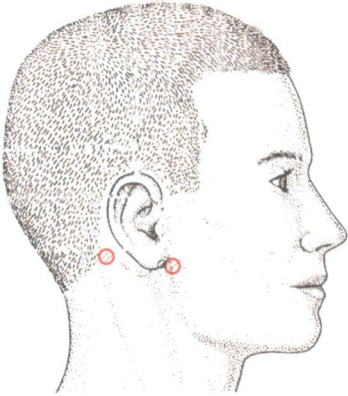
3. Cứng Hàm (TMJ, TemporoMandibular Joint)



❖ Tác động từ vùng Phong Long đến Dương
Lăng khi đang đau sẽ có tác dụng hơn

I. CÁC BỆNH DA

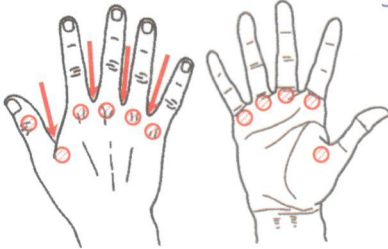
1. Vẩy Nến (Psoriasis)



Thay đổi chế độ ăn uống. Thay thế toàn bộ nước chấm bằng muối mè (Nửa muỗng cafe muối rang trộn với 7 muỗng canh mè trắng đã rang chín).

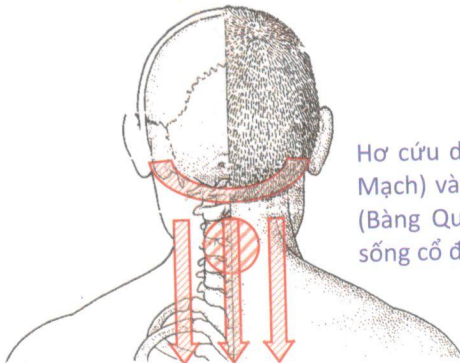
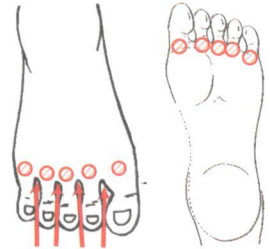
Tập Vận Động Dưỡng Sinh và ba bài Khí Công

2. Mẩn Ngứa, Chàm Lác (Eczema)

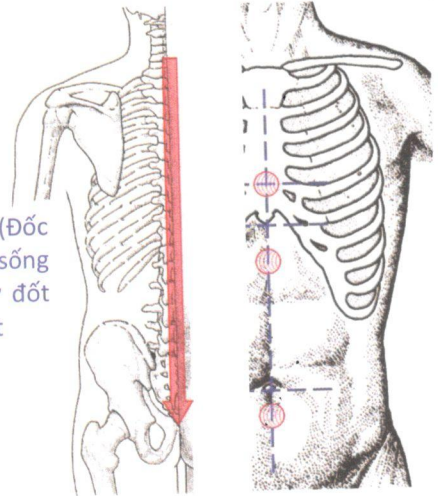


Sấy Trên, Dưới, và Giữa kẽ ngón Tay và Chân

Hơ xung quanh bàn tay và chân theo ranh giới giữa hai màu da qua các tuyến ngón út, cổ Tay (cổ Chân), và ngón cái



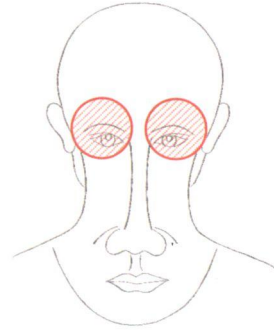
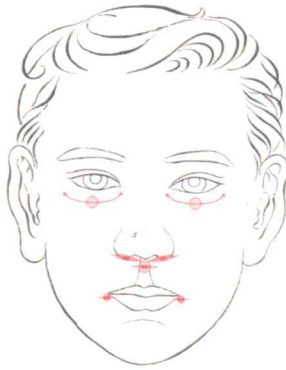
Hơ cứu dọc cột sống (Đốc Mạch) và hai bên cột sống (Bàng Quang kinh) từ đốt sống cổ đến xương cụt



Hơ Khí Hải, Trung Quản, Đản Trung

1. CÁC BỆNH TIẾT NIỆU

1. Tiểu Đường (Diabetes)



Bóp đùi từ bẹn Háng ra đến má trong đầu Gối qua Huyết Hải và Âm Lăng Tuyền (giống tập Vận Động Dương Sinh).

Bóp hai bên cánh Mũi, Nhân Trung, và hai bên mép miệng.

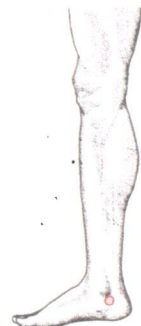
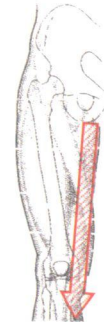
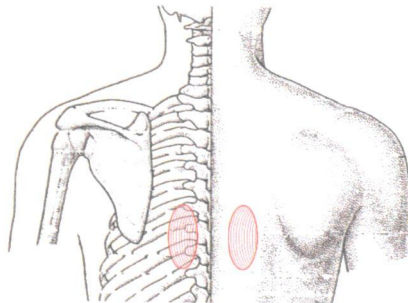
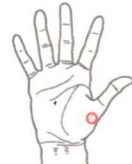
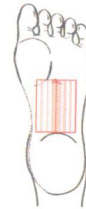
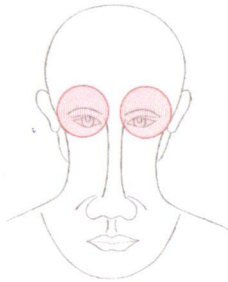
Nên ăn thêm rau cải có vị đắng như Khổ Qua, Ổi, ngũ đậu (Trắng, Đen, Đỏ, Xanh, Nành). Dùng hạt Me khô nấu chè ăn (theo dân gian). Chưng cách thủy 9 bông Ổi và 100 gram thịt nạc lưng.

Ăn trái Khóm (hay Thơm), Táo Tàu khô

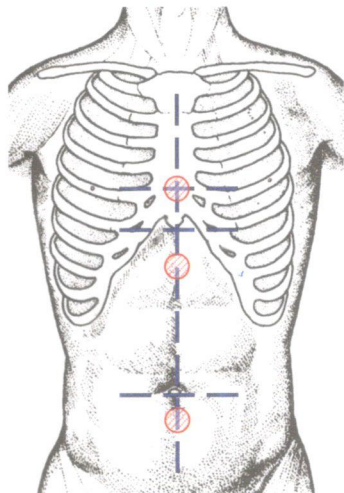
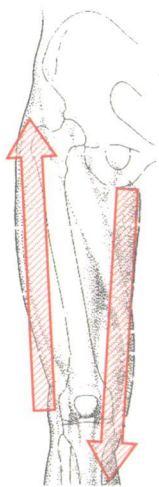
2. Tiểu Đêm (Nocturia)

Bóp hai bên mép miệng vùng #7.

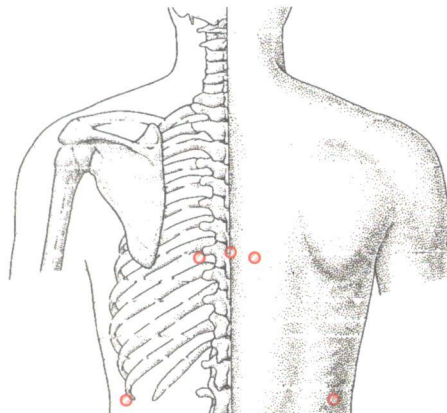
Tập thêm bài Rùa Rắn Góc Đầu



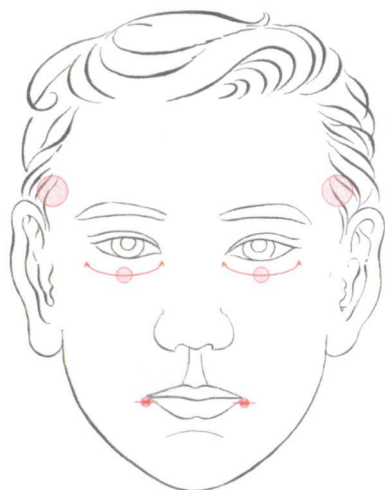
3. Tiền Liệt Tuyến (Prostate)



Hơi Khí Hải, Trung Quán,
Đản Trung



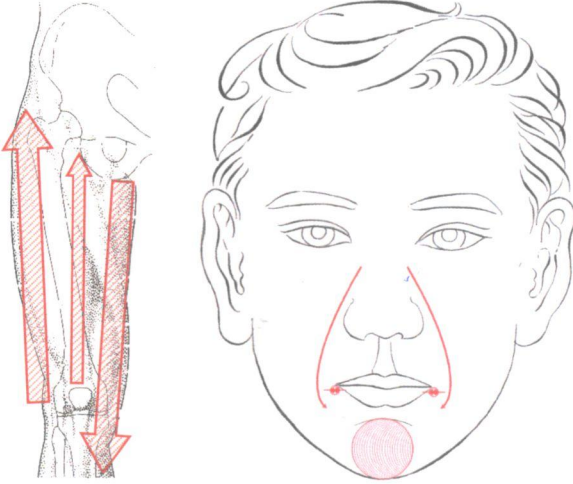
Hơi vùng Chí Dương, Cách Du,
Chương Môn



Làm bộ Tiêu Viêm

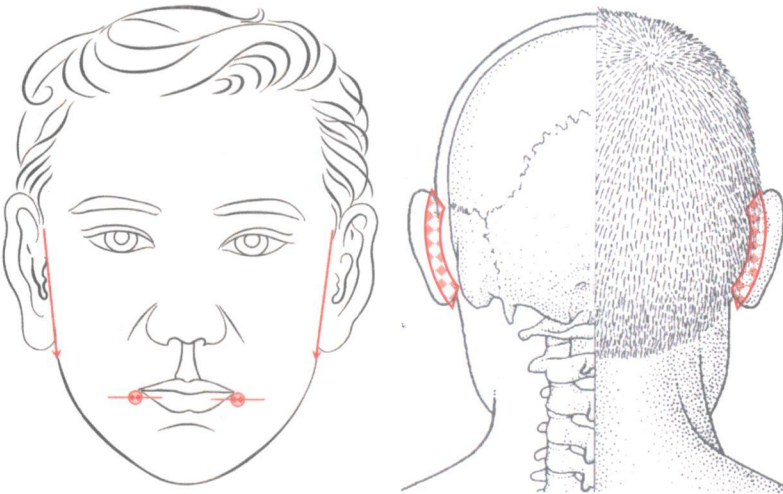
Ngồi thẳng lưng hít chậm và sâu vào bụng dưới
xuống Khí Hải (phình bụng), sau đó hóp bụng
dẫn khí qua rốn lên ngực và thở ra ở mũi.

4. Bí Tiểu do Sạn Thận (Urinary retention), Tiểu Vất (Difficulty Urinating)



Tập Phát Thủ và Rùa Rắn Ngóc Đầu

5. Tiểu Không Tự Chủ, Tiểu Láu, Tiểu Són (Urinary incontinence)



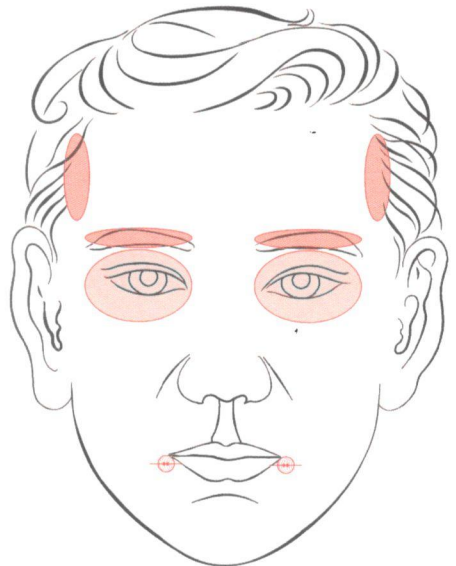
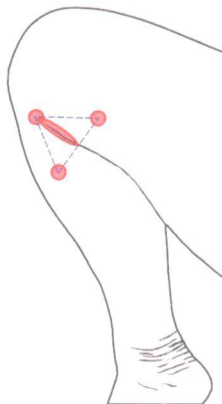
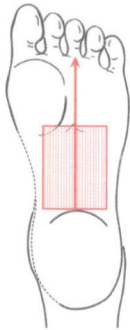
Đánh nóng hai bên
Loa Tai

K. CÁC BỆNH PHỤ KHOA

1. Đau Bụng Kinh (Menstrual Pain)

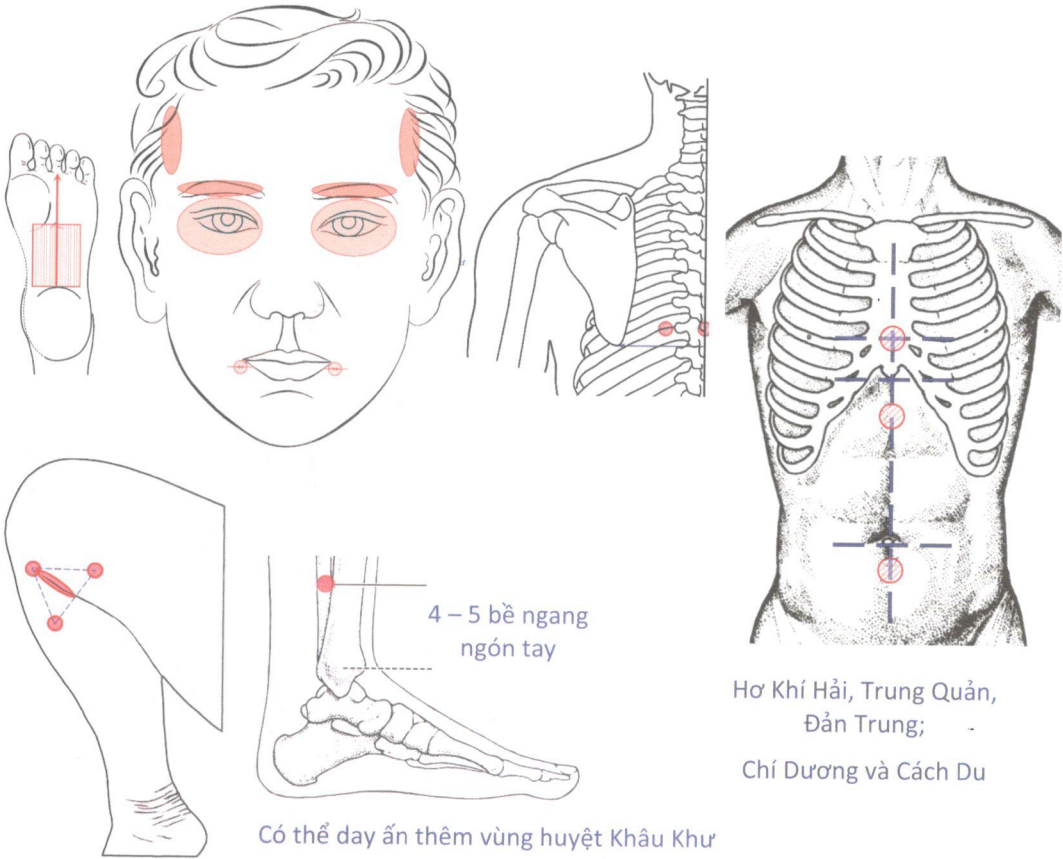


2. Rối Loạn Thời Kỳ Tiền Mãn Kinh (Menopause)



Trường hợp bệnh nhận quá yếu hơ
Khí Hải, Trung Quản, Đản Trung, Chí
Dương, Cách Du

3. Kinh Nguyệt Không Điều (Irregular menstruation)



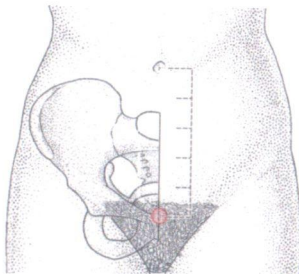
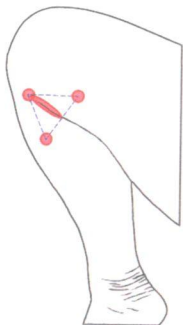
4. Rong Kinh (Menorrhagia)

Giống Tiền Mãn Kinh nhưng vượt hai bên mép miệng ở vùng số 7 trước

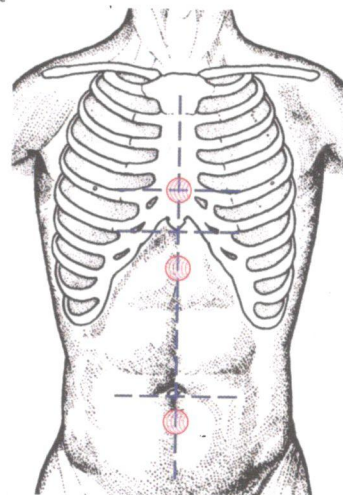
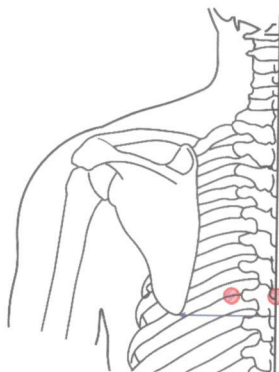


Hơ cứu thêm huyết Âm Dương

5. Nhiễm Trùng Âm Đạo (Vaginal infections)

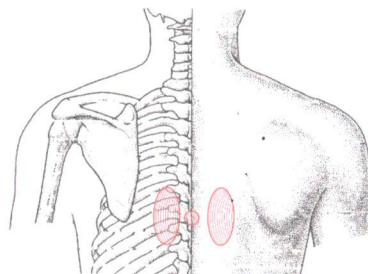
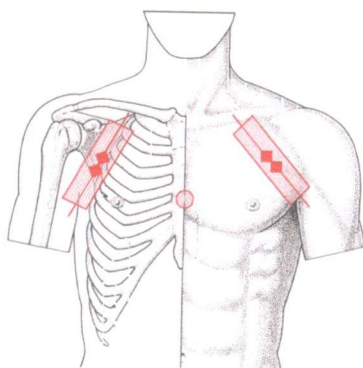


Hơ cứu hai bên má trong Đầu Gối và Khúc Cốt Sinh-Huyệt ở một trong hai bên Thái Dương Bấm Bộ Tiêu Viêm.



Nếu suy nhược hơ cứu thêm từ Khí Hải, Trung Quán, lên Đản Trung. Chí Dương và Cách Du

6. Tắc Tia Sữa (Clogged milk duct, Mammary duct ectasia)

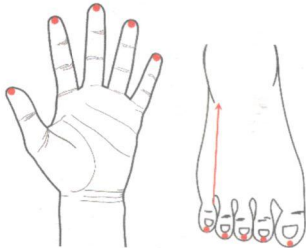


L. CÁC BỆNH ĐẶC BIỆT

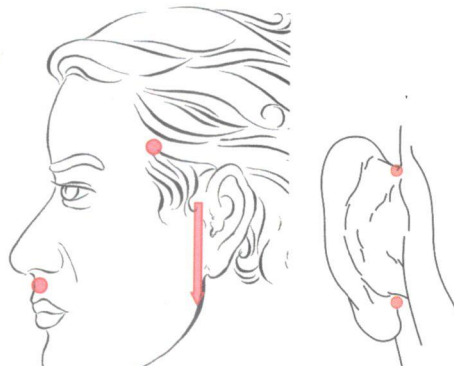
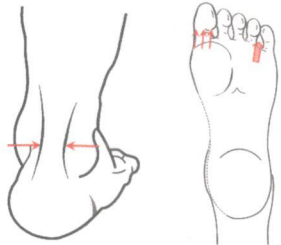
1. Tai Biến Mạch Máu Não / Đột Quy (Stroke)

Hầu hết các trường hợp xảy ra thường ở người bị cao huyết áp. Một số ít trường hợp xảy ra với người có huyết áp thấp. Có thể nói huyết áp là nguyên nhân, nhưng thủ phạm chính là sự Xơ Cứng Động Mạch.

❖ Ngay lúc cứu cấp có thể dùng các cách sau đây



Chích lễ 10 đầu ngón tay và chân

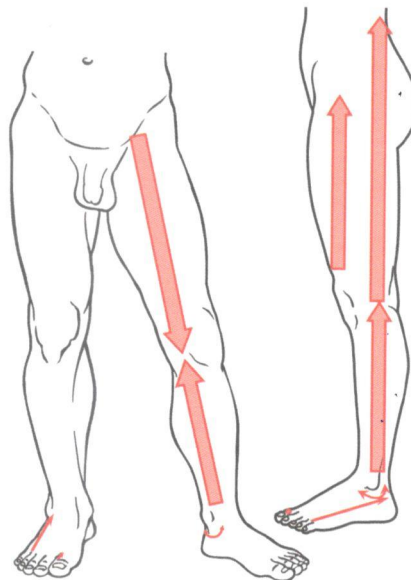


Vuốt đồng lúc dọc trước Bình Tai và sau Dái Tai xuống đến Cạnh Cằm (đặc biệt bên **TRÁI**)

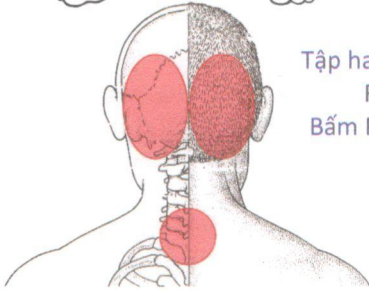
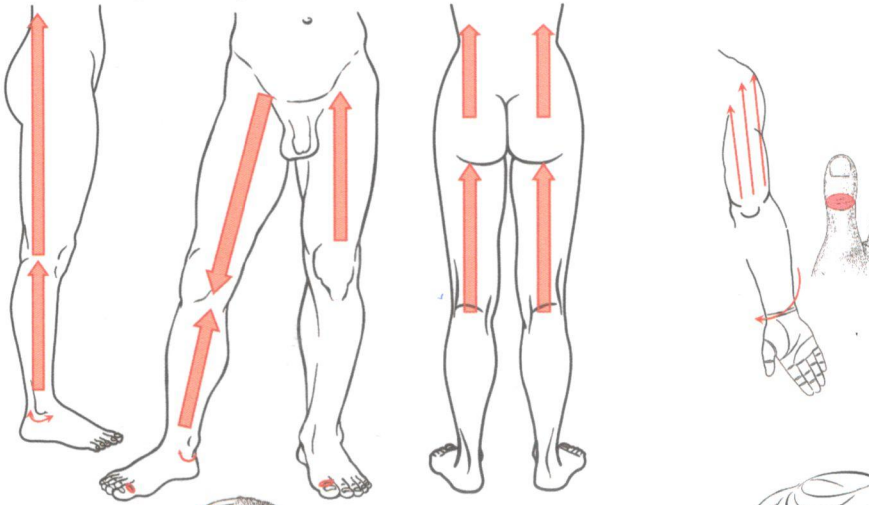
❖ Sau khi bị tai biến, trong phạm vi bấm huyết theo VN ĐƯLP chỉ có thể điều trị sau khi bệnh nhân được xuất viện



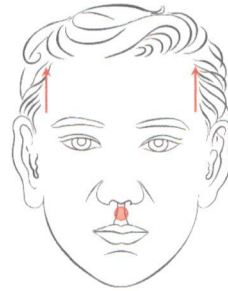
Chích lễ 10 đầu ngón tay và chân



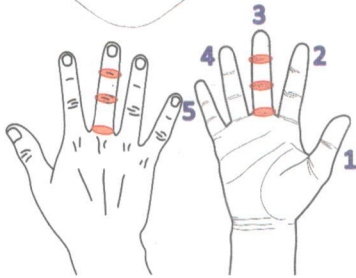
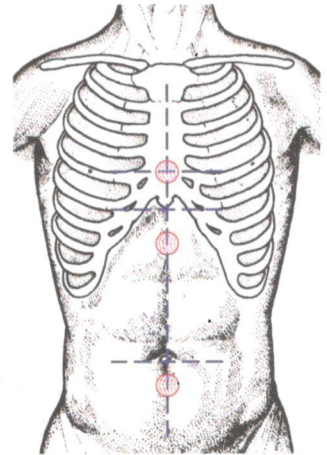
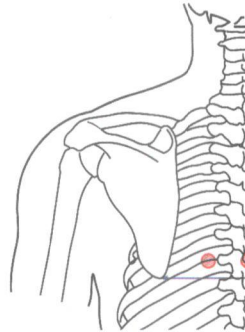
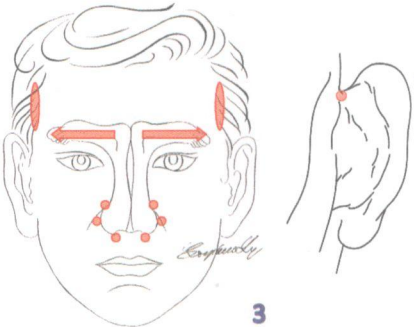
5. Teo Cơ (Retarding Muscular Atrophy, RMA)



Tập hai bài khí công Võ Gối và
Rùa Rắn Ngóc Đầu
Bấm Nhân-Trung sau khi tập
hai bài khí công

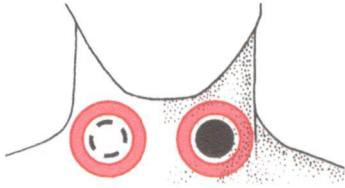


6. Viêm Đa Khớp (Polyarthritis)

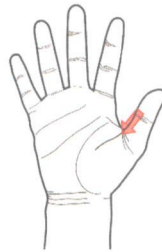
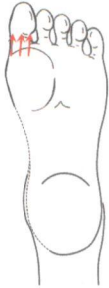
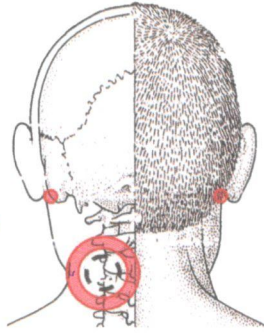


Nắn vuốt khớp 10 đốt ngón tay
từ kể ra đầu ngón theo thứ tự
4, 1, 3, 2, 5
Bấm thêm bộ Tiêu Viêm

7. Bướu Cổ (Goiter, enlarged thyroid)



Hơ xung quanh chân bướu thật tim Sinh-Huyết, hơ xung quanh chân bướu giả (đối xứng phải/trái, trước/sau) cùng vị trí Sinh-Huyết

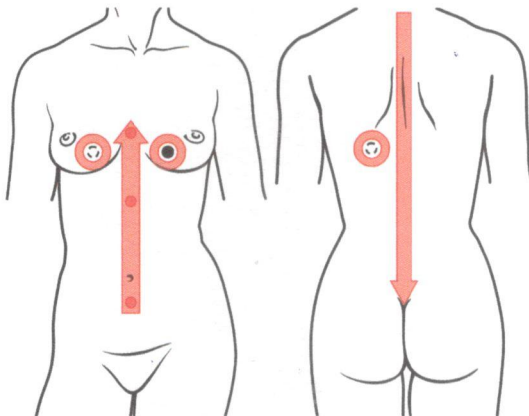


Cuối cùng bóp gờ mào và bấm bộ Tiêu Viêm

❖ Tràn Nhạn (Hạch Lao):

- Tác động trước và sau Loa Tai
- Hơ cứu từ gót chân dọc theo hai bên gân nhượng chân lên đến giữa bắp chân và khoeo
- Ngay sau đó bấm bộ Tiêu Viêm

8. Bướu Ngực (Lumps in breast)

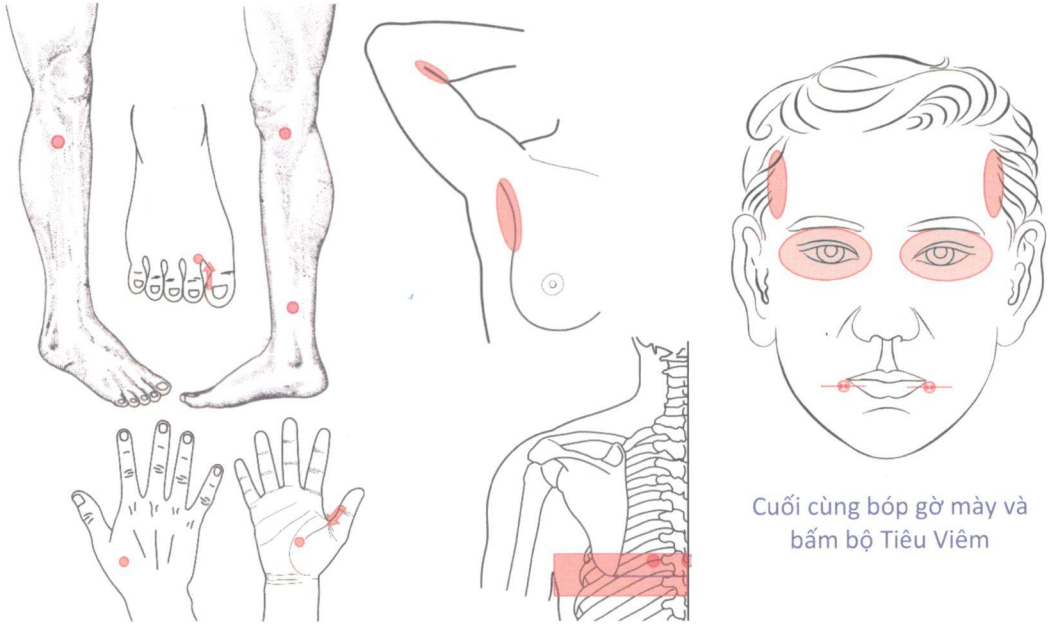


Tim Sinh-Huyết ở 1 trong 2 vùng Ngọa Tầm



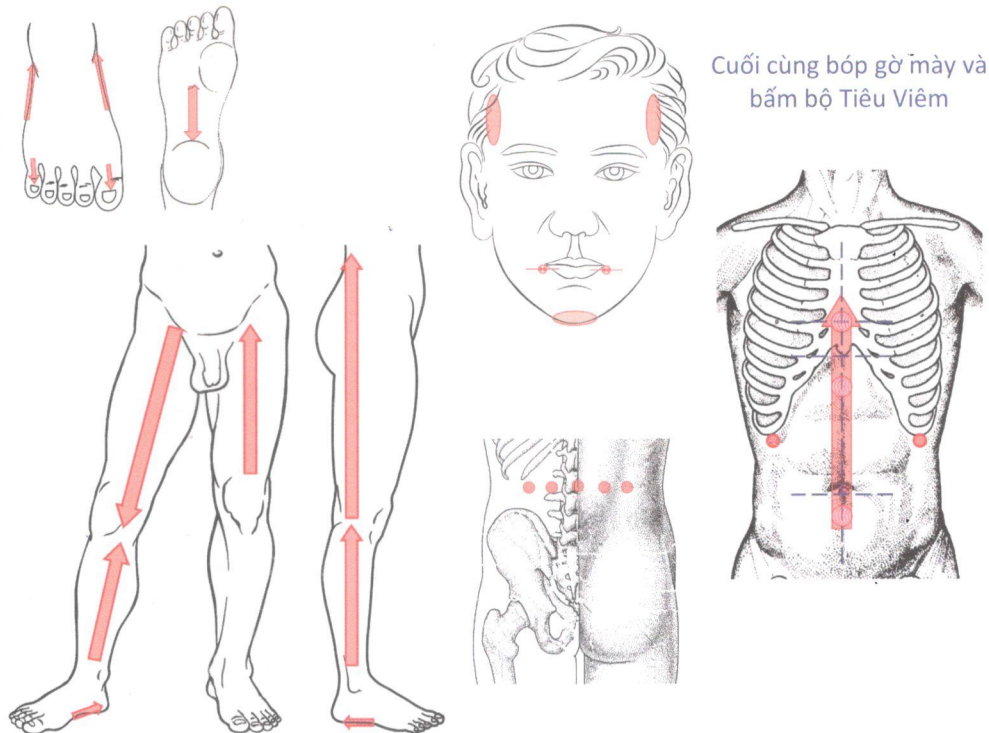
- Hơ xung quanh chân bướu thật tim Sinh-Huyết, hơ xung quanh chân bướu giả (đối xứng phải/trái, trước/sau) cùng vị trí Sinh-Huyết
- Hơ trước ngực từ Khí-Hải lên Trung-Quản, và Đản-Trung. Hơ sau lưng từ đốt Sống Cổ xuống xương Cột
- Cuối cùng bóp Thái Dương/gờ mào và bấm bộ Tiêu Viêm

9. Bướu Dạ Con/Bướu Tử Cung (Uterine tumor, Fibroid tumor)



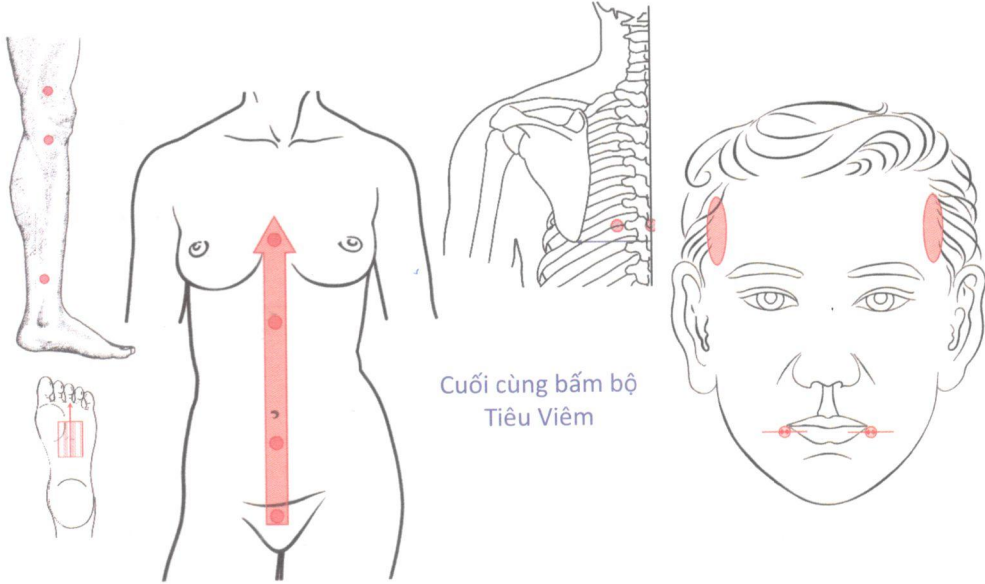
Cuối cùng bóp gờ mào và
bấm bộ Tiêu Viêm

10. Sạn Thận (Kidney stone)

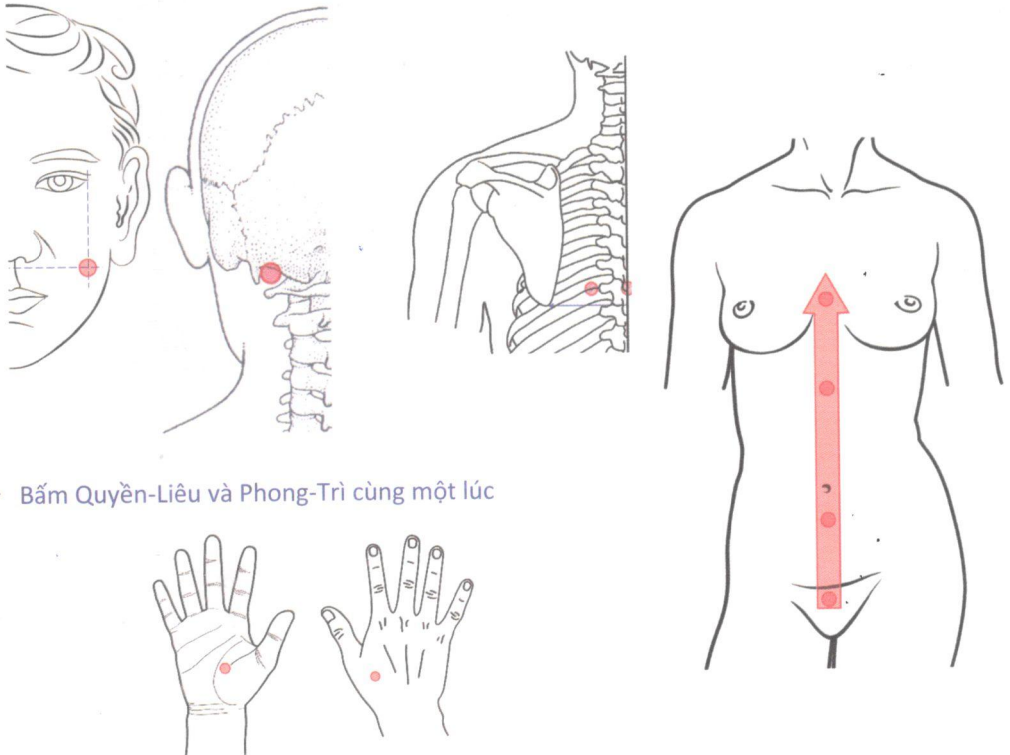


Cuối cùng bóp gờ mào và
bấm bộ Tiêu Viêm

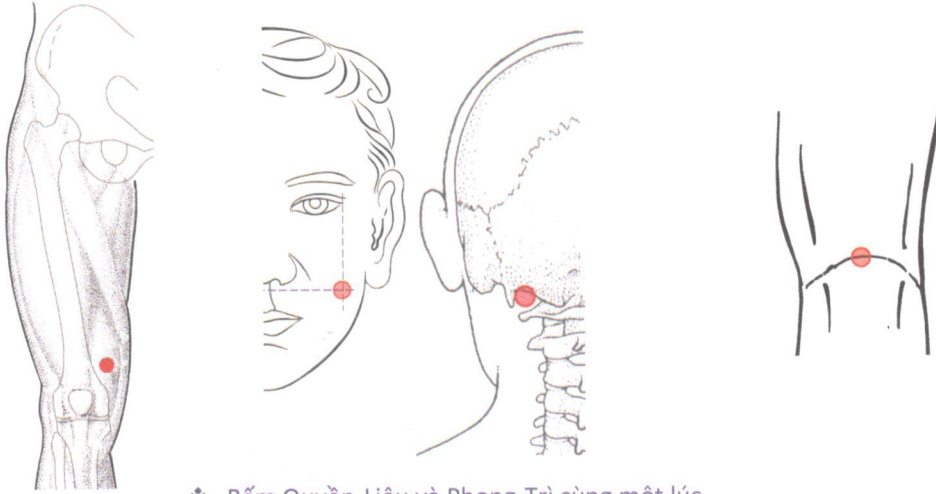
11. Vô Sinh (Infertility)



12. Sa Tử Cung (Metroptosis, Uterine prolapse)



13. Sa Bìu (Orchiocele, Sagging scrotum)



❖ Bấm Quyển-Liêu và Phong-Trì cùng một lúc

14. Trĩ (Hemorrhoids)



Nếu mệt hơi cứu từ Khí Hải lên Đản Trung

15. Hạch Chuỗi (Lymph nodes, Lymphadenopathy)

❖ Tìm Sinh-Huyết (vết mủ như ghẻ phỏng) trên đỉnh vành Tai, chích nặn mủ sạch. Bấm bộ Tiêu Viêm



PHẦN IV: VẬN ĐỘNG DƯỠNG SINH

Tập buổi sáng khi mới thức dậy; tác động mỗi chỗ 7 lần.

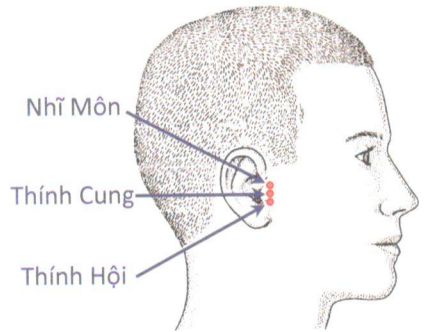
Lợi ích:

- ❖ Lưu thông khí huyết
- ❖ Phòng và chống những triệu chứng và bệnh: Cao Máu, Tiểu Đường, Cao Mỡ, Đột Quy (Stroke), Thấp Khớp, Trầm Cảm, Biếng Ăn, Mất Ngủ.

A. VÙNG ĐẦU VÀ MẶT

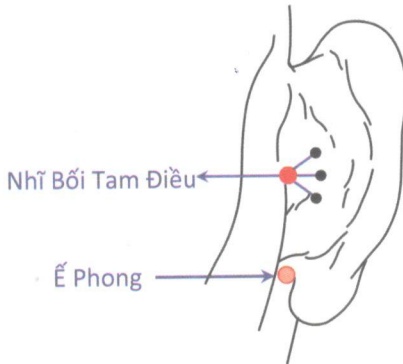
1. Đánh nóng vùng phía trước và sau Loa Tai bằng cách dùng hai Ngón Tay Cái vuốt vùng Bình Tai từ trên xuống dưới, sau đó dùng hai Ngón Tay Cái vuốt từ sào Dái Tai xuống dưới Xương Hàm. Nếu muốn cho tiện, có thể dùng Ngón Trỏ và Giữa vuốt trước sau cùng một lúc. Các kinh Tam Tiêu, kinh Tiểu Trường, và kinh Đờm đi qua vùng này.

- Lợi ích: Trị đau nhức vùng khoe mắt ngoài, tai điếc, ù tai, đau nhức vùng sau tai, đau họng, sưng hàm, đắng miệng, sưng phù gò má, đau nhức vùng vai, đau nhức vùng cánh tay và phía trên cùi chỏ, đau nhức vùng dưới nách, bụng trướng, đái dầm, tiểu khó.



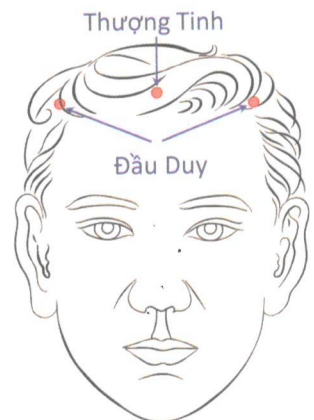
2. Nắm kéo vùng Bình Tai và Chân Tai. Bóp Loa Tai làm hai theo chiều ngang.

- Lợi ích: Day sau Tai nơi có 3 sợi tĩnh mạch có thể giúp giảm Nhãn Áp cao. Tác động vào Tai cũng giúp Thận và Bao Tử.



3. Day từ giữa chân mí tóc trán ra hai bên vùng huyết Đầu Duy (ST-8)

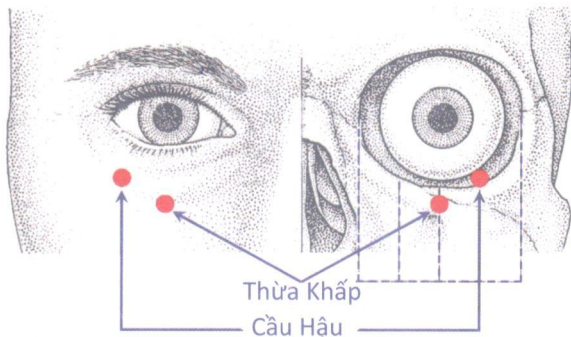
- Lợi ích: Trị đau hai bên đầu; hoa mắt; ù tai; viêm mũi; thần kinh mặt tê bại; đau vai



4. Dùng ba ngón tay Trỏ, Giữa, và Áp Út vuốt dọc từ trong mí tóc trán (khoảng 1 thốn) xuống tới Đầu Mày. Bài tập này tác động một phần Đốc Mạch, Kinh Đờm và Kinh Bàng Quang.

- Lợi ích: Tác động mạch Đốc vùng này sinh dương khí giúp cho kinh mạch lưu thông tốt cho nên trị được chứng nhức Đầu. Đặc biệt là huyết Thượng Tinh (GV-23) có thể dùng trị chứng hàn phong hỏa nhiệt, chứng chảy nước mũi hay nghẹt mũi rất công hiệu. Khi tả Thượng Tinh làm tan phong cho nên có thể trị chứng nhức Đầu, Đầu lúc nhức lúc không, chóng Mặt, sợ Gió, ra Mồ hôi, Mắt đỏ, Miệng khát nước.

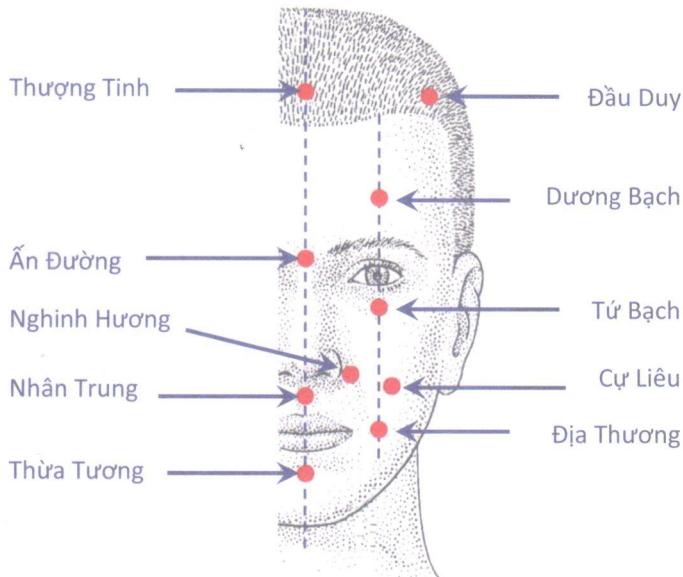
5. Xoa chung quanh Hốc Mắt từ Đầu Mày đến Đuôi Mắt qua các vùng Ngọa Tầm và huyết Sơn Căn (NP-31).



- Lợi ích: Làm sáng Mắt; trị nhức Răng; cứng Cổ Gáy; Kinh Nguyệt không đều; Tử Cung có vấn đề.

6. Dùng ngón tay tuyến ngón út với các ngón tay khép lại vuốt từ đầu mày đến Sơn Căn (NP-31) dọc theo Pháp Lệnh đến bọng má cả hai bên.

- Lợi ích: Trị nhức Răng; thông Hô Hấp; điều hòa nhịp Tim; Tim hồi hộp; mệt.



7. Dùng cạnh ngoài ngón Trỏ xoa chung quanh miệng, bắt đầu từ bên phải qua bên trái rồi tiếp tục xoa vòng quanh.

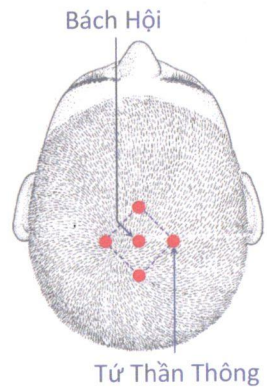
- Lợi ích: Giúp nhuận trường. Nếu bị tiêu chảy thì xoa ngược lại, từ trái qua phải.

8. Dùng 10 đầu ngón tay xoa bóp các vùng:

a) Từ Gò Mày vùng Giữa Con Người (tư thế nhìn thẳng) dọc lên Mí Tóc Trán, qua Đỉnh Đầu, xuống Chấm Gáy.

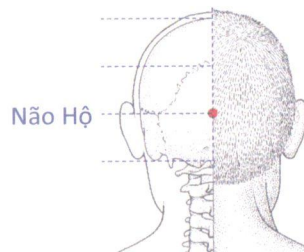
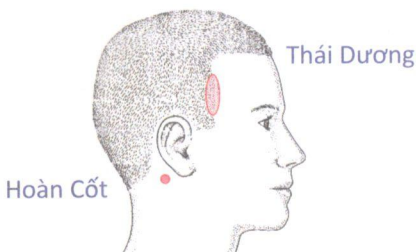
➤ Lợi ích: Động tác này đi qua các huyết Mạch Minh (Ngoại Kỳ Huyết, EX-32), Tứ Thần Thông (EX-1, hay M-HM-1), và Bách Hội (GV-20) cho nên trị dị ứng; sổ mũi; nháy mắt; buồn ngủ. Tập thêm động tác nắn da đầu kéo lên theo 3 đường (trên và hai bên đầu) từ trong háng ra đầu gối để giúp thêm trị dị ứng.

- Mạch Minh (EX-32): trị đau đầu, mắt viêm kết mạc, sức mắt nhìn giảm sút, khô giác mạc, nghẹt mũi, mũi không ngửi được mùi.
- Tứ Thần Thông (EX-1): trị đau căng tại đỉnh đầu; chóng mặt; động kinh; suy nhược thần kinh.
- Bách Hội (GV-20, giữa đỉnh đầu, giữa 4 Tứ Thần Thông): giúp cho tinh thần sáng khoái.



b) Từ hai Thái Dương (EX-3) đến Hợp Sọ vùng Hoàn Cốt (GB-12) và Não Hộ (GV-17)

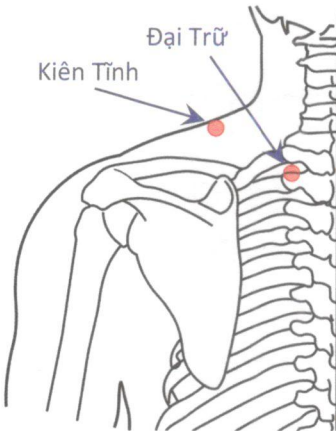
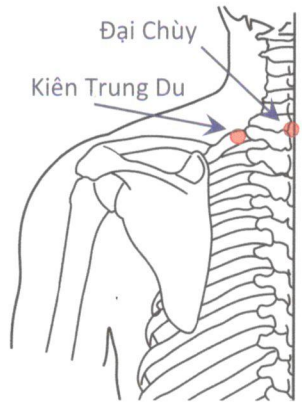
- Lợi ích xoa vùng Thái Dương: trị đau đầu; chóng mặt; làm sáng mắt; tinh thần tỉnh táo.
- Hoàn Cốt (GB-12): trị răng đau; mặt sưng; mặt liệt; tai ù.
- Lợi ích khi tác động Não Hộ (GV-17): đau cứng cổ gáy; chóng mặt; điên cuồng; mắt cận thị



B. VÙNG CỔ, GÁY, VÀ VAI

Dùng bàn tay bên phải nắn bóp Cổ, Gáy, và Vai bên trái tại các vùng huyết quan trọng như Đại Chùy (GV-14), Đại Trử (B-11), Kiên Trung Du (SI-15), và Kiên Tĩnh (GB-21). Sau đó đổi bên, dùng bàn tay trái nắn bóp Cổ, Gáy, và Vai bên phải tại các vùng huyết bên phải.

1. Đại Chùy (GV-14): Khai thông Khí Huyết, giúp giảm đau các bệnh vùng Đầu, Vai, và Cổ; trị bệnh mất ngủ, bệnh rối loạn tiền đình; giúp tăng cường trí nhớ.
2. Đại Trử (B-11): Huyết Đại Trử này chủ về xương cốt nên trị các bệnh cổ gáy cứng, cơ vai, lưng đau và co rút; trị ho, sốt.
3. Kiên Trung Du (SI-15): Trị cổ gáy cứng; đau vai, đau lưng; sưng; viêm khí quản.



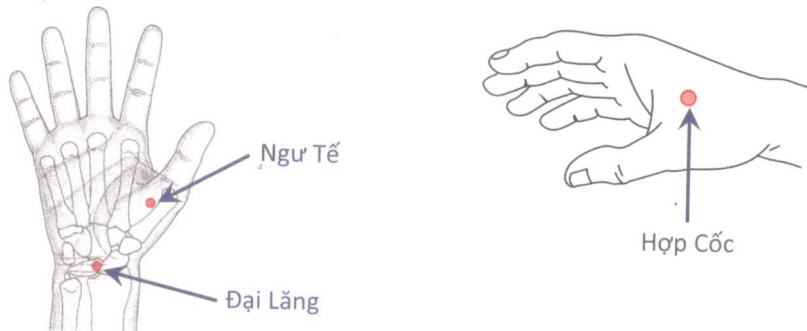
4. Kiên Tĩnh (GB-21): Xoa bóp vùng từ mí tóc Gáy đến chân Cổ Vai tại Kiên Tĩnh có thể trị bệnh cứng Cổ Gáy, lao hạch Cổ, đau Lưng; viêm Tuyến Vú; Rong Kinh; Cơ năng Bại Liệt do trúng Phong.

***** Phụ nữ CỬ dùng và kích thích Kiên Tĩnh khi có thai *****

C. VÙNG CÁNH TAY, CỔ TAY, VÀ BÀN TAY

1. Úp cánh tay xuống, xoa từ Cổ Tay lên tới Vai; rồi ngửa cánh tay lên, xoa cánh tay từ trong Nách ra tới Cổ Tay.
2. Để ngửa cánh tay, xoa bóp theo hướng từ trong Nách ra ngoài Cổ Tay, đặc biệt tại các vùng huyết quan trọng như: Đại Lăng (P-7), Ngự Tế (LU-10), Nội Hợp Cốc (NP-138), Thông Lý (H-5), Thần Môn (H-7), Lao Cung (P-8), Thiếu Phủ (H-8).
 - Lợi ích của Đại Lăng (P-7): giải độc Gan, thanh Tâm và định Thần, lương Huyết; trị Cổ Tay đau, khớp Cổ Tay viêm; Tim hồi hộp; mất Ngủ; động kinh.

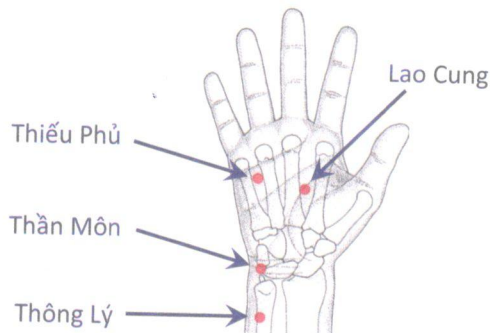
- Lợi ích của Ngự Tế (LU-10): Thanh Phế nhiệt, cho nên trị được bệnh Phổi như Ho Suyễn, Lao Phổi, lợi vùng Họng; Hòa Vị, Tiêu Hóa, Đau Bụng.



- Nội Hợp Cốc (NP-138), Nội Hợp Cốc trong lòng bàn tay, đối xứng với Ngoại Hợp Cốc (LI-4): Trị bệnh trong Tử Cung.

***** Phụ nữ CỬ dùng hai huyết Nội và Ngoại Hợp Cốc khi có thai *****

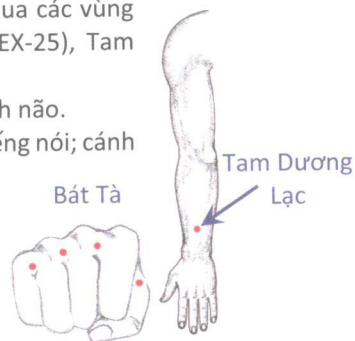
- Hợp Cốc (LI-4): trị đau đầu, mất ngủ, xương quai bị, đau họng, đau răng, mắt sưng đỏ, mặt tê liệt, ù tai; kinh nguyệt bế tắc; đi cầu bón; hai cánh tay đau; mồ hôi trộm; hơi thở hỗn hển. Người già lớn tuổi nên thường xuyên day bấm Hợp Cốc để bảo vệ sức khỏe vì động tác này rất dễ làm, ngồi chơi cũng có thể làm mà những người chung quanh không hay biết.



- Lao Cung (P-8): (Thanh Tâm Hỏa, An Thần, trừ Thấp Nhiệt) trị mồ hôi tay, ngứa (eczema) ở lòng bàn tay, đau vùng tim, động kinh; viêm xoang miệng.
- Thiếu Phủ (H-8): trị nhịp tim không đều.
- Thông Lý (H-5): trị đau khớp cổ tay và cánh tay; tim hồi hộp, nhịp tim chậm; mất ngủ; lưỡi co cứng; đột nhiên mất tiếng nói; tâm thần phân liệt.

3. Để sắp cánh tay, xoa bóp cánh tay từ ngoài vào trong qua các vùng huyết quan trọng như Bát Tà (EP-18), Lạc Hà Chấm (EX-25), Tam Dương Lạc (SJ-8).

- a) Lạc Hà Chấm (EX-25, trên mu bàn tay): giúp làm thanh não.
- b) Tam Dương Lạc (SJ-8): trị tai điếc; cứng cổ gáy; mất tiếng nói; cánh tay đau.
- c) Bát Tà (EP-18): trị đau đầu, cứng cổ, đau răng, đau họng, các ngón tay bị tê, sưng mu bàn tay.
- d) Sau đó bóp 10 đầu ngón tay (liên hệ Kinh Đờm) trị nhức đầu (nhức đầu cũng có thể lễ 10 đầu ngón tay).



A. VÙNG CẰNG CHÂN

1. Đùi vế

Xoa bóp từ bẹn háng ra đến má trong đầu gối. Vuốt từ má ngoài và trên gối đến mông. Liên hệ các kinh Thận, Tỳ, Vị, Can, Đờm, Tiểu Trường, và Tam Tiêu. Xoa bóp đùi làm cường Thận, trị Tiểu Đường.

Dùng eo bàn chân bên này chà bắp chân bên kia từ gối xuống mắt cá, sau đó dùng gót chân day hai bên khớp mắt cá trong ngoài. Tiếp tục dùng gót chân chà trên mu bàn chân từ cổ chân ra ngón chân theo các rãnh. Tăng cường hoạt động của Thận, Gan, Tỳ, và Bàng Quang; có thể giúp giải quyết khớp vai bị kẹt.

Dùng gót chân chà bắp chân ngoài ngược từ cổ chân lên đầu gối. Giúp trị tĩnh mạch trướng và đôi chân mỏi rã. Bài tập này đi qua huyết Huyền Chung (GB-39, chủ Thủy).

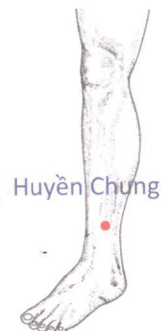
Sau đó đổi chân và làm lại tất cả các động tác.

2. Bàn chân

Vuốt các kẽ ngón chân nơi Bát Phong (EP-27) có thể trị đau đầu, đau răng, đau dạ dày; kinh nguyệt không đều; sốt rét; rần cắn; ngón chân và bàn chân bị sưng đỏ; viêm bì thần kinh.

3) Ấn đốt thứ nhất Ngón Chân Cái, quay 7 lần, và kéo các ngón chân còn lại.

- Lợi ích: giúp kẹt đầu gối không xuống được, thụt lưỡi, lưỡi tê ăn mất vị giác, giải quyết thyroid, bướu cổ, cao huyết áp đột ngột.



Lưu Ý: Những huyết CỬ DỪNG KHI CÓ THAI:

- | | |
|------------------------|------------------------|
| ❖ Tam Âm Giao (SP-6) | ❖ Ngoại Hợp Cốc (LI-4) |
| ❖ Nội Hợp Cốc (NP-138) | ❖ Kiên Tĩnh (GB-21) |

E. VẬN ĐỘNG KHÍ CÔNG

Xin Quý vị dùng trang mạn dưới đây để xem hướng dẫn về ba bài tập khí công

1. NGỒI: Vỗ Gối (ngồi thẳng Lưng, vươn Vai, vỗ Gối).

<https://www.youtube.com/watch?v=B5im7rZZQP8>

2. ĐỨNG: Phất Thủ Liệu Pháp / Dịch Cân Kinh

<https://www.youtube.com/watch?v=WdmC8JgrJVM>

3. NẪM: Rùa Rắn góc đầu

<https://www.youtube.com/watch?v=ncQv0R5RA5A&t=10s>

Ba bài tập cơ bản trên đem lại lợi ích lớn cho cơ thể về các hệ Hô Hấp, Tuần Hoàn, Tiêu Hóa, và Vận Động. Ba bài tập trên cũng góp phần vào việc điều trị các bệnh chứng như: Đau Lưng, Nhức Mỏi, Thống Phong, cao Huyết Áp, Tiểu Đường.

PHẦN V: KINH NGHIỆM LÂM SÀNG

Nhằm mục đích giúp độc giả có thêm tài liệu tham khảo trong lúc thực hành phương pháp, một số kinh nghiệm lâm sàng của các anh chị em học viên từ nhiều nơi trên thế giới gửi về đã được chọn lọc, tóm tắt, và trình bày trong phần này. Quý Vị có thể dùng link của từng bệnh để đọc nguyên bản hầu biết thêm chi tiết cũng như tiến trình trị liệu.

A. CÁC BỆNH VỀ ĐẦU

1. Đau đầu, không ăn uống được, buồn nôn

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2017/02/mot-la-thu-tu-tiep-khac.html#more>

Nữ bệnh nhân 16 tuổi bệnh 2 năm. Bác sĩ chẩn đoán không ra bệnh. Theo VNĐƯLP, dùng máy sấy tóc hơi nóng Ôt và Gáy của bệnh nhân. Bệnh nhân hết nhức đầu và khỏe lại sau khi sấy.

2. Thiên Đầu Thống (Migraine)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tap-thoi-quen-song-hanh-phuc.html>

Nữ bệnh nhân bị nhức đầu. Theo phương pháp VNĐƯLP bấm các vùng sau đây:

- Đốt thứ 1 của Ngón Tay Giữa (gần móng Tay)
- Hai bên Thái Dương
- Mắt thứ nhất Ngón Chân Cái
- Hợp Cốc (LI-4, He Gu)

Kết quả: nhẹ đầu và sáng mắt

3. Tụ máu não do bị xe đụng

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2017/11/tu-mau-nao-giua.html#more>

a) Sau khi bệnh nhân ra khỏi phòng cấp cứu; theo phương pháp VNĐƯLP:

- Tác động bên cánh tay không liệt
- Vuốt từ lòng bàn tay ra các Ngón út và Áp út. Sinh-Huyệt báo ở đốt thứ 2 Ngón Tay út. Tác động Sinh-Huyệt 7 lần và Bộ Tiêu Viêm

b) Sau khi bệnh nhân xuất viện:

- Dùng ngải cứu hơi. Sinh-Huyệt báo đốt thứ 2 Ngón Tay út và Áp út. Mỗi ngày hơi 3 thời.

Bệnh nhân hồi phục sau 1 tháng

4. Khối u não ác tính

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/09/khoi-u-nao-ac-tinhbac-si-khong-cho-mobe.html>

Bé trai 10 tuổi được bệnh viện U Bướu Hồ Chí Minh làm MRI, và bác sĩ quyết định không thể mổ. Áp dụng theo phương pháp VNĐƯLP:

- Dùng máy sấy tóc hơi dọc đường tiếp xúc giữa 2 hai màu da của bàn tay ngửa theo tuyến Ngón út và Áp út. Sinh-Huyệt báo rất nóng dù nguồn nhiệt cách mặt da khoảng 5 cm (2 inch).
- Day ấn Bộ Tiêu Viêm, hơi nóng các đầu Ngón Tay và Chân Cái, Đầu Gối.

Kết quả rất tốt ngay sau khi chữa lần đầu. Tiếp tục điều trị như trên, sau 6 tháng đi làm lại MRI, bác sĩ không còn thấy khối u nữa.

B. CÁC BỆNH CƠ VÀ KHỚP

1. Thoái hóa cột sống (Spinal degeneration)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/thu-tu-cong-hoa-sec-tu-daovankhoai.html>

Nam bệnh nhân bị thoái hóa cột sống. Bác sĩ Tây Y cho chụp Quang Tuyến và chẩn đoán không thể chữa. Áp dụng theo phương pháp VNĐƯLP:

- Tập Vận Động Dưỡng Sinh, bài Rùa Rắn Góc Đầu, và Phất Thủ Liệu Pháp
- Vuốt hai bên Thái Dương theo chiều từ dưới lên trên
- Bấm Ủy Dương (B-39, WeiYang, má ngoài sau Gối)

Trước đây khi ngủ thường bị đau lưng cho nên phải nằm co 2 chân. Nay nằm tư thế nào cũng không sao

2. Đau thắt lưng (Lumbago)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/thua-thay-mot-so-truong-hop-chua-thay.html>

Nữ bệnh nhân 65 tuổi bị té đau cột sống thắt lưng. Theo VNĐƯLP, xoa bóp vùng huyệt Khúc Trì, Sinh-Huyệt báo (đau) ở tay Trái. Day đốt 2 Ngón Tay Giữa cùng bên. Bệnh nhân cảm giác dễ chịu ở cột sống.

3. Giãn cơ lưng (Back muscle strain)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/10/benh-gian-co-lung.html>

Nam bệnh nhân bị giãn cơ lưng. Áp dụng theo VNĐƯLP:

- Tập Vận Động Dưỡng Sinh và bài Rùa Rắn Góc Đầu.
- Xoa bóp vùng Bả Vai Lưng và Gò Kim Tinh ở lòng bàn tay
- Tìm Sinh-Huyệt ở Khoeo Chân vùng Ủy Dương (B-39), Ủy Trung (B-40), Ủy Âm (huyệt đối xứng Ủy Dương qua Ủy Trung)

Bệnh nhân tự chữa hết sau 4 ngày.

4. Cánh tay tê và không dơ lên được

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/cam-on-ve-tu-van-chua-benh-clb-duong.html>

Bệnh nhân bị tai nạn, cánh tay phải bó bột. Sau khi tháo băng bột, 3 năm sau cánh tay vẫn tê và không dơ lên được. Tim Sinh-Huyệt ở vai đối xứng và điều trị liên tục 3 ngày. Kết quả bệnh nhân hết tê cánh tay và dơ lên được.

5. Đỉnh khớp háng (Hip impingement)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/cam-on-ve-tu-van-chua-benh-clb-duong.html>

Bệnh nhân 60 tuổi đi lại khó khăn. Tác động vào Sinh-Huyệt ở Háng đối xứng. Sau 40 phút, háng không đau và đi lại được

Nam bệnh nhân 87 tuổi bị đỉnh khớp háng 7 năm. Tác động vào Sinh-Huyệt ở Háng đối xứng. Bệnh nhân đi lại dễ dàng sau 5 lần điều trị.

6. Đau khớp gối & đau lưng (Knee joint & lower back pain)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/thu-cam-on-vu-hong-chuong-va-vu-viet-du.html>

Cụ bà 90 tuổi bị đau khớp gối và lưng. Áp dụng VNĐƯLP tác động:

- Lương Khâu (ST-34), Huyết Hải (SP-10), Dương Lăng (GB-34), Âm Lăng (SP9), và Ủy Trung (giữa Khoeo sau Gối, B-40)
- Ngón Chân Cái, Thận Du, Bát Liêu (B-31, B-32, B-33, and B-34)

Bệnh nhân đứng được không phải dùng gậy sau 3 ngày điều trị.

7. Đầu gối sưng (Swollen knee)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/05/au-goi-sung.html>

Nữ bệnh nhân bị sưng đầu gối trái không co duỗi được. Bác sĩ đề nghị giải phẫu. Theo VNĐƯLP tìm Sinh-Huyệt ở các vùng:

- Gối (đối xứng)
- Khớp thứ nhất Ngón Chân Cái bên Trái
- Cổ Chân
- Khuỷu Tay
- Ót
- Mép Miệng đến Dải Tai

Giảm đau ngay sau lần đầu làm. Bệnh nhân đi lại bình thường sau 1 tuần điều trị mỗi ngày 2 lần.

8. Bệnh đi nhón gót (Toe walking)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/chua-benh-i-nhon-got-ung-thu-luoi.html>

Bé trai 1 tuổi bị đi nhón gót như múa Ba Lê. Bác sĩ chẩn đoán đau thần kinh cơ chân và nói phải tập Vật Lý Trị Liệu. Nếu tập không khỏi thì phải mổ. Theo VNĐƯLP, day bấm các vùng đồng hình với bàn chân:

- Phần lõm cuối Đuôi Mày
- Thái Dương
- Từ Ót đến Vai dọc theo 2 Gân Cổ Gáy

Mỗi ngày tác động 3-4 lần. Sau ba ngày, cháu đi được lại bình thường

9. Trượt chân làm đau gót chân

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tap-thoi-quen-song-hanh-phuc.html>

Nữ bệnh nhân bị đau gót chân vì trượt chân khi leo núi. Theo VNĐƯLP, Ót đồng Gót và Thái Dương đồng Gót. Tác động vào vùng Ót và 2 Thái Dương, bệnh nhân giảm đau 60% ngay lần đầu.

10. Nhượng chân bị tét (Achilles tendon rupture)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/10/mong-thay-giup-e-tranh-mo.html>

Nữ bệnh nhân bị tét nhượng chân sau khi té. Bác sĩ quyết định mổ. Theo VNĐƯLP, tác động bên đối xứng và Chấm Gáy dọc theo 2 Gân Cổ. Bệnh nhân bình phục sau 3 tháng.

11. Đau hông khi ngồi đọc kinh hay thiền

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tap-thoi-quen-song-hanh-phuc.html>

Nữ bệnh nhân bị đau hông sau khi ngồi đọc kinh hay thiền. Tác động Đờng Hình:

- 2 Eo Gót Chân trong
- Gò lồi dưới Khớp Ngón Tay Cái và Bàn Tay

Bệnh nhân giảm đau và ngủ ngon sau khi được giúp 1 lần.

12. Bị lạnh và đau nhức người

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tu-chua-benh-bang-may-say-hair-dryer.html>

Nữ bệnh nhân thường bị lạnh và đau nhức khắp người. Theo VNĐƯLP dùng máy sấy tóc hơ:

- 10 kẽ Ngón Tay, Ngón Chân, lòng Bàn Tay, và lòng Bàn Chân
- Các mắt ngón Tay và ngón Chân
- 2 lõm sau Dái Tai (Ế Phong, SJ-17) và Chấm Gáy
- Cột sống Lưng và 2 bên Cột Sống từ Cổ đến xương Cùng
- Khí Hải (CV-6), Trung Quản (CV-12), Đản Trung (CV-17)

Chú ý: Nơi nào hút nóng nhanh nhất dời nguồn nhiệt ra xa mặt da hơ tiếp trong 5 giây Sau khi sấy một thời gian thì bệnh nhân hết bệnh.

13. Toàn thân bị đau giống như kim châm hay kiến cắn

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/08/from-xuan-pham-date-august-20-2017-at.html>

Nữ bệnh nhân có cảm giác tê ban ngày và như kim châm ban đêm. Theo VNĐƯLP:

- Áp dụng hai bài khí công Võ Gối và Rùa Rắn Góc Đầu, mỗi thế 21 lần
- Tập mỗi ngày 3 thời. Chú ý thở sâu và chậm trong lúc tập

Bệnh nhân hết bệnh sau khi tập 1 tuần.

14. Bong gân cổ tay (Wrist sprain)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/thua-thay-mot-so-truong-hop-chua-thay.html>

Nam bệnh nhân bị bong gân. Theo VNĐƯLP:

- Bấm bên Cổ Tay đối xứng
- Bấm Đuôi Mày (đồng hình)

Bệnh nhân giảm đau 90% ngay sau khi được chữa

15. Ngón tay khó co duỗi

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/thua-thay-mot-so-truong-hop-chua-thay.html>

Nữ bệnh nhân 65 tuổi bị các ngón tay co duỗi khó. Theo VNĐƯLP tác động:

- Ngón Tay đối xứng
- Đuôi Mày và Thái Dương (giữa Thái Dương và tóc Mai)

Bệnh nhân có thể co duỗi tay ngay sau khi được giúp.

16. Đau thần kinh liên sườn (Intercostal neuralgia)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/08/tai-bien-au-cot-song.html>

Nam bệnh nhân đau Thần Kinh Liên Sườn 2 năm. Dùng thuốc Tây không dứt được. Theo VNĐƯLP tác động:

- 2 Đốt Ngón Chân Cái và Gân Gót Chân
- 2 Thái Dương
- Tập bài khí công Rùa Rắn Góc Đầu, mỗi ngày 3 thời, mỗi thời 7 lần

Bệnh nhân hết bệnh sau khi tập một thời gian.

17. Chân bị liệt sau lúc mổ khi sanh

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/07/a-truyen-them-mot-ngon-uoc.html#more>

Nữ bệnh nhân bị liệt hai chân sau khi mổ trong lúc sinh con. Theo VNĐƯLP:

- Dùng bất cứ nguồn nhiệt nào hơi cứu ngay dưới Rốn (tương đương 2 ngón tay khép kín)
- Mỗi ngày hơi cứu 3 thời, mỗi thời hơi cứu 7 tiếng đếm (tương đương khoảng 5 giây)

Sau 3 tháng bệnh nhân có thể đứng lên đi chập chững.

18. Hai chân bị hoại tử do bị tiểu đường lâu năm

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/07/hai-chan-bi-hoai-tu-do-benh-tieu-uong.html>

Nam bệnh nhân bị tiểu đường hơn 10 năm, đã chích insulin đưa đến hai chân từ dưới khớp gối trở xuống mất cảm giác. Các khớp ngón chân không thể co được. Theo VNĐƯLP, dùng các kỹ thuật và các vùng sau đây để tìm Sinh-Huyệt:

- Nhú hay véo da kín ở Đùi từ bẹn Háng ra má trong Gối
- Quay Ngón Chân Cái và dùng máy sấy tóc hơ các kẽ Chân
- Tập bài Rửa Rắn Góc Đầu

Sau một tháng hai chân của bệnh nhân đã có cảm giác trở lại.

19. Bàn tay tê buốt không co duỗi được

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2021/01/ban-tay-te-buot-khong-co-duoi-uoc.html>

Nữ bệnh nhân bị bàn tay tê buốt không co duỗi được khoảng 3 năm. Theo VNĐƯLP,

- Dùng máy sấy hơ 10 kẽ Tay và kẽ Chân, các kẽ Ngón Tay và Ngón Chân
- Kéo vuốt các đốt Ngón Tay theo thứ tự: 4-1-3-2-5
- Bấm 2 Thái Dương
- Bấm 2 rãnh trước Bình Tai từ Nhĩ Môn (SJ-21) đến Giáp Xa (ST-6)
- Nhú da từ Cổ Tay đến Khủy

Bệnh nhân hết tê nhức và co duỗi ngón tay sau 7 ngày điều trị, mỗi ngày 1 lần.

20. Cánh tay phải bị mất cảm giác

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2021/01/chua-canh-tay-phai-bi-mat-cam-giac.html>

Nữ bệnh nhân 80 tuổi bị di chứng tai biến mạch máu não đưa đến tay không nhấc lên được và cứng gáy. Theo VNĐƯLP:

- Áp dụng pháp: Đồng Hình, Đồng Thế, Đồng Thế để bấm Khớp Vai đối xứng
- Nắn vuốt các kẽ Ngón Tay Trỏ và Giữa, Giữa và Áp Út
- Nắn vuốt các kẽ Ngón Chân Áp Út và Út, từ Ngón Chân Út vào đến trước khớp Mắt Cá Chân ngoài
- Vuốt từ Cổ Tay (bàn tay sấp) vùng Tam Dương Lạc (SJ-8) vào Cùi Chỏ

Bệnh nhân nhấc tay cao hơn và cảm thấy cổ thoải mái sau 2 lần điều trị

21. Tê tuyến ngón cái

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/11/thuc-te-ve-ly-tim-sinh-huyet.html>

Nữ bệnh nhân bị tê từ khuỷu tay đến ngón tay cái. Áp dụng theo VNĐƯLP:

- Bấm Tay và Ngón Tay đối xứng

- Vuốt cuối Lòng Mày và Thái Dương
- Chà vuốt cánh tay bị đau từ Cổ Tay lên đến Cùi Chỏ theo 3 tuyến Cái, Giữa, và Út. Bấm điểm đối xứng ở tay không đau để điều trị
- Bấm Đáy Xương Bả Vai

Bệnh nhân cảm giác như chưa từng bị tê sau khi được giúp.

22. Teo cơ 37 năm

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/11/judy-bao-cao-thay-ket-qua-cua-nguoi.html>

Nam bệnh nhân bị teo cơ 37 năm đưa đến đi khập khiễng. Áp dụng VNĐƯLP bên chân bị teo:

- Bấm Bắp Tay và vùng Mông
- Bấm Khoeo Chân và Cổ Chân
- Bấm Ngón Chân Cái
- Xoa bóp Cơ Đùi trước từ Háng xuống Gối

Bệnh nhân hồi phục 90% sau 6 tuần

23. Rách sụn khớp gối (Torn meniscus)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/10/bao-cao-ket-qua-cua-chung-lac-noi-mac.html>

Nam bệnh nhân bị rách sụn khớp gối không đi lên xuống cầu thang được. Áp dụng theo VNĐƯLP:

- Bấm Khớp Ngón Tay Cái và Chân Cái (bẻ cong ngón chân để lấy Sinh-Huyệt), Ngón Chân Út
- Bấm vùng Cùi Chỏ
- Day hai bên Thái Dương vào Mí Tóc theo hướng 45 độ
- Bấm vùng Chấm Ót. Vuốt sau Loa Tai theo Chân Tóc
- Bấm giữa Thăn Lưng và giữa lòng Bàn Chân

Sau 3 tháng điều trị, bệnh nhân có thể đi đứng bình thường, đạp xe đạp được, và MRI cho thấy sụn đang lành lại.

C. CÁC BỆNH LIÊN QUAN HÔ HẤP VÀ TUẦN HOÀN

1. Suyễn (Asthma)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/trao-oi-bam-huyet.html>

Nữ bệnh nhân bị suyễn và các bệnh liên quan đến bộ hô hấp như viêm mũi, viêm họng, và viêm phế quản; áp dụng theo VNĐƯLP:

- Xoa kẽ bàn tay giữa 2 Ngón Giữa và Áp Út
- Bấm vùng lưng Chí Dương (GV-9) và ngực Đản Trung (CV-17)

Bệnh nhân đã tự chữa được suyễn sau khi thực hành VNĐƯLP

2. Bệnh mệt thiếu thở (Fatigue and dyspnea)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/trao-oi-bam-huyet.html>

Nữ bệnh nhân bị bệnh mệt thiếu thở, suyễn và các bệnh liên quan đến bộ hô hấp; áp dụng theo VNĐƯLP:

- Vuốt giữa khe xương Ngón út và Áp út theo hướng từ lòng bàn tay ra kẽ ngón tay

Bệnh nhân thở bình thường sau khi bấm Sinh-Huyệt

3. Tim đập nhanh (Throbbing)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/06/nhip-tim-nhanh.html>

Nữ bệnh nhân bị nhịp tim đập nhanh 95-100. Dùng thuốc Bisoprolol fumarat 2,5mg và Rivaroxaban 20mg không hiệu quả. Bệnh nhân áp dụng theo VNĐƯLP bấm và vuốt:

- Hai Gót Chân vùng Mắt Cá Chân trong
- Hai Đầu Khớp Vai trước
- Hai bàn tay: vuốt khe xương Ngón út và Áp út theo hướng từ lòng bàn tay (Thiếu Phủ, H-8) ra kẽ ngón tay
- Hai khung Xương Bả Vai, Lưng vùng Cách Du (B-17)

Kết quả nhịp tim ổn định: 60-80 sau hai tháng áp dụng VNĐƯLP

4. Cứu cấp bệnh nghẽn động mạch tim (Clogged heart arteries or Atherosclerosis)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/12/cuu-cap-benh-nhoi-mau-co-tim-heart.html>

Nam bệnh nhân có triệu chứng đau tim 10 năm trước khi bị nghẽn động mạch. Thông thường khi chơi thể thao thì tim đập nhanh, chóng mặt, ngộp thở, có khi bị ngất hay bất tỉnh. Lăn lên cơn sau cùng thì mặt tái xanh, cảm bị cứng, nhịp tim đập chậm, tay bị tê và không có sức, tai nghe không rõ. Bệnh nhân đã kịp thời áp dụng VNĐƯLP sau đây nên kéo dài mạng sống trước khi được giải phẫu thông động mạch:

- Đánh Nóng trước sau hai Loa Tai, Dái Tai và cạnh Cằm vùng huyết Giáp Xa (ST-6)
- Vuốt giữa khe xương Ngón út và Áp út theo hướng từ lòng bàn tay (Thiếu Phủ, H-8) ra kẽ ngón tay
- Bấm Nhân Trung (GV-26)

D. CÁC BỆNH TIÊU HÓA

1. Đau bụng trên (Upper abdomen pain)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tap-thoi-quen-song-hanh-phuc.html>

Nam bệnh nhân thường bị đau bụng trên vào mỗi chiều tối, áp dụng VNĐƯLP:

- Day Eo Bàn Chân trong dọc theo đường ranh giữa hai màu da sáng tối từ phía dưới chỗ lồi Ngón Chân Cái đến Xuất Khí Huyệt (NP-194)

- Day huyết Chí Dương (GV-9)
- Day huyết Nội Quan (P-6)

Kết quả triệu chứng đau bụng trên không còn qua một đêm

2. Đau bao tử (Stomachache)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tap-thoi-quen-song-hanh-phuc.html>

Nữ bệnh nhân đau bao tử, đi nhiều bị thốn (đau) nơi Chấn Thủy. Áp dụng VNĐƯLP xoa bóp các vùng:

- Day Eo Bàn Chân trong dọc theo đường ranh giữa hai màu da sáng tối từ phía dưới chổ lồi Ngón Chân Cái đến Xuất Khí Huyết (NP-194)
- Day Chí Dương (GV-9)
- Day Nội Quan (P-6)
- Cạnh Cánh Mũi trái (vùng huyết Nghinh Hương, LI-20)

Kết quả dễ chịu ngay sau khi chữa.

3. Viêm loét dạ dày (Stomach ulcer)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2021/02/viem-loet-da-day-gan-nhiem-mo-huyet-ap.html>

Nữ bệnh nhân có tiền bệnh rối loạn tiền đình và huyết áp thấp, hay bị đau đầu chóng mặt thỉnh thoảng ngất xỉu; ăn không tiêu, luôn có cảm giác muốn ói, tay chân bủn rủn. Bác sĩ chẩn đoán viêm loét dạ dày nặng. Uống thuốc không hết mà bị nặng hơn. Áp dụng VNĐƯLP hơ cứu một ngày 3 thời:

- Bụng: Khí Hải (CV-6), Trung Quản (CV-12), Đản Trung (CV-17)
- Chân: Eo Bàn Chân trong (tuyến ngón Cái)
- Lưng: Đại Chuỳ (GV-14), Chí Dương (GV-9), Cách Du (B-17)
- Mặt: Hai bên Thái Dương
- Bấm Bộ Tiêu Viêm

Kết quả không còn mệt nữa và ăn uống ngon hơn sau 3 ngày điều trị.

4. Trẻ sơ sinh trướng bụng (Baby abdominal distension)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/09/benh-truong-bung.html>

Cháu bé 3 tháng khóc nhiều vì bị ăn không tiêu, khi bị sờ vào bụng thì nẩy người khóc lớn hơn. Áp dụng VNĐƯLP, dùng bàn là ủi khăn cho nóng chườm vào các huyết:

- Vùng Mông Đít
- Chí Dương (GV-9)
- Đan Điền (CV-4), Khí Hải (CV-6), Trung Quản (CV-12), Đản Trung (CV-17)
- Xoa nhẹ má trong Khuỷu Tay

Sau 10 đến 20 phút, cháu bé ợ hơi và đánh rắm được nên hết khóc và ngủ đến sáng.

5. Thương thực (Food poison)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2018/12/than-ky-thay-tri-di-ung-thuc-bang-tay.html>

Nữ bệnh nhân có cảm giác bụng khó chịu như ăn không tiêu. Áp dụng VNĐƯLP xoa bấm các vùng:

- Eo Bàn Chân trong
- Vùng Ngư Tế (LU-10) ở bàn Tay
- Đấm nóng má trong Khuỷu tay (tuyến Ngón Út)

Bệnh nhân bớt nhiều sau khi được giúp.

E. CÁC BỆNH MẮT

1. Mắt nháy (Eye twitching)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tap-thoi-quen-song-hanh-phuc.html>

Nữ bệnh nhân bị nháy mắt liên tục. Áp dụng theo VNĐƯLP tìm Sinh-Huyệt cục bộ từ Đuôi Mắt trở ra huyết Đờng Tử Liễu (GB-1). Kết quả mắt giảm nháy.

2. Mọng thịt trong mắt (Pterygium)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tu-chua-benh-bang-may-say-hair-dryer.html>

Nữ bệnh nhân bị mọng thịt ở mắt. Áp dụng VNĐƯLP, sấy các kẽ Tay và các Mắt Ngón Tay. Sau một thời gian mọng thịt tan mất.

F. CÁC BỆNH TAI, MŨI, HỌNG

1. Viêm họng (Pharyngitis)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/thu-gui-thay-ly-phuoc-loc-tu-bui-trung.html>

Bệnh nhân bị viêm họng áp dụng VNĐƯLP theo hướng dẫn sau để tìm Sinh-Huyệt:

- Chà vuốt dọc trước 2 Bình Tai (SJ-21) từ trên xuống dưới đến cạnh Cằm (ST-6)
- Day ấn vùng Cổ Tay mặt trong từ cạnh Ngón Tay Cái đến Ngón Tay Út
- Day ấn Khớp Ngón Chân Cái (mặt dưới bàn chân)
- Tác động 7 lần khi tìm được Sinh-Huyệt
- Bấm Bộ Tiêu Viêm
- Làm mỗi ngày 3 thời

Bệnh nhân khỏi sau khi làm 3-4 tuần.

2. Viêm xoang hàm (Jaw sinusitis)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/thua-thay-mot-so-truong-hop-chua-thay.html>

Nữ bệnh nhân bị viêm xoang hàm cả hai bên. Day bấm ở cả hai bên vùng Hợp Cốc (LU-10). Bệnh nhân cảm thấy đỡ 80% sau khi được giúp.

3. Viêm Xoang Mũi (Rhinitis)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/thua-thay-mot-so-truong-hop-chua-thay.html>

Nữ bệnh nhân 65 tuổi đã mổ xoang nhiều năm, sau khi được giúp tìm Sinh-Huyệt ở vùng số 1 trong Đồ Hình Chính Diện, day 21 lần.

Kết quả bệnh nhân thông mũi.

4. Sổ mũi, viêm họng, viêm phế quản mãn tính, ho

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/01/trao-oi-bam-huyet.html>

Nữ bệnh nhân bị sổ mũi, viêm họng, viêm phế quản mãn tính, và ho đã áp dụng VNĐƯLP tìm Sinh-Huyệt qua các vùng:

- Day ấn Sinh-Huyệt ở vùng số 1 trong Đồ Hình Chính Diện (GB-15, giao điểm của đường ngang mí tóc trán và đường thẳng đứng đi qua tròng đen mắt)
- Vuốt 2 rãnh trước Bình Tai (SJ-21 đến ST-6)
- Xoa 2 Cổ Tay trong
- Xoa gan Bàn Chân Trái
- Xoa 2 mép ngoài của 2 ngón Chân Cái và Khớp Bàn Chân dưới
- Xoa 2 Khuỷu Tay
- Xoa 2 gan bàn Tay theo kẽ tay giữa các ngón: Áp Út và Giữa, Giữa và Trỏ
- Day ấn hai bên Thái Dương

Bệnh nhân đã tự chữa hết bệnh.

G. CÁC BỆNH DA

1. Bị Eczema 10 năm

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/10/bao-cao-ket-qua-cua-nguoi-bi-ngua-10.html>

Nữ bệnh nhân bị ngứa như bị kiến cắn, đau, rát. Sau mỗi lần ngứa bị để lại sẹo. Kẽ tay và chân có mụn ghẻ. Bác sĩ đổi 5, 6 loại thuốc vẫn không hết. Bác sĩ chuyên khoa không tìm ra bệnh sau 10 năm. Hướng dẫn bệnh nhân áp dụng bài chống Dị Ứng phấn hoa trong VNĐƯLP như sau:

- Vuốt kẽ Tay và Chân 3 lần, mỗi lần 7 cái ($3 \times 7 = 21$)
- Sấy hơi lần lượt các kẽ Tay kẽ Chân để tìm Sinh-Huyệt, sấy mỗi Sinh-Huyệt 5 giây.
- Day và kết hợp hơi từ Cổ Gáy (Đại Chùy, GV-14) đến giữa Lưng (Chí Dương/GV-9; Cách Du/B-17)
- Sấy dọc theo hai bên cột sống (cách cột sống khoảng bề dày 2 ngón tay khép kín) từ Cổ Gáy xuống giữa Lưng
- Nhú da dọc theo đường kinh Gan và Thận

Bệnh nhân kiên trì làm theo hướng dẫn 1 tuần và chứng ngứa giảm 80-90%

H. CÁC BỆNH TIẾT NIỆU

1. Da dương vật căng

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/thu-cua-kim-chi-tu-australia-03-sep-2015.html>

Cháu trai 14 tuổi bị lởp da dương vật căng đau đớn. Xức hết thuốc lại bị đau. Áp dụng theo VNĐƯLP, nhúu phần da ở Bắp Đùi (Bắp Đùi tương ứng Dương Vật và theo tính chất Da đồng Da). Bệnh nhân khỏi sau hai ngày.

2. Bệnh đường tiết niệu, đi tiểu đêm (Nocturia)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/08/benh-uong-tiet-nieu.html>

Nữ bệnh nhân bị mất ngủ và yếu vì đi tiểu nhiều, ban ngày khoảng 20 lần, ban đêm 60 lần. Áp dụng theo VNĐƯLP:

- Chà nóng 2 lòng bàn Chân
- Vuốt cổ Chân trong (vùng Tam Âm Giao, SP-6)
- Bóp nếp nhăn má trong khớp Gối (vùng Âm Lăng Tuyền, SP-9)
- Vuốt 2 bên Pháp Lệnh và Ụ Cầm (đặc biệt vùng số 7 trong Đồ Hình Chính Diện)

Làm mỗi ngày 3 lần. Bệnh thuyên giảm chỉ còn đi tiểu 7 lần ban đêm sau 1 tuần áp dụng.

3. Viêm tuyến tiền liệt (Prostatitis)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2018/09/chia-xe-niem-vui.html>

Nam bệnh nhân bị viêm tuyến tiền liệt với độ PSA là 16 đã áp dụng phương pháp thở để tự chữa tuyến tiền liệt. Thầy hướng dẫn cách tập thở như sau:

Ngồi thẳng lưng (tốt nhất là ngồi đợc Kiết Già hay Bán Già) cho xương Cùg, xương Sống, và Đỉnh Đầu thẳng hàng nhau, lưỡi co lên nóc giọng, hít vào bằng mũi cho đầy bụng, giữ hơi ở đó tới bao giờ không thể giữ đợc thì từ từ thở ra bằng mũi hóp bụng lại cho đến khi hết hơi trong bụng. Thở liên tục bảy lần như vậy là một chu kỳ. Một ngày thở ba thời mỗi thời ít nhất là một chu kỳ.

Sau hai tháng đi thử máu: PSA xuống phân nửa còn 8 độ. Sau một tháng nữa đi thử lại, lần này PSA xuống còn 6,1 độ. Bác sĩ không theo dõi nữa cho đến năm sau.

I. CÁC BỆNH PHỤ KHOA

1. Viêm tuyến vú (Mastitis)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2016/03/viem-tuyen-vu-chien-trinh.html>

Nữ bệnh nhân bị viêm tuyến vú do tắc tia sữa. Áp dụng theo VNĐƯLP:

- Bóp hai bên Nách
- Vuốt dọc theo xương Bả Vai
- Day bấm vùng Trung Phủ (LU-1)

Bệnh nhân hết bệnh sau khi đợc giúp.

2. Rong kinh (Menorrhagia)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/08/benh-rong-kinh.html>

Nữ bệnh nhân bị rong kinh một tháng. Áp dụng theo VNĐƯLP:

Hơ cứu bằng máy sấy tóc mỗi huyết 7 tiếng đêm:

- Gan Bàn Chân (theo đường trung tâm từ Gót qua Dũng Tuyền (K-1) lên ngón Chân Giữa)
- Vùng Tam Âm Giao (SP-6), Vùng Âm Lăng Tuyền (SP-9)
- Vùng Khí Hải (CV-6), vùng Đản Trung (CV-17), vùng Tử Cung (CV-19)

Day ấn trên mặt mỗi huyết 7 lần. Ngày 3 thời:

- Hai mép miệng (vùng huyết số 7 trong Đồ Hình Chính Diện)
- Hai Ngoạ Tâm (vùng huyết số 3 trong Đồ Hình Chính Diện)
- Hai Thái Dương (vùng huyết số 2 trong Đồ Hình Chính Diện)
- Bấm Bộ Tiêu Viêm

Bệnh nhân không còn ra huyết sau 1 tuần áp dụng phương pháp.

J. CÁC BỆNH ĐẶC BIỆT

1. Nổi hạch lao (Lymph nodes)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2021/01/noi-hach.html>

Nữ bệnh nhân bị nổi hạch chuỗi ở cổ, về chiều hay bị hầm hầm nóng và ngứa cổ ho khan. Theo VNĐƯLP:

- Hơ cứu từ Gót Chân dọc theo Gân Nhượng Chân đến giữa Bắp Chuối và Khoeo. Nơi nào nóng nhanh nhất dời nguồn nhiệt ra xa mặt da hơ tiếp trong 5 giây.
- Day ấn Bộ Tiêu Viêm 7 lần

Làm 1 ngày 3 thời. Sau 7 ngày các hạch chuỗi đã lặn.

2. Chữa bướu (Tumor)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/ca-chua-buou-tuyet-chau.html>

Nam bệnh nhân bị mọc 1 cái bướu to hơn trứng gà. Bác sĩ không mổ vì bệnh nhân đang uống thuốc loãng máu. Áp dụng theo VNĐƯLP:

- Hơ xung quanh bướu thật và bướu giả (vùng đối xứng của bướu thật, trước sau hay trái phải)
- Bấm Bộ Tiêu Viêm

Sau 5 ngày, cái bướu mở ra 2 miệng, từ đó chảy ra nước trắng đục và máu. Bệnh nhân không đau nhức và bướu teo được 70%. Thêm 6 ngày nữa bướu teo còn 10% và ngừng chảy nước.

3. Chứng Lạc Nội Mạc Tử Cung (Endometriosis, khó đậu thai)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/10/bao-cao-ket-qua-cua-chung-lac-noi-mac.html>

Nữ bệnh nhân chưa có con sau 2 năm lập gia đình. Áp dụng theo VNĐƯLP day bấm các vùng sau đây:

- Huyệt Hợp Cốc (LI-4) và điểm đối xứng của Hợp Cốc trong lòng bàn Tay
- Kẽ ngón Chân Cái và Chân Trỏ
- Hố Nách mặt trong
- Má trong Cùi Chỏ (vùng Thiếu Hải, H-3)
- Má trong Gối (vùng Âm Lăng, SP-9)
- Tam Âm Giao (SP-6)
- Nếp nhăn trong của ngón tay Cái và bàn Tay
- Nếp nhăn trong (về phía ngón Trỏ) của chân Cái (khi gập lại)
- Vuốt 2 bên mép miệng xuống Ụ Cằm (ngang qua vùng huyệt số 7)
- Hai Thái Dương và xoa xung quanh Hốc Mắt (đặc biệt vùng Ngoạ Tầm)
- Bộ Tiêu Viêm

Hai tháng sau bệnh nhân có thai.

4. Khó đậu thai vì kinh nguyệt không đều, hay rong kinh (menorrhagia) và đau bụng kinh (dysmenorrhea)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2019/06/judy-kinh-nghiem-ve-chung-kho-au-thai.html>

Nữ bệnh nhân khó có thai vì bị kinh nguyệt không đều và rong kinh. Áp dụng theo VNĐƯLP, bấm các vùng sau đây:

- Tam Âm Giao (SP-6)
- Âm Lăng Tuyền (SP-9)
- Số 7 dưới mép miệng (trong đồ hình Chính Diện)
- Hai Cơ Nách ở đáy Bả Vai
- Hơ Khí Hải (CV-6), Trung Quản (CV-12), Đản Trung (CV-17)
- Day ấn hay hơ Ủy Trung (B-40)

Sau 1 tháng thực hành, bệnh nhân thụ thai.

5. Tê chân tay do chấn thương cột sống

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2019/12/benh-nhan-mo-cot-song.html>

Bệnh nhân 18 tuổi bị tê chân tay sau khi mổ cột sống. Chân trái mất cảm giác. Áp dụng VNĐƯLP, day bấm các vùng sau:

- Xung quanh mắt thứ nhất 2 ngón Chân Cái
- Tam Âm Giao (SP-6)
- Ủy Trung (B-40)
- Hai cánh Tay trên từ Cùi Chỏ đến Đầu Vai (tuyến ngón út)

- Hai Thái Dương
- Sau khi tập bài Rùa Rắn Góc Đầu bấm Nhân Trung (GV-26) 7 lần

Sau 7 ngày hiệu quả rất rõ rệt: chân đứng vững, cảm giác 2 chân nhẹ và có thể nhấc chân cao, ngồi xổm không bị ngã ngửa ra sau. Đứng nhắm mắt không bị chao đảo.

6. Trị dị ứng khi không có máy sấy

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2018/12/than-ky-thay-tri-di-ung-thuc-bang-tay.html>

Nữ bệnh nhân bị dị ứng mề. Áp dụng theo VNĐƯLP dùng tay day ấn các vùng sau vì không có máy sấy tóc:

- Dùng gót bàn tay chà từ Cổ (Đại Chùy, GV-14) và hai bên Cổ dọc theo Cột Sống tới đáy Bả Vai (vùng Chí Dương, GV-9)
- Từ đáy Bả vai vào Cột Sống (vùng huyết Cách Du, B-17)
- Vuốt tất cả các kẽ ngón Tay và ngón Chân
- Vuốt từ Cổ Tay ra kẽ các ngón tay Trỏ và Giữa, Giữa và Áp Út, Áp Út và Út
- Bóp từ hai Bẹn Háng ra hai Eo Gối Má trong
- Bộ Tiêu Viêm

Bệnh nhân cảm thấy mặt bớt nóng, mẩn đỏ trên người cũng bớt rất nhiều. Không còn ngứa nữa sau khi được giúp.

K. TẬP BỆNH

1. Mụn ghẻ ở cùi chỏ

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/09/ve-benh-ngoai-da-ly-chinh-phat.html>

Nam bệnh nhân bị mụn ghẻ to ở cùi chỏ tay trái. Bấm 7 cái vào Sinh Huyết tìm được ở cùi chỏ đối xứng (bên phải trong trường hợp này), mỗi ngày làm hai lần. Sau chín lần, mụn ghẻ mềm và nhỏ lại chỉ còn khoảng 30%.

2. Ho khan (dry cough), nấc cụt (hiccup)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.ca/2015/11/tin-vui-ki.html>

Nữ bệnh nhân bị nấc cụt sau khi ăn. Áp dụng VNĐƯLP, dùng ngón tay Cái và Trỏ nắm và xoay tròn mạnh hai Cổ Tay. Bệnh nhân thấy cổ nhẹ và hết nấc cụt.

3. Chảy máu cam (Nosebleed)

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2017/01/kinh-nghiem-tu-chua-tieu-uong-chay-mau.html>

Bé trai hay bị chảy máu cam khi thời tiết quá nóng hay lạnh đã chín năm. Áp dụng theo VNĐƯLP bấm vào các vùng:

- Hai điểm trên cùng của Cánh Mũi, vùng huyết Thượng Nghinh Hương (M-HN-14, Bitong)

- Hai đỉnh Chân Tai, trên vùng Nhĩ Môn (SJ-21) một thốn
- Vuốt ngược ở hai Đầu Gối (vùng Độc Ty, ST-35. Áp dụng Đồng Hình lấy Gối làm Đầu)

Máu cam ngừng chảy sau khi được giúp

4. Kết quả không ngờ từ các bài vận động dưỡng sinh

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/11/ket-qua-khong-ngo-tu-cac-bai-van-ong.html>

Nam bệnh nhân chia sẻ kết quả sau khi thực tập 3 bài khí công trong phần Vận Động Dưỡng Sinh:

Bài Rùa Rắn Ngóc Đầu: tập 21 lần trước khi đi ngủ. Sau 3-4 tuần bệnh tiểu láu và tiểu đêm thuyên giảm thấy rõ. Sau 9 tháng không còn bị mất ngủ vì tiểu láu và tiểu đêm.

Bài Dịch Cân Kinh: tập bài này để trị Tam Cao (cao đường, cao máu, cao mỡ). Sau lỗi lần tập 15-20 phút, thì ra mồ hôi, vai và lưng nhẹ nhõm, thở sâu. Bài này cũng giúp cho những người bị kẹt khớp vai giờ tay lên không được.

Bài Vỗ Gối: tập để giúp đầu gối bị mổ và đau lưng. Giúp bệnh nhân thư giãn vai vì ngồi làm việc suốt ngày. Bài này cũng giúp cho di của bệnh nhân hồi phục sau khi bị giải phẫu làm khớp gối giả. Sau 3 tháng tập, bà ta đi lại dễ dàng và lên xuống cầu thang được.

Máu cam ngừng chảy sau khi được giúp

4. Kết quả không ngờ từ các bài vận động dưỡng sinh

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com/2020/11/ket-qua-khong-ngo-tu-cac-bai-van-ong.html>

Nam bệnh nhân chia sẻ kết quả sau khi thực tập 3 bài khí công trong phần Vận Động Dưỡng Sinh:

Bài Rửa Rắn Ngóc Đầu: tập 21 lần trước khi đi ngủ. Sau 3-4 tuần bệnh tiểu láu và tiểu đêm thuyên giảm thấy rõ. Sau 9 tháng không còn bị mất ngủ vì tiểu láu và tiểu đêm.

Bài Dịch Cân Kinh: tập bài này để trị Tam Cao (cao đường, cao máu, cao mỡ). Sau lỗi lần tập 15-20 phút, thì ra mồ hôi, vai và lưng nhẹ nhõm, thở sâu. Bài này cũng giúp cho những người bị kẹt khớp vai gờ tay lên không được.

Bài Võ Gối: tập để giúp đầu gối bị mổ và đau lưng. Giúp bệnh nhân thư giãn vai vì ngồi làm việc suốt ngày. Bài này cũng giúp cho di của bệnh nhân hồi phục sau khi bị giải phẫu làm khớp gối giả. Sau 3 tháng tập, bà ta đi lại dễ dàng và lên xuống cầu thang được.

PHẦN VI: TÀI LIỆU THAM KHẢO

Chu Dịch – Sào Nam Phan bội Châu – Nhà xuất bản Khai Trí Sài Gòn.

Diện Chấn Điều Khiển Liệu Pháp Thực Hành – Lý Phước Lộc (Lưu Hành Nội Bộ năm 1995)

Đông Y với Truyền Thống Đạo Học - Khí Hoá – Vô Thường Huỳnh Hiếu Hữu.

Hải Thượng Y Tông Tâm Lĩnh – Hải Thượng Lãn Ông – Nhà xuất bản Hội Y học Dân Tộc.

Sổ Tay Châm Cứu – Lương Y Thượng Trúc – Nhà xuất bản Y Học.

Từ Điển Huyệt Vị Châm Cứu – Lê Quý Ngưu – Nhà xuất bản Thuận Hóa.

A Manual of Acupuncture – Peter Deadman – C&C Offset Printing Co. Ltd

Đen trắng phân minh
Vuông tròn trách nhiệm
Chí thành tâm nguyện



Tác giả: Lý Phước Lộc
Trình bày nội dung: Đoàn Trọng Quốc
Thiết kế Huy hiệu: Đoàn Trọng Quốc, Trần Phú, Huỳnh Minh Nhật, và Gabriel Samson
Trình bày bìa: Gabriel Samson
Nhà in: Jenson Printing & Litho-Irvine, USA

Tác giả giữ bản quyền. Nghiêm cấm phát hành lại dưới mọi hình thức nếu không được sự đồng ý của tác giả.

©2020 Lý Phước Lộc

Mã số ISBN: 979-8-9857138-8-6

Xuất Bản Lần Thứ Nhất

Phát Hành tại Hoa Kỳ

Từ năm 2012 Việt Nam Đồng Ứng Liệu Pháp đã được đón nhận và áp dụng ở Hoa Kỳ đồng thời ở nhiều nơi trên thế giới như: Việt Nam, Gia Nã Đại, Cộng Hòa Liên Bang Đức, Đan Mạch, Úc, v.v.

Hiện nay Thầy Lý Phước Lộc đang định cư tại tiểu bang California, USA. Thầy Lộc tiếp tục miệt mài trải nghiệm, phát triển và chia sẻ kiến thức quý báu của mình đến các học viên cũng như bệnh nhân khắp nơi trên thế giới.

<http://vndongunglieuphap.blogspot.com>



Saigon in 1984

Lý Phước Lộc

"Kính thầy Lộc và các ACE thân mến,

Từ hơn 18 năm nay, tôi là bác sĩ gây mê cho thủ thuật Deep brain stimulation (đặt electrodes vào vùng thalamus, để làm giảm triệu chứng của bệnh Parkinson và movement disorders) nên lúc nào cũng băn khoăn là nếu có cách nào khác ngoài dùng thuốc Tây để giúp người bệnh hiệu quả hơn trong sinh hoạt bình thường - dù là không dứt căn bệnh - thì hay biết mấy.

Duyên may tới khi tôi dự một khóa tu tại đạo tràng Liên Hoa ở Texas năm 2017 và được gặp các học trò của Thầy Lộc. Các anh chị học viên ở đây, nhất là anh Quốc, đã chỉ cho tôi cách "chà tay" để chữa bệnh Parkinson.

Lúc trở về Virginia, tôi chỉ cho hai người bạn bị Parkinson nặng, thấy kết quả khả quan: bớt run và bắp thịt mềm lại, đi đứng gần như bình thường.

Tôi rất ngạc nhiên, không hiểu tại sao chỉ dùng ngón tay cái của một bàn tay chà lên cánh tay bên kia mà lại có hiệu quả đến như vậy.

Nguyên lý Đồng Ứng Liệu Pháp của Thầy Lộc thật là chí lý, vượt hẳn quan niệm thường tình của y học Tây Phương."

BS Trần Quốc Dũng
VIRGINIA, USA

"Kính thầy và các ACE thân mến,

Từ năm 2018 đến nay, tôi đã áp dụng phương pháp VNDULP của Thầy Lý Phước Lộc để điều trị cho bệnh nhân của tôi rất hiệu quả.

VNDULP của Thầy Lý Phước Lộc là một Y Triết trong Tự Phòng và Trị Bệnh (Phật tại Tâm, Thuốc tại Thân)

Xin tri ân Thầy"

Judy Tran
Osteopathic & Reflexologist
Giám đốc VJ Healthcare Clinic
TORONTO, CANADA

"Kính Thầy,

Gia đình của Bác bệnh nhân bị teo phổi nhờ con chuyển lời cảm ơn Thầy. Bác ấy nay đã khá hơn nhiều. Con vẫn tiếp tục làm theo các sự chỉ dẫn của Thầy.

Phần con, bấu ngực nay cũng đã không còn và tay của con cũng đã bớt tê. Con tìm thêm 2 sinh huyết ở khớp vai và phía trước nách; bấm vào đau như dao cắt.....

Càng học, con càng say mê....

Con cảm ơn Thầy rất nhiều!

Kính chúc Thầy và gia đình được vạn an!"

Kiều Nga Nguyễn
SAN JOSE, USA

